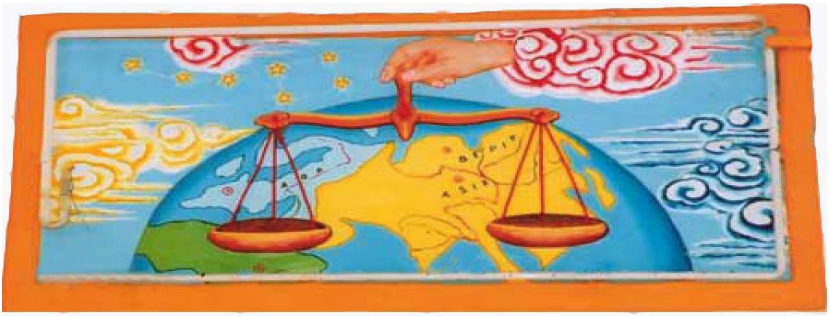


Tạp San Thế Đạo
Quartly Magazine
Issue 55 - February 2013



Ban Thế Đạo Hải Ngoại
3076 Oakbridge Dr
San Jose, CA 95121-1716
Phone: 408-238-6547

MỤC LỤC

01	Lễ Vía Đức Chí Tôn (Đức Thượng Sanh)	05
02	Tiểu sử Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư (Đức Nguyên)	10
03	Ăn Tết Miền Quê (Quỳnh Giao)	31
04	Vườn thơ Bạn Đọc (Thơ Xuân)	38
05	Mạn bàn về chữ Phúc (nguồn Internet)	41
06	Người Việt đón Tết như thế nào (Thiên Việt)	48
07	Bài Đọc Sau Đàn Cúng (HT Nguyễn Trung Đạo)	61
08	Ngũ Giới (Hoàng Pháp)	73
11	Liên lạc Ban Thế Đạo Hải Ngoại	87
12	Danh sách cơ sở, đồng đạo, thân hữu yểm trợ Tập San Thế Đạo	88
13	Tóm lược Hội Tương Tế Cao Đài	91
14	Phân ưu	93
15	Tâm thư kêu gọi yểm trợ xây cất Thánh Thất Cao Đài Houston TX của Thánh Thất Cao Đài Houston TX, của Cơ Quan Đại Diện Cao Đài Hải Ngoại	99
16	Tâm Thư kêu gọi yểm trợ của Thánh Thất San Diego, CA, của Điện Thờ Phật Mẫu tại Biên Hòa, Đồng Nai và của Thánh Thất huyện Cai Lậy Tỉnh Tiền Giang	105
17	Tin Tức Tóm Lược	111
18	Tết đến nói chuyện hoa Mai (Nguyễn Ngọc Bảo)	123
19	Sự thực về Đại sư Đường Tam Tạng (Bằng Hữ)	139
20	Chùa Đại Từ Ân	144
21	Amour et Justice (Tình Thương & Công Chính) (HT Lê Văn Thêm)	148
22	Giảng Đạo yếu ngôn (Nguyễn Văn Kinh)	159



Chúc Mừng Năm Mới 2013

Nhân dịp Năm Mới Quý Tỵ (2013) đến, Ban
Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo
kính chúc:

- *- Chư Chưc Sắc Thiên Phong.
- *- Chư Vị Hiền Tài & HTDP Ban Thế Đạo.
- *- Quý Hiền Huynh Hiền Tỷ lãnh đạo các Cơ Sở Đạo.
- *- Quý Hiền Huynh Hiền Tỷ Chưc Việc Ban Trị Sự các Hương Đạo, Quý Hiền Huynh Hiền Tỷ Chưc Việc Ban Quản Tộc các Điện Thờ Phật Mẫu.
- *- Quý Đồng đạo và Thân hữu

Một Năm Mới Quý Tỵ (2013)

**Sức Khỏe Dồi Dào &
Tinh Tấn Trên Đường Đạo**

San Jose, ngày 15-01-2013

Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo

LỄ VÍA ĐỨC CHÍ TÔN.

Đức Thượng Sanh thuyết Đạo

Tý thời rạng 9 tháng Giêng Tân Sửu (1961).¹

Kính thưa Chư Chức Sắc lưỡng phái,
Chư Chức Việc và Đạo Hữu Nam Nữ,

Hôm nay, ngày lễ Vía Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế, chúng ta Chúc sắc và Thiện tín lưỡng phái tựu họp nhau nơi Tổ Đình để lay mừng Đại Từ Phụ và kính cẩn dâng lên tấm lòng thành kính biết ơn thương Thầy mến Đạo.



Nhơn lúc đầu Xuân Tân Sửu và hơn buổi lễ này tôi thành tâm cầu nguyện cho Đạo an ninh, cho Đời thanh trị, hơn sanh bớt thống khổ, gió thuận mưa hòa, sông êm biển lặng.

Và cũng hơn dịp có đông đủ Chức Sắc, Đạo Hữu tôi xin đọc lại Thánh Giáo của Đức Chí Tôn đã giảng dạy đêm mừng 10 tháng

1- Bài Đọc Sau Đàn Cúng - Cơ Quan Đại Diện Cao Đài Hải Ngoại ấn hành lần thứ nhất tại Hoa Kỳ, 2013, Trang 24.

2 Canh Tý (7/3/1960) tại Đền Thánh.

“Hi Chư Chức sắc Hiệp Thiên, Cửu Trùng, Chư Môn đệ Nam Nữ,

Hôm nay Thầy vui lòng đến với các con để tỏ ý của Thầy đối với công việc Đạo của các con Hiệp Thiên và Cửu Trùng Đài. Từ mấy năm qua, các con đã chung tâm hiệp trí để sửa đường lối nền Chánh giáo cho đúng theo Chơn truyền, hiệp với Thiên Thơ, diu dắt nhơn sanh trọn vẹn trong đường Thánh Đức. Đó là các con cứu vãn tinh thể của Đạo khỏi bước lạc lầm hướng về thế sự, làm cho mất vẻ trong sạch thiêng liêng của nó. Thầy lấy làm hài lòng và vẫn bố hóa tâm trí các con luôn. Thầy chỉ khuyên các con phải giữ thể nào cho Đạo được trong sạch, phần cá nhơn của các con cũng phải được hoàn toàn trong sạch. Đạo trong sạch, người trong sạch thì tôn chỉ của mỗi Chánh truyền mới thật hành châu đảo đúng theo lẽ huyền vi.

Các con đừng sợ nghèo, cái nghèo thanh đạm cao siêu thì đối với giá nào cũng không chịu đỗi. Được vậy, các con mới xứng đáng là con yêu quý của Thầy. Đạo phải trải qua lúc gay go là để trau dồi Chức sắc cho minh mẫn trong xét đoán cũng như nhận định và học hỏi, nâng cao trí thức, bỏ óc hẹp hòi, lánh đường xa hoa, ích kỷ. Nay các con đã thoát lối mê đồ. Thầy khuyên các con phải thận trọng đừng để cho ngoại vật chi phối nữa nghe.”

Bài Thánh giáo này đã có đọc cho Chức sắc và Đạo hữu nghe và có lẽ cũng đã phổ biến ít nhiều trong Đạo. Nhưng nghe đọc hay xem Thánh giáo là một việc, còn làm theo lời dạy của Thánh giáo là một việc khác. Sự thật thì ai cũng muốn nghe, đọc Thánh giáo hoặc xem Thánh giáo, mà chùng tới lúc hành sự thì ít ai nhớ để làm y theo lời Thánh giáo. Vì vậy, hôm nay tôi cần phải nhắc lại bài Thánh giáo này.

Đức Chí Tôn dạy phải giữ thể nào cho Đạo được trong sạch, phần cá nhơn của người Đạo cũng phải được hoàn toàn trong sạch. Đạo trong sạch, người trong sạch thì tôn chỉ của mỗi Chánh

truyền mới thật hành châu đảo đúng theo lẽ huyền vi.

Quý báu thay mấy lời dạy của Đại Từ Phụ.

Sự giữ cho Đạo được trong sạch, người cũng phải trong sạch ắt hẳn là một sự rất khó tự cố chí kim, cho nên mới có lời của Đức Chí Tôn dạy như vậy và nếu cố gắng làm y theo được thì nên Đại Đạo này mới xứng đáng là Đạo của Trời lập thành, người môn đệ trong cửa Đạo mới hân hoan tự xưng là học trò của Ông Thầy Trời. Đạo được trong sạch là do hành vi và đức tánh của toàn thể Chức sắc Hội Thánh tức là Thánh Thể của Đức Chí Tôn tại thế.

Hai chữ trong sạch có cái nghĩa rộng bao la, gồm hết những cái hay, cái quý, cái cao đẹp về hình thức lẫn tinh thần của những người điều khiển.

Chẳng những chỉ giữ liêm khiết về tiền bạc, không như bọn đến tãi chánh bất hợp pháp mà thôi, mà cũng phải trong sạch về hành vi, về ngôn ngữ, về tư tưởng, về cách cư xử với người trên kẻ dưới.

Nói tóm lại, trong cửa Đạo, người hành Đạo phải chính mình là hiện thân của Đạo Đức, của Từ bi, Bác ái, Công bình thì sự trong sạch mới hoàn toàn.

Khi ra ngoài xã hội, đối với người đời, về mặt xã giao cùng lúc xử sự, phần cá nhân của người Chức sắc cũng phải được trong sạch trong mọi phương diện: không háo thắng, không khoe mình, lúc nào cũng lễ độ, khiêm tốn, hòa hữn, nhún nhường, sẵn lòng thi ân, tế chúng, thế nào cho mọi người đều mến yêu, kính nể, như vậy mới thâm phục nhơn tâm, đem thắng lợi dễ dàng về cho mình khi thật hành nhiệm vụ trên đường phổ độ.

Thành thử, Chức sắc của Đạo khi nhơn danh Hội Thánh mà làm phận sự Đạo hay khi lấy tư cách cá nhân mà cư xử ngoài mặt xã hội thì trong trường hợp nào cũng phải hoàn toàn trong sạch.

Đó là một việc khó khăn, như vậy cho nên những ai trau mình

tu hạnh đúng theo lời của Đức Chí Tôn thì những vị ấy chính là những Đấng Thánh nhơn của Đạo và nền Đại Đạo được gồm có những bậc Thánh nhơn trong hàng Chức sắc Thiên phong thì Hội Thánh mới thật xứng đáng là Thánh Thể của Đức Chí Tôn tại thế.

Đời của người hành Đạo là một đời học hỏi tu tập không ngừng. Bởi vậy, mặc dầu đạt tới chỗ hoàn thiện là một việc quá khó, nhưng nếu muốn tự giải thoát, chúng ta phải rán sức, bền chí kiên tâm, chịu hy sinh cuộc đời vật chất xa hoa, lánh bả lợi danh, sống hoàn toàn trong mặt Đạo, thì một ngày kia cũng đi đến kết quả, dầu không nên được bậc Chí Thánh, cũng đứng vào bậc Chơn tu, đáng mặt phi thường. Chí như gọi là khó rồi bỏ qua, không gắng công phu kèm chế cái vọng tâm, không vững chí sửa mình, đạt tới chỗ hoàn thiện thì người tu dựa vào căn bản nào mà đi cho cùng bước Đạo, công viên quả mãn ?

Tự cô chí kim, vì không giữ mình được trong sạch cho nên con người phải chịu làm nô lệ cho xác thịt để cho dục vọng lôi cuốn gây thành tam nghiệp tức là thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp, phải bị chìm đắm trong vòng sanh tử luân hồi, chẳng khác chi tự mình trói buộc vào một cái bánh xe, cứ quay cuồng mãi mãi không biết bao giờ tháo mở được.

Vậy chúng ta phải tự tỉnh, phải chí công mài sắt, phải tự quyết đạt tới mức thành công là tự giải thoát và giải thoát cho nhơn sanh.

Sự thành công ấy chỉ do nơi ta mà thôi và chỉ có thể thực hiện nếu chính ta quyết tâm và nỗ lực. Không có một thế lực nào, một quyền năng nào dầu là quyền năng thiêng liêng, có thể giúp đỡ giải thoát cho ta được.

Đức Chí Tôn có dạy rằng: “Thầy đã nói cho các con hay trước nếu các con không tự lập ở thế này là cái đời tạm của các con, thì Thầy cũng không bồng ẵm các con mà đỡ lên choặng.”

Theo lý thuyết của Phật giáo thì Đức Thích Ca là vị sáng lập Đạo Phật và chỉ vạch một con đường mà chính Ngài đã theo, một con

đường có thể đem đến cho nhơn loại một lối giải thoát. Nhưng sự giải thoát của mỗi người hoàn toàn tùy thuộc vào người đó, Đức Phật không giúp gì được trong công việc giải thoát của kẻ khác.

Sách Phật có chép một câu chuyện như sau đây:

Một ngày nọ Đức Phật Thích Ca chỉ mặt trăng mà bảo các đệ tử rằng: “Kìa là mặt trăng, các con cứ theo ngón tay ta chỉ mà nhìn thì thấy, nhưng nên nhớ rằng ngón tay ta không phải là mặt trăng. Cũng như những lời ta giảng về Đạo, các con có thể theo lời ta giảng mà tìm thấy Đạo, nhưng nên nhớ rằng lời giảng của ta không phải là Đạo.”

Hôm nay nhơn buổi Lễ Vía Đức Chí Tôn, tôi có ý nhắc lại phận sự chung của người hành Đạo là cố tâm thật hành lời giảng của Đại Từ Phụ, gắng công trau dồi hạnh đức, rèn luyện tánh tình để được xứng đáng với lòng tin cậy của Đại Từ Phụ và đáng mặt người hưởng đạo của nhơn sanh trên đường giải khổ.

Nơi trường thi công quả, Ông Thầy đã tận tụy với chức vụ, đã cạn lời giảng dạy, nhưng học trò không có thiện chí làm theo thì Ông Thầy cũng phải buồn lòng chán nản, mà học trò dầu học bao nhiêu năm cũng chỉ là hoài công mà thôi.

Đức Phật Mẫu có nói: “Đời đã tàn, thuyền Đạo sắp xa bến”, chúng ta thấy cái hung bạo của đời vật chất cạnh tranh, thấy những con thiêu thân tự thiêu mình vì ham đáp theo ánh sáng, chúng ta nên xung xăng nhắc bước trên đường Đạo Đức, đừng bỏ mất thì giờ quý báu, đừng ngó ngoái lại cái bến mê mà chúng ta đã được may duyên xa lánh. Cứ an lòng giữ vững đời sống muối dưa thanh đạm, dưới bóng Từ Bi của Đức Chí Tôn, lóng nghe hồi chuông cảnh tỉnh để lắng lắng giữ sạch bụi trần, ngày tháng công phu trau dồi tâm trí thể nào cho được thanh cao trong sạch.

Đó là chúng ta đi đúng con đường để tự giải thoát và giải thoát cho nhơn sanh./.

Thượng Sanh.

Tiểu Sử
Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư (1888-1929)
(Đức Nguyên)

I- Thời kỳ Xây Bàn

II- Đấng AẢẢ

III- Thời kỳ phò Ngọc cơ: - Hội Yến Diêu Trì Cung.

- Vọng Thiên cầu Đạo

IV- Thọ phong Thượng Phẩm

V- Mua đất cất Tòa Thánh

VI- Thảo Xá Hiền Cung

VII- Đức Cao Thượng Phẩm đăng Tiên

Ngài Cao Quỳnh Cư, hiệu là Bội Ngọc, sanh năm Mậu Tý (1888) tại làng Hiệp Ninh, tổng Hàm Ninh Thượng, tỉnh Tây Ninh.

Thân phụ của Ngài là ông Cao Quỳnh Tuân, làm Cai Tổng Hàm Ninh Thượng. Ông Cao Quỳnh Tuân mất lúc Ngài Cao Quỳnh Cư được 10 tuổi. Đức Chí Tôn cho biết, ông Cao Quỳnh Tuân là Xuất Bộ Tinh Quân ở Thượng giới giáng trần.

Thân mẫu của Ngài Cư là Bà Trần Thị Huệ (đắc phong Nữ Giáo Sư ngày 14-Giêng-Đinh Mão, dl 15-2-1927, do Đức Chí Tôn ân phong trong kỳ Phong Thánh Nữ phái lần thứ I).

Bào huynh của Ngài Cư là ông Cao Quỳnh Diêu (ông Diêu thứ ba, ông Cư thứ tư trong gia đình). Ông Cao Quỳnh Diêu về sau đắc phong Tiếp Lễ Nhạc Quân năm 1927, và Bảo Văn Pháp Quân năm 1929. (Xem Tiểu sử của ông Cao Quỳnh Diêu nơi chữ: Bảo Văn Pháp Quân, vần B).

Năm 1907, Ngài Cao Quỳnh Cư lập gia đình với Cô Nguyễn Thị Hiếu ở Sài Gòn (sau đắc phong Nữ Giáo Sư trong kỳ Phong Thánh Nữ phái lần thứ I, và sau cùng đắc phong Nữ Đầu Sư

năm 1968).¹

Người con trai duy nhất của Ngài Cư và Bà Hiếu là Cao Quỳnh An, đi du học bên Pháp và mất ở bên đó.

Năm 1915, Ngài Cao Quỳnh Cư làm Thơ ký tại Sở Hỏa Xa Sài Gòn, sau được lên ngạch Còm-mi, ngụ tại nhà số 134 đường Bourdais, nay là đường Calmette Quận I Sài Gòn.

I- Thời kỳ Xây Bàn:

Vào hạ tuần tháng 7 năm 1925, nhằm tối Thứ sáu ngày 24-7-1925 (âl 4-6-Ất Sửu), quý ông Cao Quỳnh Diêu, Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang, cùng một vài người nữa trong gia đình, tổ chức xây bàn theo cách thức của Thần Linh Học Tây phương, tại nhà ông Sang, ở dãy phố hàng dừa, bây giờ là đường Cống Quỳnh, gần Chợ Thái Bình, Sài Gòn. Buổi xây bàn đầu tiên không đạt kết quả.

Đêm sau, quý ông hẹn nhau, xây bàn thử lại lần nữa. Quý ông đốt nhang khấn vái, rồi ngồi quanh một cái bàn tròn một trụ ba chân, đặt nơi hàng ba trước nhà, hai bàn tay của mỗi người đều úp lên mặt bàn, ngồi lẳng lặng định thần một lát thì cái bàn dao động, chân bàn nhịch nhẹ xuống nền gạch phát ra tiếng. Các ông biết là có vong linh nhập bàn.

Để có thể nói chuyện với vong linh, ông Cư lên tiếng:

- Xin khoan đi, để cho tôi nói ít lời. Bây giờ chưa có cách chi để hiểu nhau, duy có gõ 2 tiếng là ừ, chịu, có, phải; còn gõ 1 tiếng là không, chẳng phải.

Vong linh liền làm chân bàn nhịch xuống gạch 2 tiếng, tỏ ý chịu.

Đoạn ông Cư nói tiếp:

- Ta hiểu theo đây thì có thể nói chuyện được với nhau tiện hơn. Nếu tôi hỏi chi, vong linh muốn trả lời, cứ theo thứ tự vần quốc ngữ mà gõ, mỗi chữ mỗi gõ, đến chữ nào dùng thì ngưng lại, nghĩa là lấy chữ chót, rồi bắt đầu trở lại mà gõ chữ khác, xong

1-Xem Tiểu sử Nữ Đầu Sư Hương Hiếu, nơi chữ: Nữ Đầu Sư, vần N.

rồi sẽ ráp lại mà đọc, giống như đánh giầy thép vậy. Vong linh liền gõ 2 tiếng: Ủ, chịu.

Qui ước với nhau xong rồi, ông Cư liền đọc theo vần quốc ngữ: a ă â b c d đ e ê g h i k l, tới chữ L thì bàn dứt gỗ, nghĩa là lấy chữ L.

Ông Cư bắt đầu đọc vần trở lại: a ă â b c d đ e ê g h i k l m n o ô ơ p q r s t u ư, tới chữ Ư thì bàn dứt gỗ, nghĩa là lấy chữ Ư. Cứ thế tiếp tục, cuối cùng ông Cư ráp lại được 3 chữ: LƯỢNG CAO QUỲNH.

Ai nấy đều rất vui mừng vì thấy có kết quả.

Ông Cư hỏi:

- Như phải là Cao Quỳnh Lượng thì chắc biết tên những người ngồi đây. Vậy cứ gõ tên từng người xem có trúng không.

Ông Cư bắt đầu đọc: a ă â b c d đ e ê g h i k l.... và bàn tiếp tục gõ. Lần này thì việc làm có vẻ như quen dần, việc ráp chữ có phần nhanh hơn. Khi ráp xong các chữ thì đúng là tên của những người đang ngồi xây bàn. Cả thảy đều vui mừng cười rộ lên, còn cái bàn thì đỡ hổng lên một chút lắc qua lắc lại, dường như cũng vui cười theo vậy.

Khi đó ông Cao Quỳnh Diêu biết chắc là Cao Quỳnh Lượng, con trai của ông đã chết cách đây mấy năm, nên lên tiếng hỏi rằng:

- Con có hầu Ông Nội không?

Bàn gõ trả lời: - Có.

- Mời Ông Nội đến đây tiện không?

Bàn gõ trả lời: - Đặng.

Sau đó thì cái bàn đỡ lên rồi để xuống luôn, không còn dao động như trước nữa. Quý ông biết là vong linh đã xuất ra, nên buông tay ra nghỉ xả hơi.

Trước một việc lạ lùng và linh hiển như thế, quý ông bàn tán dữ lắm mà chưa ra lẽ. Kế thấy nghỉ được nửa giờ rồi, quý ông trở lại ngồi xây bàn như lúc nãy.

Tĩnh thần một lát thì bàn dao động, bắt đầu gõ. Ông Cư ráp lại thì được chữ: CAO QUỲNH TUẤN. Đó là thân sinh của hai ông: Diêu và Cư. Ông Cư nói:

- Vì buổi Thầy quá vãng, anh em con vẫn còn nhỏ dại, cho đến nỗi anh cả con đã trọng mà còn không nhớ dạng hình ảnh của Thầy, huống chi là con còn nhỏ quá, duy buổi lớn khôn nghe người truyền ngôn lại cái hạnh đức của Thầy mà thôi.

Nếu có thể tiện, xin Thầy dùng dịp này cho anh em con một bài thi tự thuật hầu để roi truyền ngày sau cho con cháu thờ làm kỷ niệm.

Vong linh ông Cao Quỳnh Tuấn liền gõ bàn, cho bài thi:

Ly trần tuổi đã quá năm mươi,
Mi mới vừa lên ước dặm mười.
Tổng mến lời khuyên bền mộ chếp,
Tình thương câu dặn gắng tâm đời.
Bên màn đòi lúc trêu hồn phách,
Cõi thọ nhiều phen được thảnh thơi.
Xét nỗi vợ hiền còn lụm cùm,
Gặp nhau nhấn nhủ một đôi lời.

Thầy xin kiếu.

Khi bàn gõ xong chữ “kiếu” thì bàn dờ lên rồi để xuống nhẹ hều, không còn dao động nữa. Vong linh đã xuất.

Đó là buổi xây bàn có kết quả đầu tiên. (Viết theo Đại Đạo Truy Nguyên của Huệ Chương).

Qua buổi xây bàn có kết quả lần đầu tiên, các ông suy nghĩ nhiều lắm, nhưng chưa giải đáp được, chỉ biết chắc chắn rằng có sự hiện hữu của các vong linh nơi cõi vô hình.

Cả ngày hôm sau là Chúa nhật, nghỉ làm ở Sở, các ông vẫn bàn tán mãi, đến khi mệt nằm ngủ vùi. Lật bật đến gần tối, quý ông lo tắm rửa và cơm nước, xong cùng tự lại nhà ông Cao Hoài Sang để tiếp tục xây bàn nữa.

Đêm nay, quý ông sửa soạn trang nghiêm hơn đêm qua nhiều lắm. Đến 9 giờ tối, quý ông đem bàn ra, đốt nhang khẩn vái.

Xong rồi thì vào ngồi quanh chiếc bàn.

Ngồi tịnh thần một lát thì bàn dao động nhẹ nhàng, khoan thai, gõ bàn xưng danh là Đoàn Ngọc Quế, con gái, rồi Cô cho một bài thi Tự Thuật: (Xem thêm chữ: Xây bàn, vần X)

Thác vì Tình

Nỗi mình tâm sự tỏ cùng ai,
Mạng bạc còn xuân uống sắc tài.
Những ngở trao duyên vào ngọc các,
Nào dè phủ nợ xuống tuyền đài.
Dưỡng sanh cam lỗi tình sông núi,
Tơ tóc thôi rồi nghĩa trúc mai.
Dồn dập tương tư oằn một gánh,
Nỗi mình tâm sự tỏ cùng ai.

Đoàn Ngọc Huế

Bài thi này rất hay, làm cho quý ông thích thú, mỗi người làm thi họa lại, khiến cho quý ông mê mẩn việc xây bàn. Ban ngày thì đi làm, mong cho tối tối đặng họp nhau lại xây bàn. Sau đó, có ông thân sinh của ông Cao Hoài Sang về nhập bàn, rồi có ông Ách Đồng về. (Ông Ách Đồng là anh ruột của Ngài Phạm Công Tắc).

Vào tối thứ bảy ngày 8-8-1925 (âi 19-6-Ất Sửu), ba ông Cư, Tắc, Sang hiệp nhau xây bàn, ông Diêu bận việc nên vắng mặt. Cô Đoàn Ngọc Quế giáng bàn, nói chuyện một hồi, rồi ba ông xin kết nghĩa anh em với Cô.

Cô bằng lòng, gọi:

Ông Cao Quỳnh Cư là Trưởng Ca (Anh cả),

Ông Phạm Công Tắc là Nhị Ca (Anh hai),

Ông Cao Hoài Sang là Tam Ca (Anh ba),

Phần Cô là Tứ Muội (Em gái thứ tư).

Rồi Cô chỉ rõ mô má của Cô ở trong nghĩa trang Bà Lớn tại Ngã Bảy (Bà Lớn là Bà Tổng Đốc Phương, là Bà Ngoại của Cô).

Cô tên thật là Vương Thị Lễ, còn tên Đoàn Ngọc Quế là tá

đanh, là con gái của ông Đốc phủ Vương Quan Trân, Cô kêu ông Vương Quan Kỳ bằng Chú ruột. Cô là Nữ Tiên Thất Nương ở Cung Diêu Trì. Cô có nhiệm vụ dùng văn chương thi phú dẫn dắt quý ông vào đường đạo đức. “Chiêu tập hồn thi bước Đạo đầu.”

Quý ông mê say việc xây bàn để tìm hiểu về thế giới vô hình. Đêm nào cũng thức xây bàn đến khuya, sáng lại đi làm việc ở Sở cho đến chiều mà không cảm thấy mệt mỏi.

Rất nhiều Đấng Vô hình giáng bàn cho thi, để lần lần dẫn dắt quý ông vào đường Đạo.

Ngoài Cô Vương Thị Lễ (Thất Nương), còn có: Cô Hồn Liên Bạch (Bát Nương), Cô Lục Nương, Thi sĩ Huỳnh Thiên Kiều hiệu là Quý Cao, Đức Nhân Âm Đạo Trưởng, Đức Thanh Sơn Đạo sĩ (Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm), Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt, v.v....

Quý ông xây bàn lúc này phân làm hai nhóm nhỏ: ông Diêu và ông Sang xây bàn mỗi đêm tại nhà ông Sang ở phố hàng dứa; ông Cư và ông Tắc thì xây bàn tại nhà ông Cư ở đường Bourdais.

II. Đấng AẢẢ

Đấng AẢẢ đến với nhóm Xây Bàn lần đầu tiên vào hạ tuần tháng 7 năm Ất Sửu (1925). Ba ông: Cư, Tắc, Sang, thỉnh bàn ra tính xây bàn cầu Cô Đoàn Ngọc Quế về làm thi. Ba ông vừa đặt tay lên bàn thì có một Đấng giáng bàn, cho bài thi:

Ớt cay, cay ớt, gặm mà cay,
Muối mặn ba năm muối mặn dai.
Túng lú đi chơi nên tấp lại,
Ăn bòn chẳng chịu tấp theo ai.

Ông Cư thấy bài thi có ý rất lạ, liền hỏi tên họ là gì, thì vị giáng bàn xưng là AẢẢ. Ông Cư hỏi Ông AẢẢ bao nhiêu tuổi? Ông AẢẢ gõ bàn trả lời đếm hoài tới mấy trăm cái mà bàn vẫn tiếp tục gõ. Ông Cư nói chắc là Ông AẢẢ này lớn tuổi lắm và không dám hỏi nữa.

Kể từ buổi đó, Đấng AẢẢ thường nhập bàn giảng dạy cho ba ông biết nhiều điều rất thâm thúy. Những điều gì quá khó khăn mà không ai giải thích nổi thì ba ông cầu Ông AẢẢ về thì Ông AẢẢ giảng bàn giải thích rất rõ ràng, khiến mọi người đều kính phục.

Một hôm, Ông AẢẢ giảng bàn, Ngài nói rằng:

“Nếu muốn cho Bản đạo đến thường thì ba vị nạp mấy lời yêu cầu sau đây của Bản đạo:

Một là đừng kiểm biết Bản đạo là ai.

Hai là đừng hỏi đến quốc sự.

Ba là đừng hỏi việc Thiên cơ.”

Cả ba ông: Cư, Tắc, Sang đều ưng thuận. Kể từ đó, ba ông thường cầu Đấng AẢẢ về để học hỏi về thi văn.

Mấy hôm sau, Đấng AẢẢ giảng bàn nói với ba ông:

“Nếu muốn cho Ta tận tâm truyền dạy Đạo lý thì hết thảy phải kính Ta làm Thầy, cho tiện bề đối đãi.”

Ba ông mừng lắm, liền vâng chịu, và bắt đầu thọ giáo học Đạo cùng Đấng AẢẢ.

Và kể từ đây, Đấng AẢẢ giảng bàn, xưng mình là Thầy và gọi ba ông là môn đệ.

III. Thời kỳ phò Ngọc cơ:

- Hội Yến Diêu Trì Cung. - Vọng Thiên cầu Đạo.

Đến thượng tuần tháng 8 âm lịch, ba ông Cư, Tắc, Sang, được Thất Nương tiết lộ cho biết chút ít về Diêu Trì Cung nơi cõi Thiên liêng: Trên hết có Cửu Thiên Nương Nương cai quản, dưới có Cửu vị Tiên Nương mà Cô đứng hàng thứ 7 gọi là Thất Nương, Hồn Liên Bạch đứng hàng thứ 8 gọi là Bát Nương,...

Ba ông xin Cô cho biết cách cầu Đức Cửu Thiên Nương Nương. Thất Nương bảo ba ông phải trai giới 3 ngày và tìm choặng Ngọc cơ thì cầu Linh Bà mới được.

Quý ông không hiểu Ngọc cơ là gì. Cô mới mô tả Ngọc cơ, giải

rõ căn cội buổi xưa lấy hình dạng của sao Bắc Đẩu mà tạo thành, lại dạy cách phò cơ. Thất Nương cũng dặn mỗi người phải làm sẵn một bài thi đón mừng Nương Nương, dự bị sẵn đó.



Cô cũng chỉ dẫn cách sắp đặt bàn ghế, giữ trang nghiêm tinh khiết để cầu Cửu Thiên Nương Nương giáng phạm mỗi dạng. Ba ông không biết tìm mượn Ngọc cơ ở đâu. Như có linh tính xúi giục, ông Cư qua nhà người bạn láng giềng là ông Phán Tý chơi và luôn tiện hỏi thăm thì ông Tý liền cho biết, ông có một cây Ngọc cơ, và đang cho ông Âu Kích ở Chùa Minh Lý mượn, ông hứa đi lấy về cho ông

Cư mượn.

Ba ông rất mừng rỡ vì đã có được Ngọc cơ rồi, bây giờ lo ăn chay 3 ngày dạng cầu Nương Nương.

Đêm đó, Đấng AẢẢ giáng bàn, bảo ba ông nhưn dịp này, làm một cái tiệc chay để đãi Cửu Thiên Nương và Cửu Vị Tiên Nương nơi Diêu Trì Cung.

Đêm 14 tháng 8 âm lịch, tất cả đều đủ mặt tại nhà của ông Cư, số 134 đường Bourdais, Sài Gòn.

Ông Cư đặt một bàn dài ở giữa nhà, trải nắp đẹp, có rải bông lá, chung quanh đặt 10 cái ghế, cái ghế ở đầu bàn phía trong thì lớn nhất, dành cho Cửu Thiên Nương Nương, còn 9 cái ghế kia nhỏ hơn dành cho 9 vị Tiên Cô. Trên bàn, trước mỗi cái ghế,

đặt 1 cái ly, 1 tách trà, 1 cái chén với muống dừa, làm như là đãi tiệc người hữu hình vậy. Còn giữa bàn dài thì chưng trái cây và bông hoa tươi tốt, trông vào rất lịch sự.

Ông Cư dặn người nhà là ông không tiếp khách tối nay, và từ chập tối đã đốt trầm xông hương nơi bàn tiệc.

Đến giờ Tý, ba ông mặc quần áo chỉnh tề, đốt nhang đèn lên, đồng quì lạy khẩn vái. Xong đem Ngọc cơ ra cầu.

Thật quả có Lịnh Cửu Thiên Nương Nương đến giáng cơ, và Cửu vị Tiên Nương cũng giáng cơ đầy đủ chào mừng ba ông. Thất Nương kêu ba ông đờn và ngâm bài thi của mình đặng hiến lễ Nương Nương. Nương Nương và Chín Cô đồng an vị mà nghe.

Chừng nhập tiệc, Thất Nương mời ba ông ngồi vào bàn cho vui. Ba ông sợ thất lễ không dám ngồi, nhưng Thất Nương ép buộc, khó chối từ, nên mới đặt thêm 3 cái ghế ở phía sau, ba ông xá rồi ngồi xuống. Bà Hiếu (hiền nội của ông Cư), rót rượu (rượu Champagne) lần lượt vào 10 cái ly, và gấp đồ ăn chay đặt vào chén cho mỗi vị, tựa như đãi người sống vậy. Sau cùng thì rót nước trà vào 10 cái tách trên bàn.

Nửa giờ sau, chừng như mãn tiệc, hai ông Cư và Tắc phò Ngọc cơ tái cầu. Lịnh Nương Nương và Chín Cô để lời cảm tạ và hứa đã: “Từ đây có Ngọc cơ rồi thì tiện cho DTC đến dạy việc.”

Kế đó, mỗi Đấng viết cho 4 câu thi, Đức Cửu Thiên Nương Nương (Đức Phật Mẫu) cho trước, rồi lần lượt Nhứt Nương, Nhị Nương, v.v..., cuối cùng là Cửu Nương. Các bài thi này, về sau được dùng làm Bài Thái hiến lễ Đức Phật Mẫu và Cửu vị Tiên Nương trong Lễ Hội Yến DTC tại Báo Ân Từ vào ngày Rằm Trung Thu hằng năm.

Đầu tháng 9 năm Ất Sửu (1925), Đấng AẤẤ giáng cơ nói với ba ông Cư, Tắc, Sang như sau (để thử lòng ba ông):

“Tôi nói lộ Thiên cơ nên bị Ngọc Hư Cung bắt tội, xin tam vị Đạo hữu cầu Ngọc Hư tha tội tôi, nếu không thì tôi sẽ bị phạt.” Ba ông rất lo lắng, liền lập bàn hương án cầu DTC vào ngày

3-9-Ất Sửu (dl 20-10-1925), ông Cư có đặt một bài thi để đọc trước hương án cầu xin Cửu Thiên Nương Nương tha tội cho Ông AẢẢ:

Vái van xin quý Cửu Thiên Nương,
Tâu với Ngọc Hư tỏ ngọn nguồn.
Vì nghĩa A A mang trọng tội,
Nghĩ tình đồng đạo để tình thương.

Đó là Đấng AẢẢ thử xem ba ông có thương AẢẢ thiệt tình không, để dự bị việc Vọng Thiên Cầu Đạo.

Ngày 27-10-Ất Sửu (dl 12-12-1925), Đức Cửu Thiên Nương Nương giảng cơ dạy rằng: “Ngày mùng 1 này, tam vị Đạo hữu Vọng Thiên Cầu Đạo.” (Ngày mùng 1 này là ngày mùng 1-11-Ất Sửu, dl 16-12-1925).

Đức Bà Cửu Thiên viết xong lệnh đó thì thăng ngay.

Ba ông Cư, Tắc, Sang không biết Vọng Thiên Cầu Đạo là làm sao, chờ đợi đêm sau, cầu hỏi Thất Nương. Thất Nương đáp: - Không phải phận sự của Em, xin hỏi Ông AẢẢ.

Tối hôm sau nữa, có các Đấng khác giảng, ba ông cũng đem việc Vọng Thiên Cầu Đạo ra hỏi, các Đấng ấy cũng đáp y như Thất Nương.

Tối 30-10-Ất Sửu, ba ông cầu Đấng AẢẢ thì Ngài giảng cơ dạy rằng:

“Ngày mùng 1 tháng 11 âm lịch này, tam vị phải Vọng Thiên Cầu Đạo, tẩm gội cho tinh khiết, ra quì giữa Trời, mỗi vị cầm 9 cây nhang mà vái rằng: Ba tôi là Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc và Cao Hoài Sang, vọng bái Cao Đài Thượng Đế, ban ơn đũ phước lành cho ba tôi cải tà qui chánh.”

Ba ông không hiểu Cao Đài Thượng Đế là ai, nhưng lệnh trên đã dạy thì cứ thi hành. Thế là đêm mùng 1-11-Ất Mão (dl 16-12-1925), ba ông lập bàn hương án ở ngoài sân trước nhà ông Cư, ba người mặc áo dài khăn đóng nghiêm trang, quì chung quanh bàn, cầm 9 cây nhang cầu nguyện y như lệnh dạy, đến khi gần tàn hết 9 cây nhang mới thôi.

Xong rồi, ba ông đem Ngọc cơ ra cầu. Đấng Cao Đài Thượng Đế giáng cho bài thi chữ Nho rất khó hiểu.

Khi Đấng Cao Đài Thượng Đế thăng rồi, ba ông liền cầu Đấng AẤẤ giải nghĩaùm.

Đấng AẤẤ giáng, giải nghĩa xong rồi thì cho bài thi:

Cứ níu theo phan Đức Thượng Hoàng,
Tự nhiên tu tánh đặng bình an.
Nguyệt hoa căn tội tua xa lánh,
Vịn lấy nhành dương hưởng đạo nhân.

Mãi đến đêm Noel (24-12-1925), Thất Nương giáng cơ truyền phải chỉnh đàn cho nghiêm hầu tiếp giá.

Nghe vậy, ba ông Cư, Tắc, Sang, nửa mừng nửa sợ, lật đật sắm đủ hương đăng hoa trà tửu quả, chỉnh đàn thật nghiêm tịnh, (tại nhà của ông Cư) đốt nhang khấn vái, rồi hai ông Cư, Tắc ngồi phờ Ngọc cơ.

Đấng giáng cơ viết như vậy:

NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ viết CAO ĐÀI
GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG.

Muôn kiếp có Ta nắm chủ quyền,
Vui lòng tu niệm hưởng ân Thiên.
Đạo mầu rưới khắp nơi trần thế,
Ngàn tuổi muôn tên giữ trọn biên.

Đêm nay, 24 Décembre, phải vui mừng vì là ngày của Ta xuống trần dạy Đạo bên Thái Tây. Ta rất vui lòng mà đặng thấy chư đệ tử kính mến Ta như vậy.

Nhà này sẽ đầy ơn Ta. Giờ ngày gần đến, đợi lệnh nơi Ta. Ta sẽ làm cho thấy huyền diệu đặng kính mến Ta hơn nữa.

Đấng Thượng Đế còn phán rằng:

Bấy lâu Thầy vẫn tá danh A Ấ Ấ là cốt để dìu dắt các con vào đường đạo đức, hầu chẳng bao lâu đây, các con phải ra giúp Thầy mà Khai Đạo.

Các con có thấy Thầy khiêm nhường là dường nào chưa?
Các con nên bắt chước Thầy trong mảy mún thì mới xứng đáng là người đạo đức.”



(Trích trong Đại Đạo Căn Nguyên của Ngài Nguyễn Bảo Pháp)

Ngày 31-12-1925(âm 16-11-Ất Sửu), Đấng AẤẤ giảng:

“A Ấ Ấ,

Ba con thương Thầy lắm há?

Con có thấy đặng sự hạ mình của A Ấ Ấ thế nào chưa?

Con có thấu đáo cái quyền năng của Thầy chưa?

Người quyền thế lớn như vậy có thể hạ mình bằng A Ấ Ấ chăng?

A Ấ Ấ là Thầy.

Thầy đến con thế ấy, con thương Thầy không?”

IV.Thọ phong Thượng Phẩm

Đầu năm 1926, ngày 2-1-1926 (âm 18-11-Ất Sửu), Đức Chí Tôn Thượng Đế bắt đầu dạy Đạo cho ba ông.

Ngày 27-1-1926 (âm 14-12-Ất Sửu), khai đàn tại nhà ông Cao Quỳnh Cư, Đức Chí Tôn giảng cho thi:

Đã để vào tòa một sắc hoa,
Từ đây đàn nội tử như nhà.
Trung thành một dạ thờ Cao Sắc,
Sống có Ta, thác cũng có Ta.

Đài sen vui nhánh trở thêm hoa,

Một Đạo như con ở một nhà.
Hiếu nghĩa tương lai sau tự hội,
Chủ trung Từ Phụ vốn là Ta.

Đêm 30 tháng Chạp năm Ất Sửu (dl 12-2-1926), Đức Chí Tôn
giáng tại nhà ông Cư:

“Sắp út thương hơn cũng thế thường,
Cái yêu cái dạy mới là thương.
Thương không nghiêm trị là thương dối,
Dối dạ vì chứng yếu dạ thương.

Cư, Tắc, Sang! Trong năm mới này, Thầy trông mong ba con
thấu rõ đạo đức hơn nữa, gắng chí nghe!”

Ngày 14/15-3-Bính Dần (dl 25/26-4-1926), Đức Chí Tôn phong
Ngài Cao Quỳnh Cư là Tá Cơ Tiên Hạc Đạo Sĩ.

Ngày 18-5-Bính Dần (dl 27-6-1926), Đức Chí Tôn dạy cách tổ
chức Lễ cúng Đại Đàn, xếp đặt vị trí đứng cho ba Ngài: Phạm
Công Tắc, Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang. Tuy Đức Chí Tôn
không nói phong chức, nhưng với việc sắp đặt ba vị trí này, Đức
Chí Tôn đã phong ba ông vào ba chức vụ: Hộ Pháp, Thượng
Phẩm, Thượng Sanh của HTĐ.

Nhưng theo bài Bia kỷ niệm Đức Cao sĩ Thượng Phẩm của
Hội Thánh, thì ngày 15-10-Bính Dần, Đức Chí Tôn chánh thức
phong Ngài Cao Quỳnh Cư chức Thượng Phẩm HTĐ.

Ấy là ngày mà ba vị: Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh,
mặc đại phục đứng châu lễ Đức Chí Tôn lần đầu tiên tại Thánh
Thất Từ Lâm Tự, khởi đầu thành lập ĐĐTKPĐ.

V. Mua đất cất Tòa Thánh

Sau ngày Đại Lễ Khai Đạo tổ chức tại chùa Từ Lâm Tự ở Gò
Kén Tây Ninh, chủ chùa là Hòa Thượng Như Nhãn đòi chùa
lại, Hội Thánh buộc phải trả chùa và dời đi nơi khác.

Đức Lý Giáo Tông giáng cơ dạy Hội Thánh đi mua đất ở làng
Long Thành (Tây Ninh) để cất Tòa Thánh, không mua đất ở
vùng khác được vì Thánh ý của Đức Chí Tôn là: Chi chi cũng

tại Tây Ninh đây mà thôi.

Trong khi Hội Thánh đi tìm đất, Đức Cao Thượng Phẩm thấy một miếng đất rừng đề tên chủ nhân là Cao Văn Điện, ông này là bạn của Ngài, nên Ngài tìm đến ông Điện nhờ chỉ dẫn để mua miếng đất rừng của ông Aspar người Pháp, làm Kiểm Lâm, ở kế bên miếng đất của ông Điện, đúng theo ý Đức Lý Giáo Tông hướng dẫn, dùng làm Thánh địa, cất Tòa Thánh và các cơ quan Trung ương của Đạo, tạo thành khu Nội Ô ngày nay.

Trong công cuộc phá rừng khai hoang để cất Tòa Thánh tạm và các cơ quan, Đức Cao Thượng Phẩm là người đứng đầu công trong Hội Thánh.

Bà Nữ Đầu Sư Nguyễn Hương Hiếu thuật lại giai đoạn này trong quyển Đạo Sử I của Bà, chép ra như sau:

“Khi phá đám rừng này thì đàn Thổ (người Cao Miên từ Soài Riêng xuống làm công quả) xuống cả ngàn người để phá rừng, làm cho ông Chánh Tham Biện người Pháp (Tỉnh trưởng Tây Ninh thời ấy) nghi ngờ, mời Đức Cao Thượng Phẩm ra Tòa Bó. Ông hỏi Đức Cao Thượng Phẩm làm cái gì mà đông đảo như vậy?

Đức Cao Thượng Phẩm trả lời: - Tôi mua miếng đất đó dựng trồng cao su.

Ông Tham Biện hỏi: - Trồng mấy mẫu?

Đức Cao Thượng Phẩm trả lời: - Tôi trồng hết sở đất của tôi mua, phá tới đâu tôi trồng tới đó.

Nên ngày nay, trong Nội Ô có cây cao su là do nơi đó.

Khổ tâm hơn hết là Đức Cao Thượng Phẩm bị người Pháp cất vấn đủ điều, cho đến nỗi tới giờ cúng cũng không vô Chánh điện được, buộc phải rào song ly lại.

Trong Chánh điện chỉ có một mình ông Lễ Sanh Thượng Xường Thanh cúng mà thôi, còn ở ngoài thì vài ba ông thợ mộc quì trên dầm bào lạy vô Bửu điện, vì lúc này, Chánh phủ Pháp nghi ngờ bắt Đạo và bó buộc không cho tụ họp đông đảo, như vậy

mà ông Tham Biện người Pháp còn mời Đức Thượng Phẩm ra Toà Bố ngày một.

Giai đoạn di cốt Phật Tổ

(từ Chùa Gò Kén về Tòa Thánh)

Cốt Phật Tổ nặng quá, bởi con ngựa Kiên Trắc của Đức Phật Tổ cỡi lớn và dài, nên Đức Cao Thượng Phẩm phải kết hai cái xe bò lại để thỉnh cốt Phật lên.

Trong lúc sửa soạn thỉnh cốt Phật thì ông Chánh Tham Biện người Pháp cho một toán lính mặc đồ thâm, núp dưới đường mương ngoài lộ, chong súng lên đặng bắn Đức Cao Thượng Phẩm, tới chừng thấy rõ là thỉnh cốt Phật, mới rút lui. Hội Thánh từ từ di cốt Phật về đất mới mua.

Đức Cao Thượng Phẩm đứng trên xe bò vịn cốt Phật Tổ, thấy nghiêng bên nào thì hô lên để sửa lại cho ngay, đi từ 6 giờ chiều tới 2 giờ khuya mới đến Thánh địa (ngay cửa Hòa Viện, tức là cửa số 1 bây giờ).

Trước cửa Hòa Viện có cây vên vên, đến đây di cốt Phật Tổ vào không được vì bị một cái đường mương lớn quá. Đức Cao Thượng Phẩm phải lập kế, kiếm ván đặng lót cho xe vô mới được. Khi xe qua đường mương rồi thì tạm để cốt Phật nơi đây, vì Đức Cao Thượng Phẩm mệt đuối, nhào xuống đồng lá khô trong rừng nằm nghỉ, tất cả Chức sắc cũng nằm xuống đó nghỉ theo.

Xin nhắc lại, khi mua đất này thì chưa tạo được cái nhà nào hết, chỉ có cái nhà bò của ông Aspar bán đất để lại (dãy nhà chỗ Chợ Từ Bi, gần nhà Đức Quyền Giáo Tông bây giờ), nhờ đó mà tạm dùng nhà bò này để làm Trù phòng cho công quả ăn phá rừng. Nên khi Đức Cao Thượng Phẩm thỉnh cốt Phật về tới đây mệt lả thì Bà Chánh Phối Sư Hương Hiếu đã chuẩn bị nấu cháo sẵn rồi, Nữ phái khiêng cháo và nước qua cụm rừng để ăn cho đỡ dạ.

Nền Phật Tổ đã được Đức Cao Thượng Phẩm an vị giữa hai cụm rừng, gần cây Ba nhánh.

Lúc bấy giờ, Đạo phải trải qua nhiều lối chông gai, nhiều đường khổ hạnh, nhưng người chủ trương việc Đạo, nhất là ông Cao Quỳnh Cư đem hết dạ nhiệt thành, hết bầu tâm huyết mà sắp đặt trật tự bên trong và chống trả với phản động lực bên ngoài (thời Pháp thuộc).

Đức Cao Thượng Phẩm vâng lệnh Đức Chí Tôn phá rừng xong, xây cất Tòa Thánh tạm, Hậu Điện, Đông Lang, Tây Lang, Trường học, Trừ phòng, đều bằng tranh và đào giếng (mà hiện giờ còn di tích là mấy cái giếng gần Tòa Nội Chánh đó).”

VI. Thảo Xá Hiền Cung

“Thảm thay! Trời đương thanh, biển đương lặng, gió đương êm, bỗng đâu đất bằng sóng dậy, nước ã khuấy nên hồ, đem đến gieo ác cảm cho Đức Cao Thượng Phẩm làm cho Đức Ngài phải về Thảo Xá Hiền Cung.

Đức Ngài quá buồn, vì khi vâng lệnh Đức Chí Tôn về Tây Ninh mở Đạo, Ngài phải bỏ sở làm, chưa hưu trí, con còn đang du học tại Paris.

Nhớ lại lúc bỏ sở làm thì anh em bạn nói rằng: “Thầy Tư! Sao thầy quá tin dị đoan, con còn đang học bên Pháp mà thầy đi như vậy thì việc học của con phải dở dang sao?”

Nhưng Ngài nhất quyết nghe lời Đức Chí Tôn dạy mà thôi, nên Ngài thu xếp gia đình, bỏ sở làm, về Tây Ninh lo Đạo, chịu biết bao cảnh gian nguy, vì chỗ này khi xưa, đầy những bụi cây thú dữ, phải ăn vạc nằm sương, mới tạo thành Tòa Thánh tạm và xây cất đủ mọi nơi thành khoảnh, thì lại bị thiên hạ đuổi đi.”

“Tạo đâu đó xong xuôi, rồi Đức Cao Thượng Phẩm bị một trận khảo đảo khá dữ dội là: Có một nhóm người thiếu thương yêu (nhóm ông Tư Mất) gieo ác cảm, hội nhau dưới Thủ Đức, nước ã khuấy nên hồ, họ đồng lòng về Tòa Thánh đuổi Đức Cao Thượng Phẩm, kỳ 24 giờ phải ra khỏi Tòa Thánh, nếu không thì bắt cột trong rừng bần.

Làm Đạo lúc phôi thai, rất khổ sở trăm bề, có kẻ nghịch rình mò, âm mưu với nhau hợp lại, xúi giục gây rối làm loạn. Họ

đồng lòng với nhau đũa hai vợ chồng thầy Tư (tức Cư và Hiếu) ra khỏi Tòa Thánh.

Buồn cười.... Tuồng đời lạnh nhạt. Thôi! Họ dữ quá!

Chúng tôi về Thảo Xá Hiền Cung, là nơi căn cội mà Chí Tôn dạy cất trước, nên Thảo Xá Hiền Cung là gốc.” (ĐS. I. 125)

“Ngài về Thảo Xá, vì buồn rầu, vì xấu hổ với anh em bạn, mặt mũi nào trở về sở làm được nữa, thế nên Ngài thất chí, ước nguyện của Ngài không thành.

Vì khi ra đi, Ngài quyết chí đem thân này làm con tể vật cho Đức Chí Tôn sai khiến, nhưng cơ đời rất nên cay nghiệt, xảy đến nhiều nỗi tang thương cho gia đình Ngài.

Ngài quá đau khổ, có làm bài thi Tự Thán như vậy:

THI

Công trình gây dựng Thất Tây Ninh,
Bằng địa sóng xao khiến rập rình.
Tà mị phàm rung rinh chất Thánh,
Mùa màng sâu phá hoại hồn kinh.
Xưa Tòa Thánh đập dùi lai vãng,
Nay Bửu đình hiu quạnh lụy nhìn.
Thương Đạo mền Thầy xin sớm liệu,
Cộng tâm chung trí chớ làm thinh.

Thất Nương DTC giáng cơ an ủi Đức Cao Thượng Phẩm và cho bài thi dưới đây:

THI:

Nghĩ giận mà ra bắt nực cười,
Nhờ ai an vị lại an nơi.
Trăm năm chưa giữ bền thân sống,
Một kiếp đã gây lắm tội đời.
Phẩm Phật ngôi Tiên ai dẫn nẻo?
Ngai Thần vị Thánh kẻ toan đời.
Nhấn lời nói với phường đen bạc,
Đến cửa thiêng liêng ngó mặt Trời!

Thất Nương giáng cơ ban cho đôi liễn Thảo Xá Hiền Cung ngày

12-6-Mậu Thìn (dl 28-7-1928): (Xem chi tiết nơi chữ: Thảo Xá Hiền Cung).

Thảo Xá tùy nhờn, ngu muội bản cùng nghinh nhập thất,
Hiền Cung trạch khách thông minh phú quý cấm lai môn.

VII. Đức Cao Thượng Phẩm đăng Tiên

Đức Cao Thượng Phẩm, từ ngày về Thảo Xá Hiền Cung thì lâm bệnh nặng, thân thể hao mòn, sắc diện âu sầu buồn bã. Ngài bị tâm bệnh vì thất chí, lương y khó phương điều trị cho lành mạnh. Đức Chí Tôn dạy Hội Thánh cất Tịnh Thất trong Nội Ô để rước Đức Cao Thượng Phẩm nhập tịnh.

“Ngày 15-10-Mậu Thìn (1928), 7 giờ sáng, một đoàn xe hơi Chức sắc Đại Thiên phong Hiệp Thiên, Cửu Trùng, đến Thảo Xá Hiền Cung rước Đức Cao Thượng Phẩm, thì Ngài vui lòng lên xe về Tòa Thánh, nhập Tịnh Thất. Hội Thánh có chọn Chức sắc phụng sự mọi việc thương thức cho Ngài. Đức Cao Thượng Phẩm nhập Tịnh Thất một thời gian, bệnh tình cũng chưa thuyên giảm, hằng ngày kém ăn mất ngủ, thân thể xem gầy còm.

Ngày 26-12-Mậu Thìn (1928) (gần Tết), Ngài tỏ với người bạn thân là Bà Giáo Sư Hương Hiếu, lo sắp đặt 6 giờ chiều trở về Thảo Xá. Ngài không cho Chức sắc hay trước.

6 giờ chiều, Giáo Hữu Thượng Trí Thanh kêu một cỗ xe ngựa, lót nệm để Ngài nằm, đi theo hộ vệ chỉ có người bạn thân của Ngài và Giáo Hữu Trí, đưa Ngài về Thảo Xá.

7 giờ rưỡi tới nơi, đỡ vào phòng nghỉ ngơi, xem được khỏe như lúc lên xe. Từ đây ở yên nơi Thảo Xá.” (ĐS. I. 65).

Đức Cao Thượng Phẩm đăng Tiên

“Ngày 1-3-Kỷ Ty (dl 10-4-1929), 11 giờ trưa, Đức Cao Thượng Phẩm cho mời Đức Phạm Hộ Pháp cùng ông Bảo Văn Pháp Quân, Bà Giáo Sư Hương Hiếu, Giáo Hữu Thượng Trí Thanh, Giáo Hữu Thượng Kỳ Thanh, Lễ Sanh Thượng Ngươn Thanh.

Đức Cao Thượng Phẩm nhìn Đức Phạm Hộ Pháp trời rằng: “Nay Qua về châu Đức Chí Tôn, Em ở lại hiệp với Chức sắc

chung lo nền Đạo của Thầy cho được vẹn toàn mọi sự. Anh dầu có nhắm mắt thì sự mất cũng như còn.”

Nói rồi tuôn hai hàng nước mắt. Kế day qua nói với người bạn thân của Ngài, căn dặn để trọn tâm lo tròn phận sự. Nói dứt lời thì Ngài xuất linh hồn êm ái, gương mặt cũng như người đương ngủ. Có một điều phi thường là lời trối Ngài nói có hàng có chấm, cũng như lúc mạnh khỏe. Cả Chức sắc có mặt đều cảm động ngậm ngùi thương tiếc.

Khi Ngài dứt hơi thì đỡ ngồi dậy, thúc xác ngồi kiết tường, trước mặt lập bàn hương án có chưng hoa quả trà rượu.

Đức Phạm Hộ Pháp ra kiếu cho thợ mộc đóng liên đài hình bát quái.

Thời Tý, 12 giờ đại liệm, rồi thành phục tế lễ theo nghi tiết. Hội Thánh thông tri cho toàn đạo các tỉnh đều hay, đăng hành lễ cầu nguyện cho Đức Cao Thượng Phẩm được tiêu diêu nơi miền Tiên cảnh.

Quàn tại Thảo Xà Hiền Cung 3 ngày, Chức sắc và Đạo hữu Nam Nữ diếu tế rất đông.

Chức sắc HTĐ cầu cơ bút, Đức Cao Thượng Phẩm giáng cơ tỏ vẻ vui mừng được về bái mạng Đức Chí Tôn cùng Đức Phật Mẫu nơi Bạch Ngọc Kinh và DTC. Hai Đấng đều ban ân công nghiệp buổi Khai Đạo làm tròn sứ mạng.

Ngài cho tiếp một bài thi tứ tuyệt:

“ CAO thanh miệng thế mặc chê khen,
THƯỢNG trí màng chi tiếng thấp hèn.
PHẨM cũ ngội xưa dầu rõ giá,
Từ bi tập tánh được thường quen.

Ngài tỏ vẻ vui mừng nay đã thoát khỏi biển trần về cảnh Thiên cung liêng Hằng sống.” (ĐS. I. 67)

Sau đây, Đức Cao Thượng Phẩm có giáng cơ cho hai bài thi khi di liên đài ra Bửu tháp:

Xử áo trần hoàn đã rảnh tay,
Thung dung nhờ núp bóng Cao Đài.

Rừng tòng nhứt rọi khi mờ tỏ,
Xóm lạc trắng lồng lúc tỉnh say.
Phi thị mặc đời nơi quán tục,
An nhàn rảnh dạ khách Thiên Thai.
Ngậm cười nêu quạt chờ sanh chúng,
Biển khổ ngày qua đếm một ngày.

* * *

Ngánh lại mà đau cảnh đoạn tràng,
Cõi Thiên mừng đặng dứt dây oan.
Nợ trần đã phủi, lòng son sắt,
Ngôi vị nay vinh, nghĩa đá vàng.
Cối tấm chơn thành lòa nhứt nguyệt,
Phơi gan chí sĩ nhuộm giang san.
Bốn mươi hai tuổi sanh chưa phỉ,
Để mắt xanh coi nước khải hoàn.

Bài thi (Ngánh lại mà đau.....) được dùng làm Bài Thài hiến lễ Đức Cao Thượng Phẩm.

Ngày 7-3-Kỷ Tỵ (dl 16-4-1929), giờ Tý tại Tòa Thánh Tây Ninh, tức là sau khi Đức Cao Thượng Phẩm đăng Tiên 6 ngày, Đức Chí Tôn giáng cơ như sau:

“Thầy đã nói rõ rằng: Thượng Phẩm phải về Thầy trước các con, nhưng mà hại thay! Vì biếng nhác, các con không đọc Thánh ngôn của Thầy mà kiếm hiểu.

Tắc! Con có nhớ Thầy nói với các con rằng: Đạo vốn vô vi, nếu Thượng Phẩm không trở lại Thiên liêng chi vị, thì ai đem các chơn hồn các con vào cửa Thiên giùm đó con, lại nữa các con vốn là kẻ dẫn đường cho cả chúng sanh, thay mặt Thầy nơi thế nầy về phần Đời, còn phần Đạo cũng có đôi đứa con mới đặng cho. Cười...

Con đừng phiền hà trách mấy anh con, nhứt là đừng nói rằng: Chúng nó giết Thượng Phẩm nghe, vì Thiên cơ đã định, các con có biết chi mà hờn trách lẫn nhau.

Thơ! Con phải xây cái Tháp của Thượng Phẩm phía trước cây Ba nhánh, phải day mặt về Đông, giống như ngó vào Điện mà

hầu Thầy vậy, song 3 từng phải lợp ngói như nóc chùa của Đường nhưn vậy nghe!

Đừng làm cái Tháp như cửa Bảo Đạo, vì hai đũa phẩm vị khác nhau, chung quanh bát quái, phải làm như hình có cột, tại chính giữa Tháp phải có lỗ cho Nhựt quang giọi vào tới liên đài.” (ĐS. I. 76)



Theo lời Đức Phạm Hộ Pháp, Đức Cao Thượng Phẩm là chơn linh của Hồn Chung Ly giáng trần. Hồn Chung Ly tức là Chung Ly Quyền thời nhà Hồn (Hán) bên Tàu, là một vị Đại Tiên trong Bát Tiên, đứng dưới Lý Thiết Quả, lãnh lệnh Đức Chí Tôn giáng trần làm tướng soái cho Đức Chí Tôn khai Đạo, có phận sự xây dựng nền Đạo lúc sơ khai.

Vua Hồn Võ Đế bên Tàu cũng do chơn linh Đại Tiên Hồn Chung Ly đầu kiếp, cho nên Hồn Võ Đế và Đức Cao Thượng

Phẩm, chỉ là hai kiếp giáng trần của Đại Tiên Hồn Chung Ly. Do đó, nơi Báo Ân Từ, khi Đức Phạm Hộ Pháp tạc tượng Đức Phật Mẫu và Cử vị Tiên Nương giáng trần chứng lễ Khánh thọ của Hồn Võ Đế, thay vì tạc tượng Hồn Võ Đế thì Đức Ngài cho tạc tượng Đức Cao Thượng Phẩm thay vào.

Đức Cao Thượng Phẩm hợp với Đức Phạm Hộ Pháp thành cặp Phò loan Phong Thánh để lập Hội Thánh, và lập Pháp Chánh Truyền làm Hiến Pháp của Đạo.

Đức Cao Thượng Phẩm rất thường giáng cơ góp ý kiến với Đức Phạm Hộ Pháp để điều hành nền Đạo.

Ngoài ra, Đức Cao Thượng Phẩm cũng thường giáng cơ dạy Đạo, Ngài cùng với Bát Nương giáng cơ dạy về Luật Tam Thể, tạo thành một tập sách quý báu cho người tín đồ cần học Đạo.

Đức Nguyên
(Cao Đài Tự Điển)

Ăn Tết Miền Quê Quỳnh Giao



Hồi ức xuân

Có thể, Bạn là người thành phố, có thể Bạn là dân miệt vườn... hoặc có thể Bạn có một tuổi thơ ở Miền Bắc, Miền Trung.... Trong hồi ức mỗi người có cái độc đáo về một cái Tết thời thơ ấu. Tôi có một ký ức rất “nhà quê” ...Mời Bạn cùng xem.

Tiếng pháo đi đẹt xóm trên, nhắc tôi xuân đã đến rồi đó. Ngày ấy đã hơn 50 năm...

Tháng Chạp đến, nghĩa là tháng mười hai ta, tháng mười hai âm lịch. Cả miền quê tôi đã rục rịch đón xuân. Lúa thóc vào bờ. Mùa màng đã xong, cánh đồng chỉ còn trơ cuống rạ vàng. Người nông dân rảnh tay, lên bờ đón Tết.

Tháng Chạp - Gió Chướng thổi mạnh, từ biển thổi vào. Đêm nằm nghe sóng vỗ ghềnh ì ầm từ hương biển Vũng Tàu. Mẹ tôi bắt đầu làm giàn cho mấy dây đậu rồng. Mẹ bảo “Tết rồi đó”. Tự dưng, tôi âm ập niềm vui. Niềm vui trẻ thơ, rất ngây thơ và thanh khiết.

Nhà tôi nghèo: nền đất, lợp lá, cột dừa nên chẳng có nhiều sửa soạn. Ba tôi đi chợ mua vôi Càn Long về quét lại mấy tấm vách



bồ kho. Tôi đứng nhìn mà niềm vui khôn tả. Màu trắng của vôi trên vách rất mới, rất sang trọng với tôi thời đó. Ba tôi không quên trang điểm thêm mấy bộ tranh giấy mới mua dưới chợ, tranh Dừa đỏ An Tiêm, Phạm Công Cúc Hoa.... Nhà tôi đẹp hẳn lên đón Tết. Cây mai vàng trước hiên được vật trụ lá, đang trở nụ đơm hoa. Trước cửa, hai hàng đối đỏ trên giấy hồng và mấy chậu vạn thọ, cúc vàng.. đón Tết.

Từ hai mươi ta, mỗi đêm nằm lắng nghe tiếng quét bánh phồng đầu trên xóm dưới...Tiếng cùm cụp đều đặn , êm êm của chày khua trên cối. Gần sáng tiếng các cô gái gọi nhau ngoài ngõ ới ới đi cán bánh phồng vẫn công. Xuân đến rồi, ngan ngát trên mọi nhà. Hòa với tiếng chày khua, tiếng gàu tát đĩa vang vang đầu đó. Người ta tát đĩa suốt đêm, để sang hôm sau bắt cá. Đủ loại cá lóc, trê, rô mề, tôm càng... Mỗi đĩa hàng vài trăm ký cá, được “rọng”trong hàng chục cái giỏ mằm to. Tát đĩa ăn Tết cũng là một hoạt động sôi nổi lắm.

Quê tôi thời xưa thanh bình đó, đồng ruộng bạt ngàn, vun bón bởi dòng Cửu Long. Tháng mười lúa gặt xong, người nông dân

nuôi vịt chạy đồng. Nhà nào cũng trăm con đến ngàn con. Vịt nuôi bằng lúa đổ trên đồng và tôm cá thiên nhiên nên lớn như thổi. Thiên nhiên ưu đãi cho thu nhập dân quê. Cuối năm, lứa chục cặp vịt nhốt riêng ăn Tết..... chuyện nhỏ thôi mà.

Chợ Tết là một đặc thù vùng Nam Bộ. Chợ Tết nhóm vào khoảng nửa đêm tối sáng dưới ánh đèn dầu hỏa hay đuốc rơm. Có nơi nhóm chợ vào lúc nhá nhem tối đến quá nửa khuya là tan Chợ. Hàng hóa được chuyên chở trên đôi gánh là chính.



Tiếng gà vịt, tiếng nói chuyện râm ran trên lộ suốt đêm, con cúi rơm lập lờ trong đêm tối. Người ta cũng chuyên chở hàng hóa, gà vịt, rau cải bằng xe bò, xe trâu.

Tôi thao thức cả đêm để được theo Mẹ ra chợ. Chợ Tết đông đảo người là người. Tôi níu chặt tay Mẹ sợ lạc. Chợ quê rất đặc biệt: khu gà vịt đồng, khu rau cải cũng trồng từ địa phương. Tôi mê nhất khu bán hàng hóa, áo quần tết của mấy Ông “cấc-chú” sặc sỡ, đủ màu: từ áo quần, son phấn đến bộ tranh tứ quý; từ cây kim sợi chỉ đến song nôi đu loại. Quả là một thế giới màu sắc, chóing ngợp tuổi thơ tôi.

Chiều hai tám, Ba chở tôi lên xóm húi cua. Khách hàng đông nghịt cuối năm, trong đó đủ mặt những thằng bạn chí cốt của tôi. Chị tôi lôi tôi ra hè tân trang ăn tết. Cái đầu cứt trâu và cái cổ hờm như rần rần ri, hệ quả của một năm trời thủy chiến với mấy thằng bạn trời ơi. Chị tôi xối cho mấy gào nước tro gòn nhớt nhớt, mình mẩy tôi rất như lá mía cắt và ra sức hành hạ cái dung nhan tôi. Tôi cố chịu đau, thâm nhủ: tết rồi....

Đêm giao thừa Anh em tôi nằm chen nhau trên bộ ván gỗ, chờ đón giao thừa. Mẹ tôi bận bịu với nồi bánh tết dưới bếp. Chúng tôi giật mình thức dậy khi pháo nổ vang. Ông anh tôi đang châm cây nhang vào dây pháo tiểu dài. Ba tôi áo dài nghiêm trang khẩn vái. Đèn trong nhà sáng choang, khói hương, khói pháo...Tết rồi đó. Mẹ sể sàng thay đồ mới cho bọn tôi. Tôi đón Tết trong hoan lạc khôn cùng... tôi tung tăng chạy ra sân: mùi rạ ứt, mùi khói hương, mùi pháo hòa huyển trong gió chướng quê tôi, có cái vị mặn của biển... cái mùi vị đó mang theo tôi nửa thế kỷ làm người.

Sáng mừng một, tôi diện bộ quần áo mới: bộ quần áo vải ta nhuộm hồ cứng sồn soạt, có in đủ thứ màu tích-nich-cô-lo và một đôi guốc thông. Anh em tôi khoanh tay, lí nhí mừng tuổi Cha Mẹ do bà chị đạo diễn. Tôi là con út, nên được bọn bàng... mấy tờ giấy một đồng mới. Mẹ dặn để dành năm nay con đi học ăn quà.... Hời ơi, bộ đồ mới chỉ thọ một buổi đã ngả màu cháo lòng sau mấy trận wrestling với mấy thằng chung xóm.

Ngày Tết quê tôi rất đơn sơ, không mâm cao cỗ đầy, không bánh mứt quý hiếm, rượu Tây đắt tiền. Mùa xuân của tôi với bánh tết, mứt gừng, thịt kho, dưa giá... rất Nam Bộ, rất Việt Nam. Ngày Tết của tôi có mùi gió chướng thoang thoang cỏ khô, có mùi hương của hoa vạn thọ. Đêm ba mươi, leo lên ván, chân phủ vào nhau cho trôi cát đất, nằm chờ năm mới trong cái dịch chuyển bình thản của đất trời.

Sau cái tết đó, tôi lánh nạn về thành phố rồi lưu lạc xứ người. Có những cái Tết, những bữa tiệc sang trọng, thừa mứa rượu Tây, bia ngoại, tôi chợt thấy mình thiếu cái gì. Hình như

trong tôi là niềm hoài cổ, là nỗi nhớ quê hương. Bàn chân phèn của tôi mãi bước trên những mùa xuân đất lạ, xứ người..

Tản Mạn Về Tết

Khi tiết trời ấm dần lên. Mưa xuân lất phất từng hạt...Trên những cành đào khảnh khiu nụ ken dày cành là bắt đầu báo hiệu một mùa xuân mới. Năm hết, Tết đến lòng người lại nôn nao rộn rã mừng đón xuân về. Ai cũng muốn hoàn tất công việc để được đón tết với tâm thế thoải mái và sẵn sàng cho những trải nghiệm mới.

Tết còn là dịp để những người xa quê hương về quê hương “Dù đi xa ai cũng nhớ về chung vui bên gia đình”. Trải qua bao năm tháng thăng trầm của lịch sử, Tết nguyên đán vẫn luôn được người dân Việt Nam gìn giữ mặc dù trong thời đại ngày nay những phong tục ngày tết cổ truyền không còn nguyên vẹn như xưa. Nhưng nhìn một cách tổng thể thì Tết cổ truyền vẫn mang những nét truyền thống của dân tộc ta tự bao đời. Nhân dịp tết đến xuân về cùng nhau ngồi ôn lại không khí tết cũng quả là một điều thú vị. Nhớ nao lòng cái tết xưa và hân hoan với tết nay với những đổi thay từng ngày của đất nước.

Nhớ Tết xưa những bà mẹ quê chuẩn bị tết từ rất sớm. Ngay từ tháng 10 mẹ đã chuẩn bị đàn gà, để dành những ống gạo nếp ngon nhất để gói bánh chưng, lo chặt chiu dành dụm tiền để tết đến con được quần áo mới. Bọn trẻ con thì mong tết từng ngày. Mỗi lần đi học về lại viết lên bức tường ngoài ngõ: “... Tết sắp đến rồi còn 3 ngày nữa thôi...Tết sắp đến rồi, còn hai ngày nữa thôi...Tết sắp đến rồi còn 1 ngày nữa thôi...”

Những ngày giáp tết mẹ xách làn đi chợ mua đủ thứ: vài bó lá dong, cân thịt mỡ, bò đỗ xanh, miến, mít tết, vài chùm quất, trái bưởi to tròn đầy, những dây vàng hương...Mẹ đi chợ đến mấy lần mà vẫn quên mua...Chợ tết đầy đủ thứ bánh trái, hoa quả. Mọi người mua bán tấp nập nhưng không chen lấn, ngã giá như ngày thường. Ai cũng mua bán với nụ cười cởi mở cầu mong một năm may mắn, làm ăn thịnh vượng. Nhất là trong

buổi chợ chiều 30 tết người bán thì bán rẻ, người mua thì lại không nỡ trả giá, nài nỉ.

Bố trái cái mâm gỗ dài, gấp lá dong thành từng cặp, đong gạo nếp ra chậu, cho đỗ ra mâm thau, thịt mỡ thái mỏng ướp gia vị đựng trong cái bát to chuẩn bị gói bánh chưng. Mấy anh chị em vây quanh bố để được bố gói cho những cái bánh chưng vuông vuông nhỏ xíu. Đến tối cả nhà ngồi quây quần bên nồi bánh chưng trong hơi ấm của bếp lửa đỏ rực. Mẹ làm bánh mật, bánh rán, bánh bao để đón giao thừa. Đêm giao thừa không khí như tĩnh lặng hơn vì ai cũng lo chuẩn bị đón năm mới. Những đứa trẻ không dám đi chơi xa vì sợ về nhà “xông đất” nhà mình nên chỉ quanh quẩn trong sân, ngoài ngõ với những quả bóng bay xanh, đỏ.

Thời khắc giao thừa thiêng liêng. Gần mười hai giờ là đầu đó tiếng pháo nổ đi đoàn, xác pháo bay đầy đường. Mẹ cúng mâm cỗ đón giao thừa cả trong nhà, ngoài sân. Bố vớt bánh chưng ra mâm. Vậy là mâm cỗ đêm giao thừa đầy đủ các thứ bánh, trái. Mẹ mừng tuổi cho mỗi đứa một phong lì xì “hay ăn, học giỏi”. Tết ngày ấy nghèo nhưng ấm cúng vô cùng. Không khí ngày tết cũng khác, nao nao lạ.

Tết nay không khí đã khác xưa nhiều. Người ta không còn mong tết đến với tâm trạng háo hức và chờ đợi nữa. Có lẽ vì cuộc sống bon chen hối hả, người ta quên mất sự hiện diện của tết. Lũ trẻ thì không mong tết nhiều như trước kia vì chúng quanh năm đều được ăn ngon mặc đẹp. Mọi người cũng không cần phải chuẩn bị tết từ sớm. Chỉ cần đến siêu thị hay gọi điện thoại là đầy đủ các thứ, mang đến tận nhà vừa ngon lại vừa đẹp mắt. Tết bây giờ cũng chẳng mấy ai thích ăn bánh chưng. Nhiều người còn không gói bánh chưng chỉ mua dăm ba cái cho lên mâm cúng gọi là có hương vị ngày Tết. Mâm cỗ tết ngày nay cũng khác với mâm cỗ ngày xưa. Không còn thịt mỡ, dưa hành, bánh chưng xanh mà được thay bằng nhiều thứ có hương vị lạ. Mâm cỗ không cầu kỳ khác ngày thường là mấy.

Nhưng dù xưa hay nay thì tết vẫn là dịp để người ta hưởng về

gia đình, quê hương. Mỗi lần giáp tết những chuyến xe, sân ga lại đông nghịt nghịt. Những người đi làm ăn xa cố mua vé để về quê kịp đón tết cùng gia đình. Tết là dịp để mọi người quây quần bên nhau, cùng nhau ôn lại những thành quả cũng như những thất bại trong năm qua và cùng quyết tâm phấn đấu cho năm tới. Dù công việc có bận rộn đến nhường nào thì đêm 30 tết ai cũng mong mình được ở bên gia đình, bên những người thân thương yêu để cùng đón giao thừa. Trong thời khắc chuyển giao thiêng liêng ấy lòng người như trùng xuống, thấy trân trọng biết bao sự đầm ấm của gia đình bên mâm cỗ đêm 30. Sáng mồng một Tết người người đi lễ chùa, cầu mong những điều bình an trong năm mới. Ngày nay, đời sống khá rả tiền phúng viếng lễ nghi cũng khác. Đủ thứ từ vàng mã cho đến tiền mặt. Ai cũng mong sao bày tỏ được cái tâm của mình với thần linh mong cầu no ấm, yên vui, xua đi những điều không may mắn của năm qua.

Tết cũng là dịp để con cái báo hiếu với bố, mẹ, ông bà. Trẻ nhỏ thì được người lớn lì xì. Còn con cái, cháu chắt lại mừng tuổi ông bà, mong ông bà sống lâu, sống khỏe.

Tết còn là dịp để về quê thăm ông bà, cha mẹ để được hòa mình vào những lễ hội mang đậm truyền thống văn hóa dân gian.

Cứ mỗi dịp tết đến xuân về người người háo hức được cùng nhau đi chơi hội. Người ta tìm đến lễ hội không chỉ để tham gia vào những trò chơi dân gian mà còn để được hòa mình vào không khí xuân vui tươi đầm ấm, để được gần nhau hơn, thấy tâm hồn dịu lại, quên đi những lo toan hàng ngày.

Dù không khí và cách đón tết mỗi thời mỗi khác nhưng tâm hồn con người lúc xuân sang, tết đến thì vẫn thế. Vẫn một tâm trạng nôn nao mong được về bên gia đình, vẫn háo hức được cùng tay trong tay với những người thân yêu hòa mình vào tiết trời xuân ấm áp tươi vui và càng thêm trân trọng từng phút giây cuộc sống...

Quỳnh Giao

Vườn Thơ Bàn Đọc

XUÂN HY VỌNG 2013

Xuân về tươi thắm khắp non sông,
Quý Ty tân niên điểm sắc hồng.
Tòa Thánh hiền ngang trong Pháp nạn;
Nhơn sanh côi cút giữa Trời đông!
Chơn truyền phải lúc xoay thời thế,
Sứ mạng mới mong chuyển đại đồng.
Hiệp nhứt Xuân tâm cầu Đế Khuyết:
Phục quyền Hội Thánh, Đạo hanh thông.

Tố Nguyên

BÀI HỌA 1

RỒNG bay uốn khúc khỏi dòng sông,
Tạm biệt cháu con giống Lạc Hồng.
Để lại Chánh Truyền ngời đất Việt
Ban cho Chơn Đạo rạng trời Đông.
Mai nầy rãi khắp trong Thiên Hạ,
Mốt nọ chung qui mới Đại Đồng.
Hy vọng lòng vui , vui đón Tết,
Đầu XÀ Phật ngự, tất hanh thông.

Bách Thanh

BÀI HỌA 2

Ngày Xuân hoa nở rộ bên sông,
Tô điểm quê hương giống Lạc Hồng.
Đất nước chừ đang cơn thử thách,
Dân lành thắc thỏm đợi vầng Đông.
Cơ Trời giải thể quy Tâm đạo,
Thế giới tương lai hưởng Đại Đồng.
Xuân đến gọi hồn thiêng nước Việt,
Giúp Đời lẩn Đạo được hưng thông.

Ngọc Nường

BÀI HỌA 3

Mùa Xuân huyền diệu phủ non sông,
Quý Ty tân niên rạng ánh hồng.
Đạo nước chìm trong cơ chuyển pháp;
Dân tình thống khổ cảnh sầu đông.
Đạo Trời giải thể dân điều đứng,
Chuyển Thế qui Tâm hướng Đại Đồng.
Xuân đến cho đời nguồn ước vọng;
Rồng Tiên chấp cánh sẽ cao thông.

Quốc Thế

BÀI HỌA 4

Gió Xuân đang chuyển cả non sông,
Hy vọng Ty niên sẽ rực hồng.
Đạo cả phổ truyền ra bốn biển,
Tín đồ theo Đạo mỗi ngày đông.
Nhơn sanh thức tỉnh câu hòa ái,
Thế giới tự nhiên sẽ đại đồng.
Xuân đến nguyện cầu Trời nhỏ phước,
Đạo, Đời muôn sự thủy đều thông.

Ngọc Lê

BÀI HỌA 5

Xuân về da diết nhớ non sông,
Niên Ty an vui đón nắng hồng.
Đền Thánh ngàn năm sừng sững đứng,
Đạo Trời đã mở tại phương Đông.
Cao Đài độ thế thời tam chuyển,
Chủ thuyết thương yêu với Đại Đồng.
Xuân đến nguyện cầu Ôn Thượng Đế,
Vạn loài hòa ái, sống tương thông.

Bạch Tuyết

BÀI HỌA 6

Quý Ty Xuân về rặng núi sông,
Chân trời rực rỡ ánh dương hồng.
Đạo mâu nở rộ vòm Châu Mỹ,
Pháp nạn gay go cõi Á Đông.
Dụng đức nhơn loài xoay thế cuộc.
Khởi tình vạn chủng hiệp tâm đồng.
Thánh ngôn, Thánh giáo cùng trao đổi.
Vui Tết cuộc cờ biến tất thông.

Hoàng Hồ

BÀI HỌA 7

Đầu Xuân mới đẹp dải non sông,
Gấm vóc quê hương dệt nắng hồng.
Đại Đạo Tiên Khai ơn Thượng Đế,
Tam Kỳ Phổ Độ rạng phương Đông...!
Nhơn sanh ở khắp trong, ngoài nước,
Quý Ty niên lai, vọng Đại Đồng...!
Tín hữu ưu tư... vì Hội Thánh,
Chơn Truyền Chánh Pháp được hanh thông...!

Mai Xuân Thanh

BÀI HỌA 8

Đất khách mừng Xuân nhớ núi sông,
Cha, Ông... để lại đẹp tươi hồng...!
Quê người vọng tưởng về Tòa Thánh,
Hải Ngoại đồng hương hướng biển Đông...!
Hội Thánh bình minh truyền Chánh Pháp,
Cao Đài, thế giới... sẽ hòa đồng...!
Mẫu Từ,... Quý Ty,... cầu ơn phước,
Thượng Đế...Cha chung...vạn sự thông...!

Mai Xuân Thanh

Mạn bàn về chữ “Phúc”



T trong quan niệm cổ truyền của gia đình người Việt, chữ “Phúc” có vị trí quan trọng hàng đầu. “Nhà có phúc” là ước vọng, là niềm vinh dự của người Việt Nam. Vì lẽ đó, cứ Tết đến xuân về, người ta thường viết chữ “phúc” trên một tờ giấy đỏ vuông dán ngoài cửa và xem như là một lá bùa chúc tụng điều may mắn trong năm.

Thư pháp chữ “Phúc”

Ước vọng đầu năm của hầu hết người dân Việt không thể thiếu chữ “Phúc”. Cụ Nguyễn Công Trứ có đôi câu đối vừa hóm hỉnh nhưng không kém phần tinh tế và sâu sắc của hương vị ngày xuân: Chiều ba mươi, nợ réo tít mù, co căng đập thẳng “Bần” ra cửa/ Sáng mồng một, rượu say túy lúy, giơ tay bồng ông “Phúc” vào nhà. Lại nữa, có một câu chuyện trong dân gian kể rằng: đời vua Gia Long, có người lập nhiều công trạng, nhà vua hỏi muốn được thưởng gì thì người ấy thưa rằng: “Hạ thần chỉ xin được một chữ “Phúc” mà thôi”.

Vua cười đáp rằng: “Tiền bạc, chức tước thì ta có thể ban, chứ Phúc thì chỉ có trời ban mà thôi, cả dòng họ ta chỉ nhờ có chữ Phúc mà vinh hiển nhiều đời”. Thật vậy, dòng họ nhà Nguyễn đã lót chữ Phúc vào tên của mình (vua Gia Long là Nguyễn Phúc Ánh). Trên khắp nước Việt Nam, nhiều địa danh đã chọn chữ “Phúc”: tỉnh Vĩnh Phúc, huyện Phúc Thọ (Hà Nội)...

Chữ “Phúc” là từ Hán Việt, người miền Nam đọc là “phước”.

Chữ “Phúc” trong giáp cốt văn là hình tượng hai bàn tay bưng hũ rượu đứng trước bàn thờ. Như vậy, chữ “Phúc” vốn được xem là điều tốt lành do cầu cúng mà có được.



Theo đó, “Phúc” có nghĩa là “thuận lợi”, “đồng thuận”. Thuận có nghĩa là từ dưới lên trên, từ trong ra ngoài đều thông suốt, không có gì trở ngại. Trên thuận trời đất, dưới thuận vua tôi, dưới nữa thuận cha mẹ, con cái. Đời sống tinh thần bên trong và đời sống vật chất bên ngoài đều thuận lợi không có gì trắc trở, như vậy gọi là thuận, là Phúc. Một điều thật thú vị là câu chúc Tết của người phương Tây thường đề cập

đến hạnh Phúc, sức khỏe và thành đạt, đứng ở góc độ nào đó có sự tương đồng như Phúc, Lộc, Thọ mà ở phương Đông người ta tâm niệm.

Cả Âu lẫn Á đều đặt “Phúc” lên vị trí hàng đầu, nhưng nếu tìm hiểu kỹ thêm một chút mới thấy chữ “Phúc” của phương Đông rất rộng lớn, mênh mông và tinh tế. Người Trung Hoa chơi chữ bằng cách vẽ hai con dơi đầu cánh lại, ngụ ý là trùng phúc, họ còn vẽ thêm một lúc năm con dơi biểu tượng cho ngũ phúc (ngũ phúc lâm môn) mà sách Hồng Phạm viết: “Ngũ phúc, nhất viết Thọ, nhị viết Phú, tam viết Khang minh, tứ viết Du hảo đức, ngũ viết Khảo chung mệnh” (Năm phúc: sống thọ, giàu có, bình an, đức tốt, chết vào tuổi già).

Theo Từ điển Khai Trí Tiến Đức thì “Phúc” là điều hay, điều tốt, do việc làm nhân đức mà ra. Vì vậy, không phải ngẫu nhiên trong tâm thức của người Việt, từ lâu đã quan niệm phúc bao giờ cũng đi đôi với đức. Thuật ngữ “Phúc đức” luôn gắn liền nhau. Chính điều này đã làm sâu sắc thêm triết lý nhân duyên

của nhà Phật và đem lại màu sắc tích cực cho hai chữ họa phúc (Họa vô đơn chí, phúc bất trùng lai). Phúc dày hay mỏng cũng do chính con người can dự quyết định.



Chữ Phúc chính là một ân huệ mà con người tự tạo ra qua những hành động tốt của mình. Nó là những hạt giống tốt được tay người tự gieo trên những mảnh đất mà ta thường gọi là phúc điền (ruộng phước). Do quan niệm họa phúc ở đời là sợi dây gieo nhân gặt quả, nên người Việt Nam chú trọng đến việc “làm ơn, làm phước”.

Hơn thế nữa, mỗi hành động, việc làm của chúng ta không những ảnh hưởng đến bản thân ta mà còn lưu lại kết quả cho thế hệ sau. Nhà có phúc là nhà có được cuộc sống bình yên thanh thản, đặc biệt là có hậu vận tốt. Muốn được đức phải có phúc và ngược lại đức sẽ đem lại phúc, đó là quy luật. Nội dung của đức phụ thuộc điều kiện lịch sử, xã hội, văn hóa, tôn giáo,... Ví như đức của Nho giáo là ngũ thường, đức của Phật giáo là ngũ giới (năm điều cấm), đức của Kitô giáo là 10 điều răn của Chúa... Dù văn chương chữ nghĩa có khác nhau, nhưng chung quy về đức ở mỗi dân tộc, mỗi thời đại đều có chung quan niệm nhằm mưu cầu lợi ích cho mọi người.

Ngày nay, khi kinh tế có chiều khởi sắc, dường như người ta ít đặt, hay lãng quên chữ “Phúc” trong mối quan hệ với “đức” hay “thiện” (phúc đức, phúc thiện) mà thường đặt “Phúc” trong mối quan hệ với chữ “đạt” (thành đạt) hay “lợi” (phúc đạt, phúc lợi).

Ngạn ngữ Lào có câu: “Hạnh phúc là kết quả của những hành vi đạo đức”. Hi vọng rằng dù lịch sử có thay đổi như thế nào đi nữa thì quan niệm về chữ “Phúc” của dân tộc, của mỗi gia đình, của mỗi người chúng ta sẽ mãi mãi là “mã di truyền” tốt đẹp trong đời sống văn hóa người Việt.

Hoa Xuân Ngày Tết

Người dân ta rất thích hoa. Tết đến, mâm cỗ ngày Tết có thể không to, không có giò, nem, ninh mọc, nhưng nhất định phải mua được vài loài hoa cắm lọ. Cũng chỉ mua được vài loài thôi, không thể mua hết các loài hoa, vì trên hành tinh chúng ta có đến vài chục vạn loài hoa và tổ tiên ta ngày xưa cũng chỉ quen trồng vài chục loài.

Người chơi hoa sành thường cho mai đi với cúc đại đoá vàng. Cúc là loài hoa đẹp “vẻ đẹp trong muôn vẻ đẹp”, bền, hình dáng phong phú, có loại hoa đơn, có loại hoa kép, cánh cúc nhiều mà không rối, không xô đẩy nhau, cành dài và cứng, lá xanh tươi, nhiều màu sắc nhất, cũng như nhiều chủng loại nhất trong các loài hoa. Nào là cúc châu sa, đầm hồng, hạc linh, hoàng long trào, hoàng kim tháp, bạch thọ mi, hoàng yến, vạn thọ, kim tiền... Đó là tên gọi cổ, tên chữ, còn dân gian thì vẫn quen gọi nôm na bằng hình dáng và màu sắc của hoa: cúc vàng to, cúc vàng nhỏ, cúc vàng cụp, cúc tiền chinh, cúc trắng, cúc đỏ, cúc tía, cúc hoa cà, cúc mâm xôi, cúc gấm, cúc móng rồng, cúc chỉ...

Chơi cúc có nhiều cách: cắm lọ để bàn, trồng chậu đặt đôn sứ, trong phòng hoặc dưới mái hiên, cạnh lồng chim, bể cá. Hay nhất là trồng từng khóm trong vườn cảnh, cho hoa nở giữa sương xuân, gợi nguồn thi hứng cho khách làng thơ. Loại cúc nhỏ phơi khô (cúc trắng hoặc vàng) còn dùng để làm vị thuốc hoặc ướp chè.

Những nơi thờ cúng trang nghiêm, ông cha ta dùng hoa huệ vì hoa huệ nói lên sự khiêm tốn, biết giữ gìn sự trong trắng của tâm hồn. Hoa còn có tên “Vân hương ngọc”.

Các bậc túc nho yêu thích mẫu đơn “thiên hương quốc sắc”. Bông hoa đầy đặn, đỏ au như đĩa xôi gấc bày trên bàn thờ lấy lộc ngày xuân.

Bạn trẻ ưu thích hoa hồng “Hoa tình yêu”. Cây hoa hồng tên khoa học là Rosa sp, xuất xứ ôn đới và á nhiệt đới. Lâu nay các phòng khách thường bày hoa hồng Đà Lạt, cánh bụi lâu tàn. Mỗi đoá hồng là một cung bậc tình cảm: màu trắng là muốn than vãn, trút nỗi tâm tư; màu hồng là nặng lời thề ước; Màu đỏ là tình yêu say đắm.

Những người cầu kỳ thì chọn nguyệt quế “Hoàng hậu các loài hoa”, đỗ quyên “Tây Thi trong muôn loài hoa”, sơn trà “cao sang, phú quý”... nhưng chú ý nhất vẫn là hoa thủy tiên “những nàng tiên kiều diễm”, củ thủy tiên khá đắt nên không phải ai cũng dám chơi. Trồng củ vào chậu tưới nước thì hoa, lá sẽ mọc thẳng tự nhiên. Nhưng cái thú chơi thủy tiên là ở chỗ khéo gọt, tỉa. Dùng dao trở sắc cắt khía làm cho lá phải uốn lượn theo ý muốn, làm cho củ thành hành con phượng, con lân, con rùa. Củ gọt tỉa được đặt trong các cốc loe miệng có chân chỉ dùng riêng để bày thủy tiên. Lại phải điều khiển hãm chậm lại hoặc thúc cho nở sớm để ra hoa đúng vào ngày mùng 1 Tết, mà hoa chỉ nở hàm tiếu thôi - nghĩa là nở hé như mỉm cười mới đẹp.

Hoa thủy tiên

Tết đến, nhà có nhiều tiền thì vác về một cây đào đánh cả gốc “hoa của ước mơ và hy vọng”. Gia đình trung lưu thì chọn một cành đào xinh xinh, nụ còn đang nhú, đem về cắm lọ lộc bình. Người túng thiếu cũng gắng kiếm bằng được một bó hoa viôlét rẻ tiền, hoặc mấy bông “đồng tiền” đơn, thậm chí có khi chỉ có hai cành hoa giấy về cắm vào hai bình hoa gỗ trên bàn thờ cho có không khí ngày tết. Người nhiều tiền lại kén chọn hoa lay ơn màu trắng “hoa cao sang kiều hãnh”, vài chục bông cắm trong lọ pha lê trong suốt đặt trên bàn phủ khăn trắng muốt, như muốn độc chiếm hương sắc của Tết xuân!

Cùng họ với đào còn có mai, Hà Nội có giống mai trắng đẹp,

chơi mai phải chọn thể cây phóng túng, cành thoảng, thân gày mà hoa to. Một gốc mai già, dáng cằn cỗi, bỗng nảy chồi vút lên một nhánh cao dài là cây quý, gọi là diềm “Lão mai sinh trường cán”. Làng Đông Mỹ, huyện Thanh Trì, Hà Nội lại có giống mai đặc biệt, hoa cũng như quả đều từng đôi một, gọi là “song mai”. Quả song mai to, thịt thơm, được coi là thứ quả quý ngày Tết.



Dáng mày râu hiên ngang, mong nhiều thành đạt có hoa thược dược, trong sạch như hoa mai, ước mơ như hoa đào đỏ, chân thật là đoá cúc vạn thọ.

Hoa là biểu tượng cho cái đẹp. Mỗi loài hoa điều có ngôn ngữ riêng. Cúc tượng trưng cho nếp sống khiêm tốn, diềm đậm cho người giàu tâm hồn, “phú quý lòng hơn phú quý danh” (Nguyễn Trãi).

Mẫu đơn là vua hoa, hoa phú quý. Đào đầm ấm khi dương xuân. Lan được gọi là “vương giả hương”, thanh nhã, không phàm tục. Trà mi, hải đường, nụ lớn hoa to, cánh dày mà hương kín đáo, biểu tượng cho sự đầy đặn, phúc hậu... Hoa hướng dương luôn luôn hướng về mặt trời, tượng trưng cho sự thủy chung son sắt. Hoa phù dung chúm chím, nhưng ít người chơi vì

phù dung có nghĩa là hồng nhan bạc mệnh(!?). Hoa quỳnh chỉ nở vào nửa đêm, có chuyện cổ tích rất dài về loài hoa này, đó là cuộc đời đau khổ của một cô gái, ngã trước mùa xuân...

Xuân đến, Tết về, trong giao tiếp người ta thường tặng hoa cho nhau. Nhưng phải tặng hoa gì với đối tượng nào? Đừng tặng thủy tiên cho bạn trai vì “anh chàng thủy tiên” chỉ biết mình, không yêu ai ngoài bản thân. Hãy tặng hoa trắng cho các cô thanh nữ, tặng hoa màu (trừ hoa hồng) những cô ở tuổi 40 hay đã có chồng. Hoa tươi một loại, đồng màu, đang chớm nở là lịch sự.



Các bạn trẻ làm công tác đối ngoại - đặc biệt là người Âu thường tặng hoa theo số lẻ. Ví dụ: Mua 10 bông hoa về gửi tặng người thương 9 bông, giành lại một bông cho hạnh phúc của riêng mình, như tục cau lại quả của người Việt Nam. Có thể tặng 7 bông, 5 bông, 3 bông nhưng tránh

số chẵn và số 13. Họ coi số 13 là con số bất hạnh. Đừng tặng họ hoa màu vàng vì màu này họ cho là thứ hoa buồn.

Khi cắm hoa nên cắm số lẻ: 3, 5, 7... có bông cao, bông giữa, bông thấp (thiên, trung, địa). Nếu có 10 bông, 9 bông cắm thấp còn một bông cao thẳng lên, đó là tượng trưng của niềm tin và tất thắng.

Từ xa xưa cho đến nay và mai sau, hoa vào thơ, vào văn, vào giấc mơ tuổi già, con trẻ, vào hạnh phúc của tuổi thanh xuân trắng tròn lẻ... Thú chơi hoa - đặc biệt khi xuân về đã tạo thành một phong tục tao nhã lâu đời của người dân ta. Hoa xuân làm tăng thêm vẻ đẹp không khí đầm ấm, hạnh phúc của mỗi gia đình, một nhu cầu không thể thiếu được. Hoa xuân thêm thắm đời xuân...

NGƯỜI VIỆT ĐÓN TẾT NHƯ THẾ NÀO ?

Thiên Việt



Tết Nguyên Đán Canh Dần sắp về với mọi nhà. Là ngày hội lớn nhất trong năm, ai ai cũng đều được nghỉ ngơi sau 360 ngày làm việc lo cơm áo gạo tiền. Đây là một phong tục của người Á Đông, những nước khi xưa chịu nhiều ảnh hưởng từ nền văn hóa tín ngưỡng Trung Hoa, mà nước ta là một trong số các nước đó. Vì thế những ngày trước trong và sau Tết Nguyên Đán, luôn là những ngày mà mọi người thường đi theo tục lệ truyền thống dân gian đã có hơn từ ngàn năm nay, trong tục lệ còn có tín ngưỡng và tâm linh.

Nhân ngày Tết Nguyên Đán Canh Dần sắp đến, chúng tôi xin có bài viết về phong tục ngày tết :

LỊCH SỬ NGÀY TẾT NGUYÊN ĐÁN

Tết là một ngày bắt đầu một năm mới, một tháng mới tính theo

Âm lịch.

Trong truyền thuyết, vào thời kỳ Ngũ Đế, vua của nước Trung Hoa này có tên Chuyên Húc, ông gọi tháng giêng là Nguyên, ngày mừng một là Đán. Còn sách Nhĩ Nhã : Nguyên có nghĩa bắt đầu, Đán là sớm.

Vào đời nhà Thương (thế kỷ thứ 5 TrCN – Trước công nguyên) lấy tháng Sửu (tháng 12, tháng chạp), còn đời Chu (thế kỷ thứ 4 TrCN) lấy tháng Tý (tháng 11), còn đời Tần (thế kỷ thứ 3 TrCN) lấy tháng Hợi (tháng 10).

Đến đời Hán Vũ Đế (từ năm 136 TrCN đến 25 sau CN) căn cứ vào thiên văn và sự tuần hoàn của vũ trụ qua bốn mùa Xuân Hạ Thu Đông, ông thấy mùa xuân hoa nở xanh tươi thời tiết đang giá rét chuyển qua ấm áp nên lấy ngày đầu tháng Dần (tháng 1 – tháng giêng) làm ngày đầu năm mới, và cho tổ chức hội hè đón xuân.

Tết nguyên Đán có nguồn gốc là vậy.



Nước Việt Nam chúng ta có cả ngàn năm bị giặc phương Bắc đô hộ, nên phong tục ấy đã được người dân chấp nhận từ hàng ngàn năm qua, và cứ qua mỗi đầu năm mới, trong nét văn hóa

đó có những thay đổi cho phù hợp với nhân văn tại mỗi miền. Nhưng những nét chính đón mừng năm mới không thể bỏ những tục lệ sau đây :

TỤC CÚNG ÔNG TÁO

Ngày 23 tháng Chạp hàng năm (trước tết Nguyên Đán) là ngày ông Táo lên trời để trình với Ngọc Hoàng Thượng Đế mọi việc hưng kiệt trong một gia đình năm qua. Theo quan niệm của người Việt, ngày này là ngày bộ ba Thổ Công, Thổ Địa, Thổ Kỳ vắng mặt ở trần gian nên công việc lúc này tạm ngừng. Mọi người lo việc đón Tết. Hệ thống triều đình, làng xã, các dấu triện sẽ không xác nhận giấy tờ, văn bản gì nữa. Nho sinh làm lễ tạ trường, thợ săn làm lễ đóng cửa rừng v.v... Nhà nào cũng mua cá chép làm ngựa cho ông Táo về trời. Ngày hôm đó, gia đình nào cũng làm mâm cơm cúng thật thịnh soạn, khẩn trước bàn thờ, kể rõ mọi việc trong năm và mong muốn trong năm mới mọi việc sẽ thuận buồm xuôi gió.

Tục cúng ông Công, ông Táo liên quan tới câu chuyện về một sự tích. Chuyện kể rằng vợ chồng Trọng Cao, Thị Nhi không có con, buồn phiền thường cãi nhau. Một lần vì cái giận, Trọng Cao đánh vợ, Thị Nhi tức giận bỏ đi. Thị Nhi gặp Phạm Lang và họ thành vợ thành chồng. Mãi thấy vợ không trở về, Trọng Cao hối hận bỏ nhà đi tìm vợ. Hết tiền ăn đường, Trọng Cao phải đi xin ăn. Một ngày kia, Trọng Cao vào đúng nhà Thị Nhi xin ăn. Thị Nhi nhận ra chồng cũ liền hậu đả.

Đúng lúc ấy Phạm Lang về. Sợ chồng hiểu lầm Thị Nhi liền dấu Trọng Cao vào đồng rơm. Phạm Lang vô tình đốt đồng rơm để lấy tro bón ruộng. Trọng Cao chết cháy. Thương người chồng cũ, Thị Nhi nhảy vào đám lửa chết theo, Phạm Lang thấy vậy, nhảy vào cứu cũng bị chết cháy. Ngọc Hoàng cảm kích, cho ba người làm Táo quân.

Bởi vậy sau này, trong lễ cúng ông Táo bao giờ cũng có một mũ đàn bà màu vàng để giữa hai mũ đàn ông màu đen để hai bên, tượng trưng cho hai ông một bà. Cũng có nơi chỉ đặt một

mũ nam và một đôi hia. Mũ đặt trên chiếc kệ bên dưới mỗi mũ để 100 vàng thoi. Trong thực tế, mũ áo này thay đổi theo màu sắc của ngũ hành.

Năm hành là : kim mũ màu vàng – mộc mũ màu trắng – thủy mũ màu xanh – hỏa mũ màu đỏ và thổ mũ màu đen (Năm hành được tính theo Lục Thập Hoa Giáp, thí dụ như năm Canh Dần có hành là thủy Mộc – Tùng Bá Mộc)

Bài vị ở bàn thờ Thổ Công thường ghi như sau :

“Đông trù tư mệnh, Táo phủ thần quân, Thổ Địa long mạch tôn thần, Ngũ phương ngũ thổ phúc đức chính thần”

Khi sửa lễ cúng ông Công, ông Táo người ta đều đốt bài vị cũ, thay bài vị mới. Sau khi lễ xong thì hóa vàng, hóa luôn cả mâm mũ năm trước và thả một con cá chép còn sống xuống ao, cá sẽ hóa rồng để đưa ông Táo cưỡi lên châu trời.

TỤC “GỬI TẾT” VÀ “BIỂU TẾT”

Theo tục của người Việt, con cái trong gia đình đã lớn, ra ở riêng hết, tết đến phải quy tụ về nhà tổ đường (nơi thờ tự chính, đáng Cửu huyền thất tổ như ông bà, cha mẹ...) nếu cha mẹ còn sống, còn cha mẹ đã chết, người con cả (con trai trưởng) sẽ đại diện gia đình để cùng nhau làm mâm cơm cúng bái tổ tiên (nếu người cha mẹ hay người con trưởng đại diện cho cả một chi tộc thì lễ tại tổ đường sẽ đông đảo hơn một gia đình).

Bởi vậy, các con thứ hoặc ngành thứ, vào dịp tết có tục phải gửi lễ hoặc gửi góp giỗ đến nhà anh con cả để cùng tưởng niệm Tổ Tiên gồm gà, hoa quả, vàng nhang. Nay mọi người thường gửi bằng tiền, nhằm giúp gia đình anh con cả có điều kiện soạn mâm cơm cúng giỗ tết chu đáo hơn.

Nay nhiều người hiểu sai từ “gửi tết” bằng từ “biểu tết”, vì “gửi tết” có ý nghĩa như một nhiệm vụ phải có của những người con gia đình nhớ đến ông bà cha mẹ đã quá vãng. Còn “biểu tết” chỉ là sự kính trọng giữa người dưới đối với người trên, giữa những người cùng làm ăn, những người đã, đang giúp đỡ mình hay gia đình mình, với hàng xóm láng giềng, hay bạn hữu thân

thiết. Tục “gửi tết” còn đối với những người trong họ tộc nhưng khác chi, khác nhánh v.v.. cũng chung một gốc ông bà, gửi tết về cúng kiến giỗ chạp tuy nhiên không có nghĩa vụ ràng buộc như người trong gia tộc.

Tục này thường diễn ra sau ngày rằm tháng Chạp đến hết ngày 30 hoặc 29 Tết nếu có tháng đủ tháng thiếu trong âm lịch.

TỤC TRỒNG CÂY NÊU

Nêu là một cây tre để cả ngọn cắm ở trong sân nhà. Trên ngọn nêu là túm lá dứa, lá lông gà, lá thiên tuế hoặc những chiếc bánh, những con cá bằng đất nung cùng một tán tròn bằng tre, phía dưới dán giấy đỏ. Cạnh cây nêu, vôi bột được rắc theo hình cung tên, mũi tên hướng ra phía cổng để xua đuổi ma quỷ.

Tục này được gắn liền với một câu chuyện kể về cuộc tranh giành đất đai giữa người và



ma quỷ. Nhờ có chiếc áo cà sa của Phật, người đã thắng. Áo cà sa được treo trên ngọn cây nêu, áo tỏa hào quang đến đâu, quỷ phải lui tới đó. Cuối cùng ma quỷ phải chạy ra biển Đông ở. Nhưng nỗi tiếc vùng đất xưa, bọn ma quỷ vẫn muốn quay về. Bởi vậy, để dọa ma quỷ, người trồng cây nêu trước sân nhà vào năm mới có ý nghĩa là vậy (Nhưng nay dựng cây nêu ngày tết chỉ còn ở những vùng quê mà thôi).

Ngoài ra, trong cuốn “Lịch sử vương quốc Đàng ngoài” thì ở ngoài miền Bắc, người ta trồng cây nêu bên cạnh nhà, cột nêu cao hơn nóc nhà, trên ngọn cột một cái thúng hay cái hộp nhỏ có đục nhiều lỗ, bên trong đựng thoi vàng giấy, bạc giấy để cha mẹ đã chết về nhận vào cuối năm có tiền ăn tết.

ĐÓN ÔNG BÀ

Vì sao có tục đón ông bà ? vì ngày 23 tháng Chạp khi đưa ông táo về trời tâu lên Ngọc Hoàng những chuyện trong năm cũ của gia đình và nhận lời phán xét của Ngọc hoàng cho năm mới.

Ngày này ông bà cha mẹ (người đã chết) cũng phải về châu âm phủ để được Diêm vương phán xét việc đầu thai hay chưa, ai được phong thần phong thánh v.v... cho nên từ 25 tháng chạp, đến ngày cuối năm (trước khi cúng đón ông bà cha mẹ) người người đến nghĩa trang thăm mộ gia tiên (rẫy mả) trước thăm viếng sau sửa sang lại ngôi mả cho thật sạch sẽ để ông bà về đón tết. Nên từ 23 tháng chạp trở đi việc nhang khói, đánh chuông đánh trống tại các đình chùa đền miếu đều không có, mọi sự tại các nơi này yên tĩnh.

Trong ngày 29 (hoặc 30 tết), các gia đình tổ chức mâm cơm mặn vào lúc giữa trưa, trước là đón ông Công, ông Táo sau là đón ông bà cha mẹ về ăn tết cùng gia đình mình trong 3 ngày tết (đến khi hạ nêu thì tiễn ông bà). Tục này hiện nay rất phổ biến, không loại trừ những người bên đạo Thiên chúa, vì đây là sự thành kính, hiếu thảo của con cái với tổ tiên mà thôi. Trong ngày đón ông bà, tất cả mọi thành viên trong gia đình đều tề tựu (nếu cúng tại tổ đường thì không khí đông vui, như đã vào tết).

CÚNG GIAO THỪA

Trong cuốn “Việt Nam phong tục” của cụ Phan Kế Bính có viết về Lễ cúng giao thừa.

-”Tục ta tin rằng mỗi năm có một ông hành khiển coi việc trần gian, hết năm thì thần nọ bàn giao công việc cho thần kia, cho

nên cúng tế đêm giao thừa là để tiễn ông cũ và đón ông mới”. Đó là ý nghĩa của việc cúng giao thừa ngay vào lúc trừ tịch (0 giờ ngày mới, tháng mới, năm mới), nhiều gia đình tổ chức rất long trọng, các đình chùa, miếu mạo cũng chuẩn bị thật trang nghiêm nhằm tống cựu nghinh tân.



Khi cúng giao thừa bàn thờ được lập giữa trời chứ không phải trong nhà. Có nơi cúng các hoa quả ngày tết, có nơi cúng mận. Ngày xưa, lễ vật thường gồm một đầu heo hoặc con gà, bánh chưng xanh,

bánh kẹo, trầu cau, hoa quả, rượu và giấy tiền vàng bạc, đôi khi có thêm áo mũ của vị hành khiển năm mới.

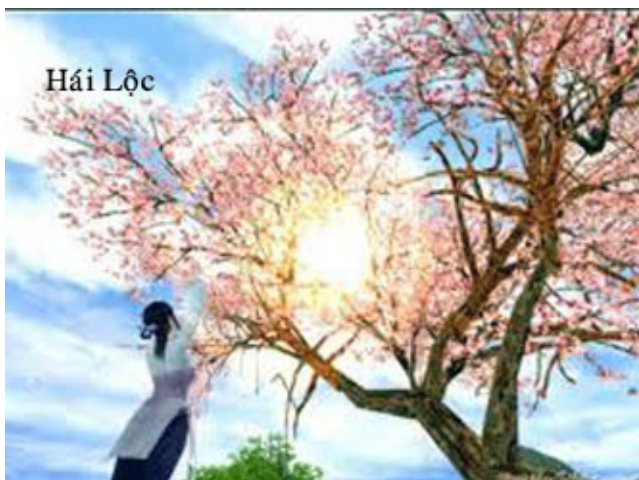
Khi đúng nửa đêm, các nơi đánh chuông đánh trống, còn tại mỗi gia đình chủ nhà thắp 3 nén nhang (có người dùng 3 cây nhang đại, cháy cả ngày chưa tàn) khấn vái trời đất, khấn vái ông hành khiển mới, xin cho gia đình được một năm may mắn và những vận rủi sớm đi qua.

Theo quan niệm dân gian mỗi năm có một ông hành khiển, qua báo chí ta vẫn thấy vị hành khiển của năm mới mang tên 1 trong 12 con giáp (theo đúng năm được gọi tên), người xưa gọi là Thập nhị hành khiển vương hiệu. Vị thần cai quản trong năm được gọi là dương niên chi thần. Mỗi chi thần này còn có một phán quan giúp việc (Vị thần hành khiển trong năm lo việc thi hành những mệnh lệnh trên thượng giới, trình lên Ngọc hoàng Thượng đế những việc đang điều hành, còn vị phán quan lo ghi chép công tội của mọi gia đình, mọi địa phương v.v..)

TỤC HÁI LỘC

Sau giao thừa, người Việt thường có một cuộc “du xuân” để cầu may mắn. Người ta thường đến đền, chùa để làm lễ. Khi

ra về ngắt một cành hoa hoặc một nhánh cây gọi là hái lộc. Về nhà, cành lộc thường được trưng tại gian nhà chính và gìn giữ trọn một năm mới bỏ đi. Người Việt chúng ta tin tưởng rằng việc hái lộc để lấy may. Cành lộc thường là cành đa, cây đa lại là cây sống rất lâu. Chọn cành đa là họ mong muốn sẽ trường thọ, nhiều tiền bạc, đông con nhiều cháu.



TỤC XÔNG ĐẤT

Vào ngày mùng một Tết, ai là người bước chân vào đất hoặc nhà người khác đầu tiên được cho là người xông đất. Theo quan niệm, người xông đất là người có ảnh hưởng sâu sắc đến vận mệnh của gia chủ trong một năm. Nếu người xông đất tốt thì mọi việc trong năm sẽ thuận buồm xuôi gió, ngược lại, người xông đất xấu sẽ gặp rủi ro.

“Xấu” và “tốt” ở đây có nghĩa là hợp duyên hợp vía. “Duyên” và “vía” ở đây cũng có thể là tính tình, đạo đức tư cách của người tới xông đất; cũng có thể là người xông đất năm đó có tuổi hợp với tuổi của gia chủ hay không. Vì vậy người ta cố tránh đến nhà nhau vào sáng sớm mùng một tết, còn ai được gia chủ có nhã ý mời tới xông đất thì khi đến cũng phải rất thận trọng. Trước hết, trước khi bước vào đất của gia chủ, người

xông đất phải cười vui vẻ và với gia chủ, lì xì cho con cái gia chủ thật mau mắn, sau đó mới chúc tết lẫn nhau...

KIÊNG NGÀY MỪNG MỘT TẾT

Quan niệm vào ngày mừng một tết là ngày đầu tiên trong năm, nếu mọi việc diễn ra tốt đẹp thì cả năm sẽ trôi chảy, thuận lợi. Bởi vậy, vào ngày mừng một Tết, người ta chúc mừng nhau những điều hay. Ngoài ra người dân còn kiêng cử một số việc như sau:

- Kiêng quét nhà. Nếu quét thì vun rác vào góc nhà. Sang sáng mừng hai mừng ba mới hốt đi vì sợ Thần giữ của theo rác ra đi.

- Kiêng cho lửa, vì lửa tượng trưng cho “vận đỏ”, “may mắn”. Cho lửa là cho đi sự may mắn

- Kiêng làm vỡ ly chén, tô, đĩa vì sợ sự đổ vỡ.

- Kiêng chửi mắng đánh đập con cái để mong cả năm yên ổn, thuận hòa.

- Kiêng đòi nợ, vay nợ vì nếu phải trả nợ vào ngày mừng một thì sẽ mất mát, thua thiệt quanh năm

- Kiêng nói những câu “mất”, “chết” để khỏi diễn ra sự mất mát, chết chóc trong cả năm.

- Kiêng khóc than để tránh sự ảm đạm trong cả năm.



Múa rồng

- Kiêng để đèn thắp trên bàn thờ hết dầu vì như vậy có nghĩa là cuộc đời sẽ tàn lụi.

- Kiêng cho mượn đồ vật dụng vì đây là hình thức “trao của”, hết như việc trả nợ.

- Kiêng ngồi giữa cửa vì sợ cản trở sự trôi chảy, trót lọt của gia đình

- Người gia đình có tang không được đến chúc tết người khác

vào ngày mùng một vì sợ đem sự rủi ro tới cho gia chủ và giảm lòng hiếu thảo với người đã khuất.

- Kiêng đi vào giờ xấu. Giờ “xuất hành” phải là giờ hoàng đạo và khi đi phải chọn hướng tốt mà đi.

TỤC HỨNG NƯỚC ĐẦU NĂM

Ở nông thôn (và có thể ở cả trong thành phố) người dân quan niệm rằng đầu năm mà có người gánh nước tới nhà thì có nghĩa là tiền vào nhà như nước. Bởi vậy, những người gánh nước thuê đầu năm được gia chủ đón tiếp rất niềm nở và được thưởng tiền nhiều gấp mười lần ngày thường. Còn nơi thành phố, vì quá trình hiện đại hóa, nên đa số gia đình đều có nước thủy cục, việc thuê người gánh nước không còn ai phục vụ cho điều này nữa. Vì thế vào nửa đêm, các gia đình mở vòi nước cho chảy tràn hồ chứa nước, xem như tiền vào nhà như nước.

TỤC MỪNG TUỔI



Năm mới mọi người lớn thêm một tuổi, người lớn có tục lì xì (mừng tuổi) cho người ít tuổi hơn mình, như lời nhắn nhủ, tiền lì xì ấy sẽ sinh sôi nảy nở thêm nhiều, mà vun đắp tương lai.

Tiền lì xì còn gọi là tiền “mở hàng để lấy may”. Tại Chợ Lớn, các thương gia thường lì xì cho khách hàng một bao lì xì màu đỏ trong đựng một tờ giấy bạc mới, dù người đó có mua hàng hay không, họ cho là “tiền mở hàng” lì xì càng nhiều phong bao, họ cho là trong năm sẽ phát đạt (vì như thế tức trong năm nhiều khách hàng hơn)

Trẻ em lại thích tiền mừng tuổi, người lớn cho rằng như vậy trong năm có nhiều niềm vui trong cuộc sống, qua sự ngây thơ của trẻ nhỏ khi được bao lì xì thì cười nói tíu tít v.v...

TỤC HÓA VÀNG

Trong ba ngày tết, thông thường vào chiều ngày mùng 3, nhà nhà có tục hóa vàng (tiền ông bà), nhiều gia đình cũng mời bà con trong họ tộc đến để dự lễ này.

Lễ hóa vàng như đã nói, tiền đưa ông bà cha mẹ về lại tổ đường, hay chùa chiền mà họ đã gửi hương linh (theo truyền thuyết khi người chết, họ vẫn còn 3 hồn, một hồn ở nơi chôn cất, một ở nơi chết hoặc là chốn thờ tự và một hồn ở suối vàng). Sau còn ý nghĩa khác, mời họ hàng phá mối (tức dùng hết những món ăn ngày tết đã mua sắm trong nhà như dưa hấu, bánh chưng, thịt mỡ, dưa hành v.v...)

Lễ hóa vàng là đốt hết các loại giấy tiền vàng bạc đã để trên bàn thờ, khi đã đốt hết người ta đổ vào đồng tro những chén rượu cúng. Tục lệ cho rằng, có như vậy ở cõi âm các vị ông bà cha mẹ mới có tiền tiêu xài trong năm mới.

Có nơi (nhiều vùng nông thôn) vẫn có tục mua 2 cây mía dùng trong việc thờ tổ tiên trong 3 ngày tết, trong ngày hóa vàng họ hơ mía trên đồng tàn còn đang rực đỏ, có ý chuyển giao cho tổ tiên có gánh quả tiền về, cũng là khí giới chống bọn cướp vàng nơi cõi âm.

HỘI HÈ ĐÌNH ĐÁM THÁNG GIÊNG (theo âm lịch)

- Từ mùng 1 đến mùng 3: Tết Nguyên Đán
- Từ mùng 2 đến mùng 3: Hội cướp đồ, xã Gia Thanh, huyện Phong Châu, Phú Thọ – Lễ duyệt bia xã Hiền Quan, huyện Tam Thanh, Phú Thọ.
- Mùng 3: Hội đình Tích Sơn, xã Tích Sơn, thị xã Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc. – Hội Lô làng Cọi, xã Vũ Hội, huyện Vũ Thư, Thái Bình. – Hội tung còn Bạch Hạc, xã Bạch Hạc, TP. Việt Trì, Phú Thọ.

- Mừng 4 đến mừng 7: Hội vật Bảo Giàn, huyện Lập Thạch, Vĩnh Phúc. – Hội vật Liễu Đôi, xã Nam Cúc, huyện Thanh Liêm, Hà Nam – Hội pháo Đổng Kỵ, xã Đông Quang, huyện Tiên Sơn, Bắc Ninh – Hội chùa Phật Tích, xã Phật Tích, huyện Quế Võ, Bắc Ninh. – Hội Ó (chợ bán gà) xã Xuân Ó, Tiên Sơn, Bắc Ninh – Hội kéo dây (kéo co) làng Phùng, xã Tân Thịnh, huyện Thiệu Yên, Thanh Hóa – Hội Chắp, xã Hữu Chắp, huyện Yên Phong, Bắc Ninh – Hội làng Đông Hồ, xã Lạc Thổ, huyện Thuận Thành, Bắc Ninh



Hát Quan Họ trong Hội Lim (Bắc Ninh)

- Mừng 5: Hội Đống Đa, quận Đống Đa, Hà Nội. – Hội Lịch Diệp (làng nghề dệt) xã Trại Chính, huyện Nam Ninh, Nam Định

- Từ mừng 6 đến 12: – Hội Mê Linh, xã Hạ Lôi, huyện Mê Linh, Vĩnh Phúc – Hội làng Vân Sa (làng dệt lụa) xã Tân Hồng, huyện Ba Vì, Hà Tây – Hội Gióng Sóc Sơn, xã Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn, Hà Nội. – Hội Duồng, xã Đông Đạt, huyện Phú Lương, Thái Nguyên. – Hội Cơm Hòm, xã Tiên Phong, huyện Phổ Yên, Thái Nguyên – Hội hát dặm Quyển Sơn, làng Canh Dịch, thôn Quyển Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, Hà Nam. – Hội Rừng, làng Vân Trưng, huyện Vĩnh Lạc, Vĩnh Phúc – Hội Đền Địa, xã Canh Tân, huyện Hưng Hà, Thái Bình

- Từ mừng 6 đến rằm tháng ba: Hội Chùa Hương, xã Đục Khê, huyện Mỹ Đức, Hà Tây.

- Mừng 7 đến ngày 15: Hội làng Hy Cương (rước chúa Ga) xã Hy Cương, huyện Phong Châu, Phú Thọ. – Hội vật Vĩnh Nộ, xã Cao Xá, huyện Phong Châu, Phú Thọ. – Hội chen, xã Nga Hoàng, huyện Quế Võ, Bắc Ninh

- Mừng 8: – Hội Vó (làng nghề đồng) xã Quang Bó, huyện Gia

Lương, Bắc Ninh. – Hội du xuân, 4 xã kết nghĩa du xuân Yên Phụ, Yên Hậu, Yên Tiến, Yên Vĩ, huyện Yên Phong, Bắc Ninh

- Mừng 10: Hội voi, thành phố Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk. – Hội vật làng Sinh, xã Phú Mậu, huyện Phú Vang, Huế – Hội Triều Khúc, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, Hà Nội – Hội Đô, xã Hiệp Tuyết, huyện Quốc Oai, Hà Tây. – Lễ hội Bà Chúa Kho – Cổ Mễ, Vũ Ninh, Bắc Ninh

- Ngày 11: Hội Trờ trám, xã Tứ Xã, huyện Phong Châu, Phú Thọ – Hội đánh cá Lũng Giang, xã Lũng Giang, Lũng Sơn, huyện Tiên Sơn, Bắc Ninh – Hội Phù Ủng, xã Phù Ủng, huyện Ân Thi, Hưng Yên – Hội Thương Liệt, xã Đông Tân, huyện Đông Hưng, Thái Bình

- Ngày 12: Hội rước vua sống, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh, Hà Nội

- Ngày 13: Hội Lim, xã Lũng Giang, huyện Tiên Sơn, Bắc Ninh – Hội phết Hiền Quan, xã Hiền Quan, huyện Tam Thanh, Phú Thọ

- Ngày rằm (15 : Lễ Thượng ngươn, hội lớn của Phật Giáo, các chùa chiền đều mở cửa – Hội xuân Núi Bà, núi Bà Đen, tỉnh Tây Ninh – Lễ vía chùa Bà Bình Dương, thị xã Thủ Dầu Một, Bình Dương – Hội đền Và, huyện Ba Vì, Hà Tây

- Ngày 15 đến ngày 21: Hội chèo vùng Gối, xã Tân Hội, huyện Đan Phượng, Hà Tây

- Ngày 17: Hội chùa Tứ Pháp, xã Văn Lâm, huyện Yên Mỹ, Hưng Yên

- Ngày 18 đến 23: Hội Côn Sơn, xã Côn Sơn, huyện Chí Linh, Hải Dương

- Ngày 20: Hội hoa Vĩ Khê, xã Nam Điền, huyện Nam Ninh, Nam Định.

Hết

BÀI ĐỌC SAU ĐÀN CÚNG

* Thuyết Đạo Sau Mỗi Đàn Cúng

Theo lời dạy của ĐỨC CHÍ TÔN và theo TÂN LUẬT thì sau mỗi Đàn Cúng, vị Chức Sắc chủ lễ phải nói Đạo cho Thiện Nam, Tín Nữ tham dự Đàn Cúng nghe hiểu.

Ngày 5-4-1927, Đức Chí Tôn giảng cơ có dạy về việc thuyết Đạo nguyên văn như sau :

“ Thầy để lời cho các con biết rằng : Phần nhiều các Giáo Hữu không xét biết trách nhiệm của mình, con phải nhắc cho chúng nó hiểu. Mỗi Giáo Hữu ít nữa phải thông cội rễ nền Đạo; chúng nó năng tìm biết Thánh Ngôn của Thầy đã dạy và thay phiên nhau mà nói Đạo cho Thiện Nam, Tín Nữ hiểu. Nhiều Giáo Hữu không biết nét chi về việc Đạo; chớ Tín Đồ không trông học hỏi đến đặng, thì Chức Sắc còn có bổ ích chi. Con phải nhắc cho chúng nó và Hội Thánh phải hội một tháng một kỳ mà chỉ dẫn cho nhau về việc thuyết Đạo trong mỗi Đàn, nghe! Thầy ban ơn cho các con ” (TNHT.I.82 - in 1972) .

Sau đây là lời dạy trong Quyển Tân Luật.

TÂN LUẬT Điều thứ 19 .- *Một tháng hai ngày sóc vọng, bốn đạo phải tựu lại Thánh Thất sở tại mà làm lễ và nghe dạy đạo. Trừ ra ai có việc đợc chể.*

Như vậy, sau mỗi Đàn Cúng, vị Chủ Lễ có nhiệm vụ phải nói Đạo cho Thiện Nam Tín Nữ nghe, đặc biệt là sau các ngày Lễ Vía. Để góp phần vào việc đọc bài Giáo Lý sau mỗi kỳ Đàn Cúng ĐỨC CHÍ TÔN, chúng tôi sưu tầm một số BÀI ĐỌC SAU ĐÀN CÚNG, ngắn gọn, đọc khoảng trên dưới 10 phút, hầu giúp cho quý vị Chủ Lễ đỡ mất thì giờ.

Xin giới thiệu một số chủ đề sau đây.

Ghi Chú : Tài liệu “**Bài Đọc sau Đàn Cúng**” này chỉ có tánh cách tham khảo, rất mong được sự phản hồi góp ý của Quý Cơ Sở Đạo và của Quý Huynh Tỷ để bài soạn được hoàn chỉnh.

Hiền Tài Nguyễn Trung Đạo

BA KỲ PHỔ ĐỘ

* * *

Đạo Cao Đài có Sử Quan giải thích tiến trình lịch sử của nhân loại trải qua 3 giai đoạn : Thượng Nguơn, Trung Nguơn và Hạ Nguơn. Cuối mỗi nguơn là một thời kỳ ĐỨC CHÍ TÔN NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ cho truyền Đạo xuống thế gian để phổ độ nhơn sanh.

1.- Nhứt Kỳ Phổ Độ

Vào thời Thượng Nguơn, nhơn loại còn giữ được bốn tánh thiện lương của THƯỢNG ĐẾ ban cho, nên còn giữ được nếp sống thuần lương chất phác. Dân chúng sống trong an lạc ấm no, nhà ở không cần đóng cửa, cửa rơi ngoài đường không ai lượm. Sống từng Thiên lý, dân chúng hòa hiệp với nhau, tương thân tương ái. Do đó mà Thượng Nguơn thường được gọi là *Nguơn Thánh Đức*.

Đến cuối Thượng Nguơn, con người lần lần bị ô nhiễm trước trần, phải lu mờ Thánh Đức, bỏ Thiên Lý mà sa vào nhơn dục. Mặt khác, nhơn loại cần được giáo hóa để kịp đà tiến bộ, vì vậy mà THƯỢNG ĐẾ mới khai Tam Giáo để phổ độ chúng sanh bỏ dữ về lành, tức là Nhứt Kỳ Phổ Độ.

Trong Nhứt Kỳ Phổ Độ có các Đấng sau đây giáng trần để lập Đạo :

- *Đức Nhiên Đãng Cổ Phật* làm giáo chủ Phật Giáo,
- *Đức Thái Thượng Đạo Tổ* làm giáo chủ Tiên Giáo,
- *Đức Văn Tuyên Đế Quân* làm giáo chủ Nho Giáo.

Ngoài ra, các Đấng sau đây cũng đã góp phần đặt nền tảng cho Đạo Nho trong thời Nhứt Kỳ Phổ Độ : vua Phục Hy, vua Hạ Võ, vua Văn Vương, ông Chu Công,...

2.- Nhị Kỳ Phổ Độ

Qua thời Trung Nguơn, các quốc gia bắt đầu hình thành, có biên giới tiếp giáp nhau mà sự phân ranh chủ yếu là bằng sức mạnh binh lực hơn là tập quán, dân tộc. Chính trong mỗi nước,

việc soán ngôi đổi chủ cũng thường xảy ra : Xã hội loạn lạc, dân tình đói khổ muôn phần. Mặt khác, các tôn giáo mở ra vào thời Nhứt Kỳ Phổ Độ đã lần lần thất chơn truyền, điều này dễ xảy ra vì trong thời Nhứt Kỳ Phổ Độ chưa có văn tự rõ ràng. Vả lại lúc bấy giờ, trình độ tiến hóa của nhơn loại đã khá cao, lại xu hướng vào đường tranh đấu giành giựt lợi quyền, xa đường đạo đức, nên Đấng THƯỢNG ĐẾ một lần nữa mở lòng từ bi, cho các Đấng Tiên Phật giáng trần chấn hưng các mối đạo đã được mở ra trong Nhứt Kỳ Phổ Độ, để thích hợp với đà tiến hóa của nhơn sanh, hầu đủ sức kềm giữ nhơn tánh của nhơn sanh, đem nhơn sanh về con đường đạo đức.

- **Đức Phật Thích Ca** giáng sanh tại Ấn Độ, *chấn hưng Phật Giáo* có từ thời Nhứt Kỳ Phổ Độ, mở ra **Thích Giáo** với một giáo lý rất phong phú và thiết thực để giải khổ nhơn sanh.

- **Đức Lão Tử**, Chơn Linh của *Đức Thái Thượng Đạo Quân*, giáng sanh tại Trung Quốc, mở ra **Đạo Giáo** tức **Lão Giáo** để *chấn hưng Tiên Giáo* có từ thời Nhứt Kỳ Phổ Độ.

- **Đức Khổng Tử**, Chơn Linh của *Đức Văn Xương Tiên*, giáng sanh tại Trung Quốc, *chấn hưng Nho Giáo* có từ thời Nhứt Kỳ Phổ Độ.

- **Đức Chúa Jésus**, giáng sanh ở nước Do Thái, *chấn hưng Do Thái Giáo* để mở ra **Thiên Chúa Giáo**.

Các tôn giáo này, sau khi các vị Giáo Chủ qui Thiên, giao nên Đạo cho người phạm điều độ, lần lần sửa cải chơn truyền, trải qua hơn 2000 năm, các mối đạo phần nhiều đều bị qui phạm, chánh pháp đã nhiều phần bị sai lạc.

3.- Tam Kỳ Phổ Độ

Trong Nhứt Kỳ và Nhị Kỳ Phổ Độ, các Đấng giáng trần lập nhiều tôn giáo khác nhau ở những địa phương khác nhau, vì lúc đó phương tiện giao thông và truyền thông chưa được tiến bộ. Cũng do có nhiều tôn giáo mà lắm khi có sự hiểu lầm giữa những người theo tôn giáo này và những người theo tôn giáo kia. Người đời còn quá mê lầm, nên mới có người ở tôn giáo

này thường bài xích tôn giáo khác, và tự cho tôn giáo mình là chánh, tôn giáo kia là tà, gây nên nhiều hiềm khích chia rẽ, để rồi đưa đến nhiều cuộc chiến tranh tàn khốc đau thương. Hiện nay vẫn còn đang diễn ra trên thế giới những cuộc chiến tranh về tôn giáo. Cũng vì lý do này mà ngày nay Đức THƯỢNG ĐẾ mới thống nhất các tôn giáo trên thành một mối đạo duy nhất, đó là **Đạo Cao Đài**.

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Đức CHÍ TÔN có dạy:

“ Vốn từ trước THẦY lập ra Ngũ chi Đại Đạo là :

Nhơn Đạo,
Thần Đạo,
Thánh Đạo,
Tiên Đạo,
Phật Đạo.

Tùy theo phong hóa của nhân loại mà gây Chánh giáo, là vì khi trước Càn vô đức khán, Khôn vô đức duyệt, thì Nhơn loại duy có hành đạo nội tư phương mình mà thôi.

Còn nay thì Nhơn loại đã hiệp đồng, Càn Khôn dĩ tận thức, thì lại bị phân nhiều đạo ấy mà Nhơn loại nghịch lẫn nhau ; nên THẦY mới nhất định qui nguyên phục nhất. Lại nữa trước THẦY giao Chánh Giáo cho tay phàm, càng ngày lại càng xa Thánh Giáo mà làm ra Phàm Giáo. THẦY lấy làm đau đớn, hằng thấy gần trót mười ngàn năm, nhân loại phải sa vào nơi tội lỗi, mặt kiếp chốn A-Tỳ.

THẦY nhất định đến chính mình THẦY độ rồi các con, chẳng chịu giao Chánh Giáo cho tay phàm nữa” (TNHT.I.16 – in năm 1972).

CHÚ THÍCH :

Càn vô đức khán : Không thể thấy hết được Trời.

Khôn vô đức duyệt : Không xem xét hết được mặt đất.

Càn Khôn dĩ tận thức : Con người đã biết rõ tất cả sự vật trong khắp Càn Khôn Vũ Trụ.

Nay trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, Đức CHÍ TÔN không chiết

Chơn Linh giáng trần để lập Đạo nữa, mà chỉ dùng huyền diệu cơ bút để mở Đạo. Đức CHÍ TÔN cho các Đấng Thiêng Liêng như Chơn Linh *Cao Quỳnh Tuân*, *Thất Nương Diêu Trì Cung*, *Bát Nương Diêu Trì Cung*, Đức ĐIỀU TRÌ KIM MẪU và chính Đức CHÍ TÔN tự xưng là A, Ẫ, Ầ, ..., qua Xây Bàn và Cơ Bút, dùng văn chương thi phú hướng dẫn các Ngài *Cao Quỳnh Cư*, *Phạm Công Tắc*, *Cao Hoài Sang*, v.v.... lần lần vào cửa Đạo, rồi từ đó lập ra nền Đạo

Trong Nhứt Kỳ và Nhị Kỳ Phổ Độ, Đức CHÍ TÔN cho mở và chấn hưng các tôn giáo là Phật Giáo, Tiên Giáo, Nho Giáo, Thánh Giáo tức Thiên Chúa Giáo, với những vị Giáo Chủ khác nhau, nhưng trong Tam Kỳ Phổ Độ, Đức CHÍ TÔN chỉ cho mở có một Đạo duy nhứt, lấy tên là **Đạo Cao Đài**, với Giáo Lý là sự tổng hợp có sáng tạo của tinh hoa giáo lý *Tam Giáo* và *Ngũ Chi* đã có từ xưa, hiệp với *Thánh Giáo* ngày nay của Đức CHÍ TÔN NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ, lập thành một nền **Tân Giáo Lý**, tạo nên một nền Tôn Giáo Đại Đồng, gồm đủ các phương diện của một nền Đại Đạo chơn chánh, do **Chính Đức CHÍ TÔN làm Giáo Chủ**.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ thường gọi là **Đạo Cao Đài** được Đức CHÍ TÔN giao quyền chưởng quản về phần vô vi cho 3 Đấng Thiêng Liêng, gọi là **Tam Trấn Oai Nghiêm**, thay mặt cho 3 vị Giáo Chủ của Tam Giáo :

*- **Nhứt Trấn Oai Nghiêm** : *Đức Lý Đại Tiên Trưởng*, thay mặt *Đức Lão Tử*, cầm quyền *Tiên Giáo*,

*- **Nhị Trấn Oai Nghiêm** : *Đức Quan Âm Như Lai*, thay mặt *Đức Phật Thích ca*, cầm quyền *Phật Giáo*,

*- **Tam Trấn Oai Nghiêm** : *Đức Quan Thánh Đế Quân*, thay mặt *Đức Khổng Tử*, cầm quyền *Nho Giáo*.

Về phần hữu vi, Đạo Cao Đài được chưởng quản bởi HỘI THÁNH gồm quý vị Chức Sắc Thiên Phong và Đại Thiên Phong do chính *Đức CHÍ TÔN* hoặc *Đức Lý Đại Tiên Trưởng* thay mặt Đức CHÍ TÔN giáng cơ ban phẩm.

Tôn chỉ của Đạo Cao Đài là :

“ Qui nguyên Tam Giáo, phục nhứt Ngũ Chi ”

Có nghĩa là : Ba nền Tôn Giáo (Nho, Thích, Lão) ở vùng Á Đông và 5 Nhánh Đạo (Phật, Tiên, Thánh, Thần, Nhơn) ở toàn thế giới đều qui về một Gốc là Đức Thượng Đế.

Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

THỜ VÀ CÚNG TRONG ĐẠO CAO ĐÀI

1.- TÔN CHỈ ĐẠO CAO ĐÀI

Mở đầu bài Sớ Văn Thượng Tấu, có các hàng chữ như sau :

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Bát Thập Bát Niên)

TAM GIÁO QUI NGUYÊN NGŨ CHI PHỤC NHỨT

Hàng chữ trên cho biết tôn chỉ của Đạo Cao Đài là :

“ Tam Giáo qui nguyên, Ngũ Chi phục nhứt ”

Tam Giáo gồm có : Phật Giáo, Tiên Giáo, Nho Giáo.

Ngũ Chi gồm có : Phật Đạo, Tiên Đạo, Thánh Đạo, Thần Đạo, Nhơn Đạo.

Do theo Tôn Chỉ đã đặt ra,

* Trên Thiên Bàn hoặc Bửu Điện thờ trong Đạo Cao Đài, có hình vẽ hoặc Long Vị tượng trưng cho :

- Đức NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ,
- Các Đấng Giáo Chủ của Tam Giáo,
- Các Đấng đại diện cho Ngũ Chi Đại Đạo.

* Kinh Nhứt Tụng mà người Tín Đồ Cao Đài đọc để cúng hằng ngày có nội dung chánh là xưng tụng công đức của Đức NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ và các Đấng Giáo Chủ của Tam Giáo

2.- CÁCH THỜ TRONG ĐẠO CAO ĐÀI

Trên Thiên Bàn hoặc Bửu Điện thờ trong Đạo Cao Đài, có

hình vẽ hoặc Long Vị tượng trưng cho các Đấng Thiêng Liêng như sau :

* **Trên hết** là THIÊN NHÂN tượng trưng cho Đức CHÍ TÔN NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ.

* **Kế đến** là *Ba Đấng Giáo Chủ* của Tam Giáo :

- Đức Phật Thích Ca Giáo Chủ **Đạo Phật** thời Nhị Kỳ PD.
- Đức Lão Tử Giáo Chủ **Đạo Tiên** thời Nhị Kỳ Phổ Độ,
- Đức Khổng Tử Giáo Chủ **Đạo Nho** thời Nhị Kỳ Phổ Độ.

* **Tiếp theo** là Ba Đấng *Tam Trấn Oai Nghiêm* thay mặt Ba Đấng Giáo Chủ cầm quyền Tam Giáo trong thời Tam Kỳ Phổ Độ :

- Nhứt Trấn: Đức Lý Đại Tiên Trưởng cầm quyền **Tiên Giáo**,
- Nhị Trấn: Đức Phật Bà Quan Âm cầm quyền **Phật Giáo**,
- Tam Trấn: Đức Quan Thánh Đế Quân cầm quyền **Nho Giáo**.

* Các Đấng đại diện Ngũ Chi Đại Đạo gồm có :

- Đức Phật Thích Ca đại diện **Phật Đạo**,
- Đức Lý Đại Tiên đại diện **Tiên Đạo**,
- Đức Chúa Jésus Christ đại diện **Thánh Đạo**,
- Đức Khương Thượng đại diện **Thần Đạo**,
- Ngôi Giáo Tông Đại Đạo đại diện **Nhơn Đạo**.

3.-KINH NHỰT TỤNG

Kinh nhựt tụng trong Đạo Cao Đài được gọi là *Kinh Cúng Tứ Thời*, vì mỗi ngày cúng bốn thời, vào các thời: *Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu*, tức 12 giờ khuya, 12 giờ trưa, 6 giờ sáng, và 6 giờ chiều. Vào các ngày Lễ Vía và Sóc Vọng, ở Đền Thánh và các Thánh Thất thiết Đàn Cúng Đức Chí Tôn có tụng các bài kinh như sau

1-Niệm Hương.- Trong bài *Niệm Hương*, Đồng Đạo dâng hương để cung thỉnh Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng giáng xuống chứng kiến buổi lễ và ban ân điển cho Đàn Cúng.

2.-Khai Kinh.- Bài *Khai Kinh* là bài mở đầu cho 4 bài Kinh quan trọng gồm có Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế và 3 bài Kinh Tam Giáo. Bài Kinh còn đặt vấn đề về giáo lý Tam Giáo (Nho,Thích,Đạo) : *Đức Khổng Thánh* dạy đạo Trung Dung, *Đức Phật* dạy lòng Từ Bi, còn *Đạo Tiên* thì dạy phép Tu Chơn.

3.-Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế : Nội dung bài Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế xưng tụng công đức của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế : Là Đấng Vua Trời chưởng quản cõi Vũ Trụ bao la vô tận, Đức Thượng Đế sanh hóa và nuôi dưỡng các loài sinh vật, thống lãnh và cai trị vạn vật một cách ổn định.

4.-Kinh Thích Giáo : Nội dung bài Kinh Thích Giáo xưng tụng công đức của Đức Nhiên Đăng Cổ Phật, *Giáo Chủ Đạo Phật thời Nhứt Kỳ Phổ Độ*.

5.-Kinh Tiên Giáo : Nội dung bài Kinh Tiên Giáo xưng tụng công đức của *Đức Thái Thượng Đạo Quân*, *Giáo Chủ Đạo Tiên thời Nhứt Kỳ Phổ Độ*, và của *Đức Lão Tử*, *Giáo Chủ Đạo Tiên Thời Nhị Kỳ Phổ Độ*.

6.-Kinh Nho Giáo : Nội dung bài Kinh Nho Giáo xưng tụng công đức của Đức Văn Xương Đế Quân và *Đức Khổng Khánh Tiên Sư* là Giáo Chủ Đạo Nho thời Nhị Kỳ Phổ Độ.

7.-Dâng Tam Bửu.- Đức Hộ Pháp thuyết đạo, có dạy như sau : “*Trong một thời cúng, Bần Đạo đã cần dận nhiều phen, trọng hệ hơn hết là khi Dâng Tam Bửu. Dầu cho tinh thần suốt buổi cúng có nhiều lúc lo ra đi nữa, đến khi Dâng Tam Bửu, khuyên cả thầy định thần mật niệm dâng Ba Bửu trọng hệ cho CHÍ TÔN,...*” (Quyển Lời Thuyết Đạo, trg 23).

Dâng Tam Bửu là Dâng *Hoa*, *Rượu* và *Trà* lên Đức Chí Tôn .

- Hoa tượng trưng cho TINH tức *Mảnh hình hài*,
- Rượu tượng trưng cho KHÍ tức *Chơn thân*,
- Trà tượng trưng cho THẦN tức *Linh hồn*.

Kế đến là phân Dâng Sở, xong tụng Ngũ Nguyện.

8.-Ngũ Nguyện.- Chữ *Nguyện* trong hai câu đầu phải được hiểu theo nghĩa *tích cực* là mong muốn và quyết tâm thực hiện

cho bằng được. Chữ *Nguyện* trong ba câu sau được hiểu theo nghĩa tiêu cực là cầu nguyện, cầu xin Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng ban cho. Có thể hiểu bài Ngũ Nguyện như sau :

- **Con** quyết tâm làm cho nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được mở mang rộng khắp, và cứu giúp tất cả chúng sanh được giải thoát.

- **Con** cầu xin Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng tha tội cho chúng con, phù hộ cho tất cả chúng sanh được sống yên ổn hòa bình, phù hộ toàn cả *Hội Thánh* và *tín hữu* đều được an ninh.

4.-LỜI DẠY CỦA CÁC ĐẤNG

Ngày 14 tháng 4 năm Quý Dậu (dl : 8-5-1933), Đức Phật Bà Quan Âm có dạy Quý vị Chức sắc Tiền Khai như sau :

“ *Các em phải lo cúng kiếng thường:*

- *Một là lập cho Chơn Thần được gần gũi các Đấng Thiêng Liêng đặng sáng lạn.*

- *Hai là cầu khẩn với Đức Đại Từ Bi tha thứ tội tình cho các em và cả chúng sanh ... (TNHT.II.193 - in năm 1972).*

Trong bài Thái Hội Yến Diêu Trì, Thất Nương Diêu Trì Cung cũng có dạy : “*Lễ bái thường hành tâm đạo khởi*”. **Trong Quyển Lời Thuyết Đạo** (nơi trang 222), Đức Hộ Pháp có dạy như sau : “*Buổi ăn của Linh Hồn là buổi ta vô Đền Thờ cúng đấy. Ta không thấy mùi của nó tức là chưa hưởng được, tưởng vô đền thờ là bị bắc buộc, không dè mỗi phen đi cúng tức là cho Linh Hồn ăn vậy*”.

Cũng Trong Quyển Lời Phê của Đức Hộ Pháp (nơi trang 9), có ghi : “*Hễ càng già lại càng cúng nhiều đặng dâng mạng căn số kiếp của mình cho Đức Chí Tôn định, ấy là bí mật giải thoát của Chí Tôn để nơi Cơ Tận Độ. Dầu đương giờ mình cúng mà chết trước mặt Người lại càng hay. Phải tuyên truyền cho ai ai cũng đều thấu đáo nghĩa lý Bí Pháp này. Khi đau ốm nằm*

dưỡng bệnh hễ nghe thời cúng là ngời dậy Dâng Tam Bửu cho Chí Tôn”. Hộ Pháp (Ấn Ký).

ÍCH LỢI CỦA VIỆC CÚNG TỬ THỜI

* * *

Người không biết Đạo cho rằng cúng kiếng là dấu hiệu ỷ lại thần quyền.

Là người trong cửa Đạo, chúng tôi hội đủ kinh nghiệm để tin chắc rằng cúng kiếng có một tác dụng rất hay về mặt tinh thần đạo đức, vì thế mà Tôn Giáo nào cũng có một sự cúng kiếng.

Đại Đạo Tam kỳ Phổ Độ có định lệ cúng Tứ Thời. *Tý Ngọ* cúng rượu vì cúng *rượu* tượng trưng *ngươn khí* mà *Tý Ngọ* là giờ *ngươn khí* của trời đất hưng vượng. *Mẹo Dậu* cúng trà vì trà tượng trưng *ngươn Thần* mà *Mẹo Dậu* là giờ *ngươn thần* của trời đất hưng vượng.

Ở thế kỷ văn minh vật chất này, nhiều sự ồn ào náo nhiệt làm cho đạo tâm xao lãng, nào là nổi sớm lo chiều liệu trong đời sống vật chất, nào là cuộc bi thương hoan lạc, mỗi mỗi làm cho người yếu đức tin dễ xa lánh mối đạo, vậy cần phải có phương pháp nào để nhắc nhở và nâng đỡ con người khỏi thất Đạo, cái phương pháp thần diệu ấy là cúng Tứ Thời đó vậy.

Cúng Tứ Thời là để khép mình vào khuôn lễ giáo và thanh tịnh, kèm chế con tâm không cho phóng túng để giữ được trạng thái hư không mà chẳng sanh vọng niệm. Càng cúng Tứ Thời đạo tâm càng phấn khởi.

* Thất Nương một vị Nữ Phật tại Diêu Trì Cung đã dạy : “*Lễ bái thường hành tâm đạo khởi*” (Thài Hội Yến **Diêu** Trì Cung). Cũng với ý nghĩa đó mà trong dân gian có câu : “*Vô chùa thấy Phật muốn tu*”.

* Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Đức Quan Âm Bồ Tát có dạy Quý vị Chức sắc Tiền khai như sau :

“ Các em phải lo cúng kiếng thường.

- Một là lập cho Chơn Thân được gần gũi các Đấng Thiêng Liêng đặng sáng lạn.

- Hai là cầu khẩn với Đức Đại Từ Bi tha thứ tội tình cho các em và cả chúng sanh.

- Ba là có tế lễ thì tâm phải cảm, cảm rồi phải ứng, ứng là lẽ tự nhiên.

- Bốn là tâm có cảm thì lòng bác ái mới mở rộng, mà nhứt là khiếu lương tri lương năng của các em cũng nhờ đó mà lần hồi thành ra mãn huệ.” (TNHT.II.193 - in năm 1972).

* Trong Bộ Thánh Ngôn Sưu Tập của Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng, có lời dạy của Đức Chí Tôn về việc Cúng Tứ Thời như sau :

“ Trung,¹

Con biểu Mắt² phải chịu khó cúng Tứ Thời và nhìn Thiên Nhân cho thường. Mỗi lần cúng cho được lâu, lâu đặng cảm lòng giáng hỏa thì hết đau mắt.

Luôn dịp, Thầy nói cho các con biết :

Cúng Tứ Thời có ích cho các con lắm, chớ không phải ích chi cho Thầy. Nếu cúng được thường thì lòng dạ nở nang, tứ chi luân chuyển, có nhiều khi tật bệnh tiêu diệt.

Các con nên biết việc Cúng Tứ Thời nghe.

Thầy ban ơn cho các con.”

(Quyển I, bài 61, trang 119)

Câu «Nam Mô Phật» nhắc chừng chúng ta phải thành kính tưởng niệm đấng toàn giác mà học tập theo trong muôn một.

Câu «Nam Mô Pháp» gọi cho chúng ta cái tưởng niệm tưởng về đạo pháp hằng phải tuân theo để tu cho đúng cách.

Câu «Nam Mô Tăng» nhắc nhở chúng ta phải trọn lòng thành

1- Trung : Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung.

2- Mắt : Ông Tư Mắt, tức Nguyễn Phát Trước.

kinh với Hội Tăng Già, tức Hội Thánh, mà những lời chỉ giáo đáng làm khuôn vàng thước ngọc cho chúng ta noi theo để mỗi ngày tăng cao đạo đức và học vấn của mình.

Bài «Khai Kinh» nhắc cho chúng ta nhớ hằng ngày cái tôn chỉ cao siêu của Tam giáo «Gốc bởì lòng làm phải làm lành» và câu «Sửa lòng trong sạch tụng cầu Thánh kinh», dạy chúng ta trước khi vào châu Đức Chí Tôn, phải giữ mình hoàn toàn trong sạch, chẳng những trong sạch hoàn toàn về thể xác, lại còn trong sạch về tâm hồn, mà mỗi ngày giữ được bổn phận làm như thế không phải là quý hóa sao ?

Đức Chí Tôn có dạy:

Phải thường hỏi lấy mình, trước khi đem mình vào lạy Thầy buổi tối, coi phận sự ngày ấy xong chưa và lương tâm có điều chi cần rút chằng ? Nếu phận còn nét chưa rồi, lương tâm chưa an tịnh, thì phải biết cải quá, ráng chuộc lấy cái lỗi đã làm, thì các con lo chi chằng bì bức chí Thánh, thầy mong rằng mỗi đứa đều lưu ý đến sự sửa mình ấy thì lấy làm may mắn cho đạo, và các con sẽ đặng thông dong mà treo gương cho kẻ khác... »

Vậy cúng Tứ Thời cũng là phương pháp kiểm soát việc làm hằng bữa để răn lòng sửa tánh.

Lại mỗi lần cúng Tứ Thời, chúng ta gom tất cả năng lực của đức tin để tưởng Trời, Tưởng Phật tức là dùng tư tưởng mà cảm thông với Trời Phật và tiếp điểm lành từ trên ban xuống, cho tâm hồn thấm tươi, trong sạch, nhẹ nhàng mà hiệp ứng với cơ mầu tạo hóa.

Cúng Tứ Thời có ích cho chúng ta sở dĩ là thế. ³

HT. Nguyễn Trung Đạo soạn

3- Bài này được soạn theo bài giảng của Ngài Bảo Pháp NGUYỄN TRUNG HẬU trích từ quyển ĐẠI ĐẠO HỌC ĐƯỜNG của soạn giả Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu và Bảo Thế Lê Thiện Phước

Ngũ Giới ¹

A.-Mở Đề

Sau khi quy y Tam bảo rồi, người phật tử tại gia phải sống đúng theo quy luật mà Đức Phật đã chế ra, để tiến bước trên đường Đạo. Quy luật ấy là Ngũ Giới. Người theo đạo Nho phải sống đúng theo Tam cương, Ngũ thường, thì người theo Đạo Phật cũng không thể chỉ thọ Tam Quy mà không trì Ngũ Giới.

Người đã phát tâm quy y Tam Bảo là đã bước chân lên nấc thang giải thoát, nhưng nếu không giữ năm giới là chỉ mới bước một nấc đầu rồi dừng lại, không thể tiến đến giải thoát thật sự được. Năm Giới này không những đưa người mạnh tiến trên đường giải thoát, mà còn đem lại trật tự, an vui, hòa bình cho gia đình, Quốc gia, xã hội nữa. Ngũ giới chính là giềng mối chắc thật tạo hạnh phúc cho cá nhân và đoàn thể, chính là ông thầy ngăn ngừa chúng ta làm điều xằng bậy trong thời mạt pháp. Vì thế, Đức Phật Thích Ca đã có lời di chúc khẩn thiết sau đây trước khi Ngài nhập Niết bàn:

- “Sau khi ta diệt độ, các người tu hành phải tôn kính giới luật làm thầy; dầu cho ta còn tại thế để dạy dỗ cho các người mấy ngàn đời đi nữa, ta cũng không thêm điều nào ngoài giới luật.”

Gới luật Phật chế ra rất nhiều, vì cần phải áp dụng cho nhiều hạng người tu hành: - Tỳ kheo,- Tỳ kheo ni,- Sa di, - Sa di ni. Riêng đối với hàng Phật tử tại gia, thì chỉ có 5 giới mà thôi. Nhưng nếu giữ được 5 giới ấy thì lợi ích cho mình, cho người không xiết kể.

B.- Chánh Đề:

I.- Định Nghĩa : Ngũ giới là năm điều ngăn cấm mà Phật đã chế ra, để ngăn những tướng niệm ác, nói năng chằng lảnh, hành động bất chính. Năm điều răn ấy là:

- Không được giết hại,

1- Phật Học Phổ Thông – Phật Học Viện Quốc Tế xuất bản – Phật lịch 2532 (1988) – Trang 71- 92.

- Không được trộm cướp,
- Không được tà dâm,
- Không được nói dối,
- Không được uống rượu.

Năm điều này y cứ trên tâm từ bi, bình đẳng trên phương diện dứt trừ tội lỗi cá nhân và đem lại trật tự, an vui cho xã hội mà thành lập.

Đức Phật không bắt buộc chúng ta phải triệt để tuân theo và cũng không hăm dọa nếu chúng ta không tuân theo thì phải bị Ngài trừng phạt. Sự giữ hay không giữ giới là do chúng ta hoàn toàn tự liệu lấy. Đạo Phật khác với các Tôn giáo khác chính là ở điểm Đức Phật không phải là một quan tòa tối cao giữ quyền thưởng phạt. Một ý nghĩ, một lời nói, một hành động tốt hay xấu chính đã mang theo nó một mầm thưởng phạt rồi. Đức Phật chỉ là một vị dẫn đường rất từ bi, và rất sáng suốt. Ngài chỉ cho chúng ta con đường nào là con đường sáng và con đường nào là con đường nguy hiểm không nên đi.

Nhưng nếu chúng ta không theo con đường sáng mà lại muốn đi vào con đường nguy hiểm, thì tất nhiên chúng ta sẽ gặp tai họa tự nhiên, chứ Phật không tạo ra tai họa để trừng phạt chúng ta. Tòa án chính là luật nhân quả. Ta làm ác thì ta chịu quả xấu; ta làm thiện thì ta được quả tốt. Năm giới chính là năm thành trì ngăn chặn cho ta đừng đi lạc vào đường ác, là năm hàng rào ngăn chặn cho ta khỏi rơi xuống vực sâu, trong khi ta đi trên con đường giải thoát.

II.- NĂM GIỚI

1.- KHÔNG ĐƯỢC GIẾT HẠI .

Điều ngăn cấm thứ nhất mà Phật khuyên chúng ta, là không được giết sanh mạng, từ loài người cho đến loài vật. Sanh mạng là một giá trị quý báu, nhất là sanh mạng người; giết hại sanh mạng kia để tô bồi cho sanh mạng này là một điều ác, không hợp lý đạo.

Phật giáo cấm sát sanh bởi nhiều lý do:

a) Tôn trọng sự công bằng: - Chúng ta coi sanh mạng mình là quý, là một của báu tuyệt đối. Nếu ai mưu hại, là mình chống trả triệt để bảo vệ sanh mạng. Mình đã biết quý trong thân mạng mình, tại sao lại muốn chà đạp sanh mạng người? Suy rộng ra, các loài vật cũng biết quý trọng mạng chúng. Như một con bò hay một con heo sắp bị đập đầu, thọc huyết, ta thấy sự phản kháng mãnh liệt, sự đau thương cùng cực của chúng, bằng những tiếng kêu gào, những cái dẫy dựa thoát chết! Theo lẽ công bình, điều ta không muốn ai làm cho ta, thì ta cũng đừng làm cho người khác, hay loài khác. Phật dạy: “Ai ai cũng sợ gươm dao, ai ai cũng sợ sự chết. Vậy nên lấy lòng mình suy lòng người, chớ giết! Chớ bảo giết!”.

b) Tôn trọng Phật tánh bình đẳng- Chúng ta mỗi loài tuy thân hình khác nhau, mà vẫn đồng một Phật tánh. Phật tánh đã bình đẳng thì không thể viện lý do gì để nói rằng Phật tánh ở người giá trị hơn ở vật, ở giai cấp này màu da này giá trị hơn giai cấp kia màu da kia. Sát hại một sanh vật là sát hại Phật tánh.

c) Nuôi dưỡng lòng từ bi - Lòng từ bi của Đức Phật xem mọi loài như con, nên Ngài không đồng ý cho đệ tử Ngài sát hại sanh vật, bất cứ trong trường hợp nào. Bởi vì đem tâm giết hại sanh mạng là lòng độc ác đã cực thịnh, tâm từ bi bị bóp chết. Nhẫn tâm vô cớ giết một con vật, tính bạo ác không kém giết một con người. Nhẫn tâm làm cho kẻ khác hay vật khác phải dẫy dựa, rên siết, quần quại trong máu đào, trong lệ nóng trước khi trút hơi thở cuối cùng, là tự giết lòng từ bi của mình, là bóp chết cái mầm thương yêu rất quý báu trong tâm hồn chúng ta. Như thế, khó mà tu hành để thành chánh quả được. Đức Khổng Tử có dạy: “Văn kỳ thanh bất nhẫn kiến kỳ thực, kiến kỳ sanh bất nhẫn kiến kỳ tử”. (Nghe tiếng kêu la của con vật, không nỡ ăn thịt nó; thấy nó sống không đành thấy nó chết). Như vậy người có tâm từ bi hay lòng nhân đều không nỡ giết hại người hay loài vật.

d) Tránh nhân quả báo ứng oán thù - Khi ta giết một người hay một con vật thì sự oán hận của họ tràn trề khó dập tắt được. Họ vì cô thế, vì yếu sức nên bị ta giết hại. Trong khi ấy, họ ôm

lòng căm hận, chờ gặp dịp báo thù, hay con cái thân nhân họ sẽ báo thù lại. Cứ thế mỗi ngày ta đều gieo căm hận cho người và vật, tích lũy lâu ngày, khối oan gia ấy to hơn sức ta, chừng ấy ta bị nó sát hại lại. Càng tạo nghiệp sát, càng lao mình vào đau khổ. Phật dạy: “Người thường sanh tâm sát hại, càng tăng trưởng nghiệp khổ,, mãi xoay vần trong sanh tử, không có ngày ra khỏi” (Kinh Lăng Già).

Lợi ích của sự không sát hại.

- Vì những lý do trên, Đức Phật cấm Phật tử không giết hại. Không giết hại, sẽ có những điểm lợi sau đây:

a) Về phương diện cá nhân.

- Một người không tàn nhẫn sát nhân, hại vật, không độc ác làm đổ máu, không lóc da, xẻ thịt, chặt đầu, thắt cổ, thì trong lòng không bức rứt, hối hận, thân tâm được nhẹ nhàng, thơ thới, giấc ngủ được an lành, nét mặt được hiền hòa, trong sáng.

b) Về phương diện xã hội.

- Nếu tất cả nhân loại trên thế giới này đều giữ đúng giới thứ nhất của Phật dạy đây, thì chiến tranh sẽ không có, mà các nghiệp sanh tử luân hồi cũng được giải thoát. Cho nên Tổ xưa có dạy:

“Hết thảy chúng sanh không nghiệp giết,
Mười phương nào có nổi đao binh.
Mỗi nhà, mỗi chốn đều tu Thiện.
Lo gì thiên hạ chẳng thái bình. ”

Hạn chế:

Vẫn biết giết hại là tạo nhân khổ, nhưng người tại gia còn ăn mặn, còn làm công việc kia nọ, thì khó tránh khỏi phạm giới sát. Ở đây không bắt buộc chúng ta phải giữ triệt để như thế, chỉ cần giữ phần quan trọng là không giết người, và những con vật lớn như: Trâu, bò, ngựa, chó, heo, gà v.v... Còn những con nhỏ nếu tránh được bao nhiêu quý bấy nhiêu. chúng ta nên đi từ từ thì chắc ăn hơn. Nhất là không nên giết hại sinh vật một

cách vô lý, giết để thỏa lòng thích giết. Trong khi giữ giới sát, ta nên đề phòng hai điều sau đây:

a) Không nên để cho ác ý sanh khởi - Giết một con vật lớn mà vì vô ý hay tự vệ, thì cái quả của nó còn nhẹ hơn là giết một con chuồn chuồn với cái ác ý muốn giết cho vui tay.

b) Nên tránh sự huân tập trong hoàn cảnh giết hại:

Những đứa bé lên 3, lên 5 ra sân gặp chuồn chuồn, bướm bướm chụp bắt rồi ngắt cánh, rút đầu. Nếu cha mẹ thấy mà không rầy la; đến 12,13 tuổi, chúng sấm ná, giàng thun bắn chim, đến 20, 25 tuổi, chúng đâm hòng heo, giết chó, vẫn không bị ngăn cấm thì sau này, quen với tánh hung bạo, trong cơn giận dữ, chúng có thể giết người không gớm tay. Vậy chúng ta không nên để tự do cho con cái quen cái sự giết hại sinh vật, mà cũng không cho chúng mục kích những cảnh chém giết ở các rạp chiếu bóng hay ở giữa đời.

2. - KHÔNG ĐƯỢC TRỘM CƯỚP .

Ai cũng biết trộm cướp là lấy những tài vật thuộc quyền sở hữu của người, mà không có sự ưng thuận , hay cưỡng ép người ta ưng thuận bằng võ lực hay quyền hành. Những vật quý giá như nhà cửa, ruộng vườn, tiền bạc, ngọc ngà... cho đến vật hèn mọn như lá trầu, trái ớt... người ta không cho mà mình tự lấy đều là trộm cướp.

Trộm cướp có nhiều hình thức: Ý mạnh bề đảng giựt ngang của người là ăn cướp; cậy thế ý quyền làm tiền kẻ yếu là ăn cướp; bắt chẹt người ta trong lúc túng thiếu để cho vay nặng lời, cầm bán giá rẻ mạt là ăn cướp; tích trữ đầu cơ để bán giá chợ đen là ăn cướp. Dùng mưu mẹo rình rập, lén lút lấy của người là ăn trộm; cân non, đong thiếu, trốn xâu, lậu thuế, được của người ta mà không tìm cách trả lại là ăn trộm. Có thể nói tóm một câu là: Bất cứ hình thức nào, do lòng tham lam lấy của người bất chính đều là trộm cướp cả. Nếu vì nghèo nàn thiếu thốn, vợ ốm con đau, thiếu gạo thiếu thuốc, nên phải buộc lòng gian xảo, thì tội còn được châm chế; chứ đã giàu có, ăn sung mặc sướng, lên

xe xuống ngựa mà còn lường gạt người lấy của, cướp công, để sống một cách vương giả trên mồ hôi nước mắt của kẻ nghèo đói, thì tội ác thật nặng nề!

Vì lý do gì Phật cấm trộm cướp? Phật cấm trộm cướp vì những lý do sau đây:

a) Tôn trọng sự công bằng:- Chúng ta không muốn ai lấy của mình, tại sao mình lại chăm chăm muốn đoạt của người? Quyền sở hữu cá nhân của ta, ta biết tôn trọng, thì tại sao ta lại chà đạp lên quyền sở hữu của người? Làm như thế là trái lẽ công bằng. Một xã hội mà thiếu công bằng thì không thể tồn tại lâu dài được.

b) Tôn trọng sự bình đẳng - Mỗi người đều có Phật tánh như nhau, tại sao ta lại muốn làm khổ người khác để ta được sung sướng? Tại sao ta lại muốn hưởng những đặc ân bất chính trong khi ta cũng chỉ là một con người như bao nhiêu con người khác?

c) Nuôi dưỡng lòng từ bi - Một khi vô ý đánh mất một vật gì hay một số tiền, ta dàu dàu buồn khổ, ăn không ngon, ngủ không yên, tại sao ta lại nỡ tâm lấy của người để cho người phải khóc than, đau khổ vì ta? Người ta thường nói: “Tiền tài là huyết mạch”. Như vậy, kẻ cướp đoạt của người tức là cướp đoạt xương máu người, sát hại sinh mạng người vậy. Chỉ những người không có lòng thương người, tán tận lương tâm mới làm những việc đen tối như vậy. Còn ta, đã là Phật tử, đang cố gắng nuôi dưỡng lòng từ bi, ta không thể trộm cướp của ai được.

d) Tránh nghiệp báo oán thù - Trong xã hội có tổ chức, tôn trọng lẽ công bằng, thì tội trộm cướp bao giờ cũng bị trừng trị. Ăn trộm là bị đưa ra tòa án tiểu hình, ăn cướp thì ra tòa án đại hình. Khi chưa bị bắt, kẻ trộm cướp phải tìm trăm phương ngàn kế để trốn tránh, sống chui rúc trong bóng tối. Khi bị bắt, người trộm cướp phải bị trói buộc, tra khảo, ngồi tù, nhốt khám. Phận mình đã đành cực thân khổ trí, lại làm cho gia đình mình, cha mẹ, vợ con cũng buồn rầu xấu hổ, và mất hết cả hy vọng ở tương lai.

Nhưng nếu luật pháp thế gian không trừng trị, thì người trộm

cướp cũng không thoát khỏi luật nhân quả nghiệp báo. Trộm cướp của người thì sẽ bị người trộm cướp lại, gây bao thù oán khổ đau. Phật dạy: “Người tham luyến sắc tài không chịu rời bỏ, cũng như đứa bé luyến tiếc một chút mật trên lưỡi dao, thè lưỡi liếm, phải bị cái họa đứt lưỡi” (Kinh Tứ Thập Nhị Chương). Chính thế, vì tham tiền của, lắm người đã tự gieo mình vào khám đường, vào địa ngục. Chúng ta hãy lắng nghe bài kệ cảnh tỉnh của vua Trần Thái Tông:

Khoét vách xoi tường chỉ những đầu,
Ngàn mưu trăm kế luống tham cầu;
Của người đâu có đời nay được,
Đời khác luôn luôn kiếp ngựa trâu.

Vì những lý do trên nên Đức Phật cấm các đệ tử trộm cướp.

Lợi ích của sự không trộm cướp.

a) Về phương diện cá nhân. -

- Người không gian tham thì đời sống hiện tại được an ổn, không bị đòi hỏi, giam cầm, tù tội, đi đâu cũng được người khác tin cậy, giao phó cho mình những địa vị quan trọng. Người không gian tham thì đời sau được hưởng phước báu giàu sang, an vui, và con cháu nhiều đời cũng nhờ thừa hưởng âm chất của ông bà, cha mẹ để lại mà được vinh hiển.

b) Về phương diện đoàn thể.

- Nếu một ngày nào trong xã hội không ai có tâm gian tham, trộm cướp thì nhà không cần đóng cửa, cửa khỏi lo gìn giữ, vật đánh rơi không mất, thật không còn gì sung sướng hơn! Người ta khổ bởi không có cửa, nhưng kẻ có cửa nhiều cũng vẫn khổ, vì phải lo gìn giữ. Người không trộm cướp tức là đã âm thầm ban cho người khác sự an ổn rồi. Nhà Nho có câu: “Nhơn phi nghĩa bất giao, vật phi nghĩa bất thủ”, Huống chúng ta là Phật tử lại đi trộm cướp hay sao?

3.- KHÔNG ĐƯỢC TÀ DÂM..

Tà dâm tức là muốn nói về sự dâm dục phi lễ, phi pháp. Luật

dạy người xuất gia ly tục phải dứt hẳn dâm dục, còn người tại gia thì không được tà dục. Khi vợ chồng có cưới hỏi đủ lễ gọi là chánh; ngoài ra, lén lút lang chạ làm việc phi pháp với người khác phái gọi là tà. Nhưng nếu vợ chồng chính thức đi nữa, mà nằm không phải chỗ, gần gũi nhau không chừng mực thì cũng thuộc về tà dâm cả. Đó là nói về mặt thô thiển. Nói một cách vi tế hơn, thì phạm những sự phóng tâm đắm sắc, nghĩ ngợi bất chánh, chơi bời lả lối, cũng đều thuộc về loại tà dâm cả.

Phật cấm tà dâm vì những lý do sau đây:

a) Tôn trọng sự công bình - Mỗi người ai cũng muốn gia đình mình êm ấm, yên vui, vợ con mình đoan chánh, thì sao lại đi phá hại gia cang, làm nhục nhã tông môn người, đưa vợ con người vào con đường dâm loạn.

b) Bảo vệ hạnh phúc gia đình - Không gì đau khổ, đen tối hơn, khi một gia đình mà chồng hoặc vợ có dạ riêng tư, tà vạy. Hạnh phúc đâu còn, khi chồng vợ không tin nhau! Một khi gia đình lâm vào cảnh ấy, thì con cái sẽ xấu hổ, bê tha, côicút, bà con không đoái hoài đến, sự nghiệp tan tành, làng xóm chê bai, danh giá hoen ố. Điều kiện thiết yếu để giữ gìn hạnh phúc gia đình chính là lòng chung thủy của hai vợ chồng. Người ta bảo: “Thuận vợ thuận chồng, tát bể Đông cũng cạn”. Vì sự tà dâm của một trong hai người bạn đường mà trong gia đình thường xảy ra những vụ ghen tương, cãi vã, đánh đập có khi đến gây án mạng. Có khi, để trả thù, người ta thường thấy xảy ra cái cảnh “Ông ăn chả, bà ăn nem”. Một người chồng để tâm dòm ngó vợ người, thì chính vợ con họ cũng lăm le vạch rào sang nhà kẻ khác rồi. Họ phá hạnh phúc gia đình người, thì chính hạnh phúc gia đình họ cũng đã tan rã trước.

Cho nên cấm tà dâm là một điều kiện cần thiết để xây dựng hạnh phúc cho gia đình mình và gia đình người.

c) Tránh oán thù và quả báo xấu xa - Phật dạy: “Người ôm lòng ái dục cũng như kẻ cầm đuốt đi ngược gió, quyết bị nạn cháy tay” (Kinh Tứ Thập Nhị chương). Thật vậy, người ta có tâm xấu xa đắm mê sắc dục, không sớm thì chầy quyết bị hại:

nếu không tan nhà mất nước, thì cũng gây chân mất mạng bởi mũi súng, ngọn gươm. Xưa nay những kết quả thảm khốc đen tối do sự đắm mê sắc dục gây ra không thiếu gì; chúng ta chỉ cần đỡ những chồng sách lịch sử hay chồng báo hằng ngày, sẽ thấy nhan nhản trong mỗi trang, mỗi đoạn. Trong các sự oán thù, không có sự oán thù nào mãnh liệt bằng sự oán thù do sự lừa dối phụ rẫy về tình ái gây ra các cuộc án mạng xảy ra hằng ngày, phần lớn là kết quả của tà dâm.

Lợi ích của sự không tà dâm.

Sự giữ giới cấm tà dâm sẽ có những lợi ích sau đây:

a) Về phương diện cá nhân.

- Kinh ThậpThiện nói: "Người thế gian không tà hạnh thì được hưởng bốn điều lợi sau:
- Sáu căn (tai, mắt, mũi, lưỡi, thân, ý) đều được vẹn toàn.
- Trọn đời được người kính trọng.
- Đoạn trừ được hết cả phiền lụy khuấy nhiễu.
- Cuộc tình duyên trọn đời không ai dám xâm phạm."

b) Về phương diện đoàn thể.

- Trong một xã hội mà ai cũng không tà hạnh, thì gia đình được yên vui hạnh phúc, những sự thương luân bại lý sẽ tiêu tan, những cảnh thù hiềm, ché giết sẽ không xảy ra nữa; con cái được mạnh khoẻ, nâng niu, xã hội sẽ cường thịnh.

Nói tóm lại, cõi Ta bà ô trọc, đau khổ này sẽ biến thành thế giới thanh tịnh, an vui.

4. - KHÔNG ĐƯỢC NÓI SAI SỰ THẬT.

Nói sai sự thật có bốn cách: Nói dối, nói thêu dệt, nói lưỡi hai chiều, nói lời hung ác.

a) Nói dối hay nói láo, là không nói thật, chuyện có nói không, chuyện không nói có, việc phải nói trái, việc trái nói phải; điều nghe nói không nghe, điều không nghe nói nghe; hoặc giả trước mặt khen dỗi, sau lưng chê mạt; hay là khi ưa thì nói dịu ngọt thơm tho, khi ghét lại đấng cay chua chát. Tóm lại, ý nghĩ lời

nói việc làm trước sau mâu thuẫn, trên dưới khác nhau, trong ngoài bất nhất, đều thuộc về nói dối cả.

b) Nói thêu dệt, là việc ít xít cho nhiều, làm cho người nghe nổi sân hận; là trau tía lời nói, chuốt ngót giọng hay, lên hơi xuống giọng cho êm tai mát dạ để cám dỗ người nghe, làm cho người say mê đắm nhiễm; cũng có khi là nói biếm, nói bâm, nói châm, nói chích làm cho người nghe phải khổ sở. Tóm lại, bao nhiêu lời nói không đúng nghĩa chân thật, thêm bớt cho đến văn chương phù phiếm, bóng bẩy làm cho kẻ nghe phải loạn tâm, sanh phiền não, đều gọi là nói thêu dệt cả.

c) Nói lười hai chiều, hay nôm na hơn, là nói “đòn xóc nhọn hai đầu”, nghĩa là đến chỗ này thì nói hòa với bên này để nói xấu bên kia, đến bên kia thì nói hòa với bên ấy để nói xấu bên này, làm cho bạn bè đang thân nhau trở lại chống nhau, kẻ ân, người nghĩa chống đối, oán thù nhau.

d) Nói lời hung ác, là nói những tiếng thô tục cộc cằn chửi rủa, làm cho người nghe phải đau khổ, buồn rầu, sợ hãi.

Vì sao Phật cấm nói sai sự thật? Phật cấm nói sai sự thật vì những lý do sau đây:

a) Tôn trọng sự thật. - Đạo Phật là Đạo như thật; người tu theo Đạo Phật phải tôn trọng sự thật. Người quen với dối trá, không thiết tìm sự thật thì khó có thể chứng quả được. Chúng ta đang sống trong vọng tưởng, công việc chính của người tu hành là cố gắng phá tan vọng tưởng ấy để thấy được bản nguyên; nếu không làm được như thế mà trái lại còn chồng chất thêm cái vọng tưởng ấy với những sự dối trá lừa phỉnh nữa, thì thật là trái đạo.

b) Nuôi dưỡng lòng từ bi. - Cái động lực chính của sự dối trá là lòng ích kỷ, ác độc, muốn hại người để thỏa lòng dục vọng đen tối của mình. Người bị lừa dối, phỉnh gạt phải đau khổ vì mình, có khi phải mất thù vờn oán, có khi phải tan gia bại sản. Người tu hành mà làm như thế là đã tán tận lương tâm, đã bóp chết tình thương trong lòng họ rồi. Một khi lòng từ bi không có nữa, nghĩa là cái động lực chính đã mất, thì sự tu hành chỉ còn

là giả dối, lừa bịp người, và tất nhiên không bao giờ có kết quả tốt.

c) Bảo tồn sự trung tín trong xã hội. - Trong một gia đình, một đoàn thể, một xã hội mà không ai tin ai, thì mọi công cuộc từ nhỏ đến lớn đều thất bại. Trong đạo Nho, một trong 5 đức tính căn bản là lòng tin. “Nhơn vô tín bất lập”, đó là lời dạy của Khổng Tử, Hạnh phúc gia đình và xã hội không thể có được trong sự dối trá, nghi ngờ, đổ kỵ.

d) Tránh nghiệp báo khổ đau. - lời nói tuy không phải là lưỡi kiếm, nhưng nó nguy hiểm hơn lưỡi kiếm, vì nó có hai mũi nhọn, một mũi đâm vào người khác, một mũi đâm vào chính người xử dụng nó. Ai ai cũng chắc chưa quên câu chuyện thằng bé chặn cừu muốn đánh lừa hàng xóm, bằng cách la “Lửa! Lửa!”, nhưng nó chỉ phỉnh người được một lần, lần sau nhà nó cháy thật, mặc dù nó kêu la thảm thiết cũng không ai thềm đến chữa nữa. Đấy, người dối trá chỉ gây họa cho mình. Do đó, Phật dạy: “Phàm kẻ ở đời, lưỡi búa bén nằm sẵn trong miệng, sở dĩ chém mình là do lời nói ác”. Đã đành nói ly gián, nói xuyên tạc là để hại người, nhưng khi đã làm hại người thì thế nào người cũng hại lại mình. “Ác lai ác báo” là thế. Để tránh sự thù hằn, tránh nghiệp dữ, chúng ta không nên dối trá, điều ngoa.

Lợi ích của sự không dối trá:

a) Về phương diện cá nhân. - Được người trọng nể, tin cậy, không ai oán hận thù hiềm; đi đâu cũng được người chung quanh dành cho một địa vị thân tín, niềm nở tiếp đón. Trong nghề nghiệp làm ăn, người chân thật được nhiều thân chủ, và được giao phó cho nhiều trọng trách quý báu.

b) Về phương diện đoàn thể. - Gia đình và xã hội được đoàn kết trong sự tin cậy. Mọi công cuộc chung, được xúc tiến có kết quả tốt. Đồng bào thương yêu, thông cảm nhau hơn.

Hạn chế: Nói dối là một tai họa lớn lao, cho mình và xã hội. Tuy nhiên, cũng có vài trường hợp nên nói dối. Đó là khi nào vì lòng từ bi mà phải nói dối để cứu người hay vật. Nói dối phạm

tội là trong trường hợp do lòng tham, sân làm động cơ thúc đẩy. Ngược lại, nếu do lòng từ bi thúc đẩy mà phải nói dối, thì không phạm tội.

5. - KHÔNG ĐƯỢC UỐNG RƯỢU.

Tất cả những thứ có chất men làm say người, hay chất độc hại người đều không được uống. Chính mình không uống đã đành, mà cũng không được ép nài người khác uống. Ép nài, khuyến khích người khác uống, tội lại nặng hơn cả chính mình uống nữa. Lúc lâm bệnh nặng, uống các thứ thuốc không lành, lương y bảo phải dùng rượu hòa vào thuốc, thì tạm được dùng. Nhưng trước khi dùng phải bạch cho chúng Tăng biết. Khi hết bệnh, không được tiếp tục uống thuốc có hòa rượu ấy nữa.

Vì những lý do gì Phật cấm uống rượu? - Phật cấm uống rượu vì những lý do sau đây:

a) **Bảo toàn hạt giống trí tuệ.** - Rượu còn nguy hiểm hơn thuốc độc. Một chén thuốc độc ta uống vào chết ngay, nhưng chỉ chết một thân hiện tại, chứ rượu uống vào, làm mất giống trí tuệ, phải chết đi sống lại vô số kiếp. Vì thế để bảo toàn hạt giống trí tuệ quý báu, Phật cấm uống rượu.

b) Ngăn ngừa những nguyên nhân sanh ra tội lỗi. - Rượu chính nó không phải là một tội lỗi như sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nhưng nó có thể làm nhân cho những tội lỗi kia sanh ra. Khi đã uống rượu vào say sưa, thì tội nào cũng có thể phạm được. Dưới đây là một câu chuyện để chứng minh điều đó: - Một anh nông phu kia đang cày ruộng giữa đồng, bỗng thấy hiện ra sừng sừng trước mặt mình một hung thần to lớn, kỳ dị, hăm giết anh. Anh kinh sợ, khóc lóc xin tha mạng. Vị hung thần bảo:

- Nếu người làm một trong ba việc này thì ta tha chết cho: hoặc là giết cha người, hoặc là đánh mẹ người hay uống hết lít rượu để trên bàn nhà người.

Anh nông dân suy nghĩ một hồi rồi trả lời:

- Xin Ngài cho con được uống lít rượu.

Hung thần nghe xong có vẻ hài lòng rồi biến mất. Trưa hôm ấy, anh nông dân về nhà, thấy lít rượu mà ông thân mua để đãi khách, vì nhà sắp có giỗ, anh ta vội vàng chụp lấy, nốc cạn một hơi. Cha anh thấy đứa con hỗn láo, nắm gậy xông lại đánh mắng con. Ma men đã thấm, anh ta không còn biết phải trái, giựt gậy của cha, đánh ông một cây chết tốt! Bà mẹ chạy đến ôm con la làng. Anh ta chưa hả giận, đánh mẹ túi bụi. Xóm làng chạy lại bắt anh dẫn lên quan vì tội giết cha đánh mẹ. Tỉnh lại anh mới biết uống rượu là tội nặng nhưt trong ba điều mà hung thần bắt anh làm.

Tóm lại rượu gây ra nhiều tội lỗi. Sau đây là 10 tai hại của rượu mà trong Kinh đã nói đến:

- 1 - Cửa cái rơi mất;
- 2 - Thân hay tật bệnh.
- 3 - Tăng trưởng lòng giết hại;
- 4 - Tâm sân hận, bông bột, ưa cãi lầy.
- 5 - Trí tuệ kém dần;
- 6 - Phước đức tiêu mòn;
- 7 - Sự nghiệp chẳng thành;
- 8 - Tuổi thọ giảm bớt;
- 9 - Thân tâm nhiều khổ.
- 10 - Mạng chung đọa vào địa ngục.

Lợi Ích Của Sự Cấm Uống rượu

a) Về phương diện cá nhân. - Người không uống rượu thì tránh được 10 điều hại vừa kể trên: không mất tiền của, thân ít bệnh tật, không sinh lòng ác độc giết hại, bớt nóng giận, trí huệ tăng trưởng, tuổi thọ càng cao . . v .v . .

b) Về phương diện đoàn thể. - Gia đình được yên vui, con cái ít tật bệnh, xã hội được hòa mục, nòi giống được hùng cường.

C. - Kết Luận

1.- Phật tử không giữ giới không phải là Phật tử. - Chúng ta đã thấy công dụng thiết thực và lợi ích của 5 giới về phương diện cá nhân và đoàn thể. Nếu Tam Quy là nền tảng, thì ngũ giới là

5 nấc thang của người Phật tử tại gia để bước dần lên Thánh quả.

Trong bước đầu, người Phật tử nếu có thể phát nguyện giữ cả năm giới thì càng tốt; nếu vì nhiều sự ràng buộc chưa thể giữ được cả năm giới thì có giữ vài giới mà mình thấy có thể thực hành được, như: Không uống rượu, không nói dối. Rồi với sự tinh tấn và Bồ đề tâm dũng mãnh, ta tiếp tục phát nguyện giữ thêm những giới khác như không trộm cắp, không tà dâm...

Nhưng đã phát nguyện giữ giới nào thì giữ cho trung kiên, đừng có một bước tiến tới, hai bước thoái lui, dừng dằng như thế mãi thì không bao giờ đi đến đâu cả.

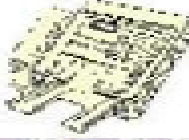
Nếu người Phật tử mà không giữ giới nào thì sao gọi là Phật tử? Người thường, không theo Phật mà còn giữ đúng tư cách như không uống rượu, không nói dối, không trộm cắp thay, huống hồ là Phật tử? Ta đến với Đạo Phật là muốn vượt lên trên đời tầm thường của thế nhân. Nếu chúng ta vào Đạo rồi mà vẫn tiếp tục cuộc đời trôi nổi cũ, hay còn tệ hơn cuộc đời thường của thế nhân, thì đó là chúng ta muốn làm hoen ố Đạo, chứ không phải là ngưỡng mộ Đạo.

Cho nên người Phật tử phải cố gắng giữ giới để cho xứng đáng với danh nghĩa của mình, để đem hạnh phúc đến cho mình và chúng sanh.

2.- Người không theo Đạo Phật cũng nên giữ giới. - Năm giới nói trên không có gì là cao siêu, huyền bí. Đó là một bài học công dân thông thường mà bất cứ một xã hội nào, một quốc gia nào muốn phồn thịnh, hùng cường cũng không thể bỏ sót được. Cho nên năm điều luật ấy không phải chỉ để áp dụng riêng cho giới Phật tử, mà còn chung cho tất cả những ai muốn sống một cuộc sống lành mạnh, an vui, có lễ nghĩa và tiến bộ.

Một xã hội mà mọi phần tử đều thực hiện được năm giới cấm ấy, thì đó là một xã hội gương mẫu, văn minh nhất thế giới.

Hoàng Pháp



Liên Lạc Ban Thế Đạo Hải Ngoại

I- Ban Thế Đạo Hải Ngoại

Địa chỉ : 3076 Oakbridge Dr., San Jose , CA. 95121-1716

1- HT. Nguyễn Ngọc Dũ Phone : (408) 238-6547

Email: dutani@comcast.net.

2- HT. Nguyễn Văn Cầu, Email: caunguyencd@gmail.com

3- HT. Bùi Văn Nho, Email: caoninh12@yahoo.com

II- Ban Thế Đạo Bắc California:

HT. Nguyễn Đăng Khích, Phone: (408) 926-9186.

Email: tn_ndk@yahoo.com

III- Ban Thế Đạo Nam California:

HT. Bùi Văn Nho, Phone: (951) 710-7766

Email: caoninh12@yahoo.com

IV- Ban Thế Đạo Texas:

HT. Trịnh Quốc Thế, Phone: (281) 489-1770

Email: theqtrinh@yahoo.com

V- Ban Thế Đạo Úc Châu:

HT. Bùi Đông Phương, Phone: 61-2-8798-0276

VI- Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại WA & OR:

HTDP. Trần Trung Dung, Phone: (253) 709-6427

Email: tranyoung7@yahoo.com

VII- Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại LA:

HT. Trần Huyền Quang, Phone: (504) 347-9326

VIII- Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại Pháp:

HTDP. Nguyễn Chí Hiền, Phone: 33-1-4852-6017.

IX- Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại Ontario, Canada

HT Nguyễn Tấn Phát, Phone: 519-743-8996.

Danh Sách Đồng Đạo - Cơ Sở - Thân Hữu
Yểm trợ Tập San Thế Đạo
(Từ ngày 5-11-2012 đến ngày 31-12--2012)

STT Đồng Đạo - Cơ Sở - Thân Hữu USD

I- Yểm Trợ TSTD

01	Cao Đài Temple of Georgia.	100.00
02	CTS Lê Quang Giai, San Diego, CA.	20.00
03	CTS Lê Văn Tiết, Kent, WA	40.00
04	CTS Nguyễn Văn Bon, Dorchester, MA	20.00
05	CTS Nguyễn Văn Rài, San Jose, CA.	30.00
06	CTS Trương Thị Ngọc Anh, Antelope, CA	20.00
07	CTS Võ Ngọc Hiệp, San Antonio, TX.	50.00
08	David Độ Nguyễn, San Francisco, CA	25.00
09	Hồ Văn Thôi, San Francisco, CA.	20.00
10	HT Bùi Đức Tài, Rancho Cordova, CA	50.00
11	HT Lê Thành Hưng, Madison, AL.	50.00
12	HT Mai Văn Tim, Everett, WA	50.00
13	HT Nguyễn Thị Hạnh, Westminster, CA.	50.00
14	HT Nguyễn Văn Cầu, San Jose,	30.00
15	HT Phạm Văn Cờ, Garden Grove, CA.	20.00
16	HT Võ Thị Bạch Tuyết, Antelope, CA	20.00
17	HTDP Dương Văn Ngừa, San Jose, CA.	20.00
18	HTDP Lý Quốc Thái, Houston, TX.	100.00
19	HTDP Ngô Thiện Đức, Garden Grove, CA.	20.00
20	HTDP Nguyễn Vạn Năng, San Jose, CA.	20.00
21	HTDPSơn Nguyễn & HTDP Trang Trần, TX	20.00
22	HTDP Trần C.Bé & HTDP Võ Ngọc Diệp, TX	20.00
23	HTDP Trần Văn Lào, Seattle, WA	50.00
24	HTDP Trần Văn Tấn, Morrow, GA	20.00
25	HTDP Tú Ngô & HTDP Thảo Trần, VA.	50.00
26	Lê Văn Bé, Arlington, TX	20.00
27	Lê Văn Lộc, Anaheim, CA.	20.00

28	Lưu Văn Chỉ, San Jose, CA	20.00
29	Nguy Thanh Sơn & Đặng Kim Sơn, SJ, CA	200.00
30	Nguyễn Phú Thọ, Portland, OR	50.00
31	Phạm Văn Hớn, Fargo, ND.	20.00
32	Phạm Văn Liêm, Westwego, LA	50.00
33	Phan Phi Hùng, Calgary, Alb, Canada.	50.00
34	Sandy Dental PC, San Jose, CA.	200.00
35	Thomas Tiên Nguyễn, Garden Grove, CA	20.00
36	Tường Ng, DDS & Huệ Tô, DDS, San Jose, CA	200.00
37	Trần Văn Sang, San Jose, CA	20.00
38	Trương Văn Thi, Seattle, WA.	20.00
39	Võ Văn Tợ, Arlington, TX	20.00

Cộng (1): 1,825.00

II- Yểm Trợ In Kinh Sách

01	Cao Đài of TX, Garland, TX	50.00
02	Cao Đài Temple of GA	50.00
03	HT Ng. Đăng Khích & Huỳnh Thị Huệ, CA	100.00
04	HT Phạm Văn Cờ, Garden Grove, CA.	10.00
05	HT Võ Thị Bạch Tuyết, Antelope, CA	20.00
06	HT Võ Văn Mười, San Diego, CA.	40.00
07	HTDP Nguyễn Đăng Điền, San Jose, CA	100.00
08	Lê Văn Hiền & Võ Kim Hoàng, Fargo, ND	200.00
09	Lora & Henry Phạm, Seal Beach, CA.	100.00
10	Nguy Thanh Sơn & Đặng Kim Sơn, SJ, CA	500.00
11	Nguyễn Minh Cứ, Irving, TX.	100.00
12	Thái Thị Thơ, Houston, TX	50.00

Cộng (2): 1,320.00

III- Niên Liễm

01	HT Võ Thị Bạch Tuyết, Antelope, CA	60.00
02	HT Võ Văn Mười, San Diego, CA.	60.00
03	HTDP Phạm Trang Bảo Châu, Wichiya, KS. . .	60.00
04	HTDP Phạm Trang Bảo Trân, Wichita, KS. . . .	60.00

05	HTDP Phạm Trg Thanh Quang, Wichita, KS . .	60.00
06	HTDP Phạm Văn Đức, Wichita, KS.	60.00
07	HTDP Trang Thị Việt Hồng, Wichita, KS.	60.00

 Cộng (3): 420.00

Tổng thu (1+2+3) từ ngày 5-11-2012 đến ngày 31-12-2012 là Ba ngàn năm trăm sáu mươi lăm đôla (USD 3,565.00).

San Jose, ngày 4-11-2012

Ban Thế Đạo Hải Ngoại.

Danh Sách Đồng Đạo - Cơ Sở - Thân Hữu
Yểm trợ Tập San Thế Đạo
(Từ ngày 1-1-2013 đến ngày 15-1-2013)

STT	Đồng đạo - Cơ Sở - Thân hữu	USD
01	Võ Văn Mía, San Antonio, TX.	40.00
02	Phạm Thị Nguyệt Nga, Sacramento, CA . . .	20.00
03	Huỳnh Văn Thì, Sacramento, CA	20.00
04	Trần Mỹ Diệu, Elk Grove, CA	20.00
05	Nguyễn Minh, Harvey, LA	20.00
06	Đặng Châu, Wichita, KS	40.00
07	Phạm Tấn Hòa, Des Moines, IA	50.00
08	CTS Lê Văn Tiết, Kent, WA	20.00
09	TSự Đỗ Thị Nhở, Stone Mountain, GA.	20.00
10	HT Huỳnh Văn Bột, Russellville, KY (TSTĐ + In kinh+ Niên Liễm)	100.00
11.	.HT Nguyễn Tấn Phước, Surrey, Canada (In kinh sách)	30.00
12.	.CTS Phan Thị Sáu, Houston, TX (In kinh sách).	50.00
13.	.HT Nguyễn Ngọc Dũ (Niên Liễm)	60.00

 Tổng cộng: 490.00

Tóm Lược Hội Tương Tế Cao Đài

(Tham chiếu Thông báo số 02/HĐQT ngày 25-12-2002)

A-Mục đích, ý nghĩa việc thành lập

*-Thể hiện và vun bồi “tình tương thân tương ái” giữa người tín đồ Cao Đài.

*- Phát huy tinh thần “Từ Bi, Công Bình, Bác Ái” của Đạo Cao Đài trên căn bản Tinh hoa Tam giáo.

B- Nét đặc trưng của Hội Tương Tế Cao Đài:

*- Không phân biệt sức khỏe, tuổi tác đối với người xin gia nhập.

*- Những người điều hành quản lý Hội thực sự làm việc thiện nguyện (công quả) không hưởng lương hay bất cứ trợ cấp nào khác.

*-Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Điều Hành và Ban Giám Sát phải Minh Thệ trước Thiên Bàn Chí Tôn và Bàn Thờ Hộ Pháp.

*-Đưa “Tinh thần Cao Đài” ra toàn xã hội, mời gọi cả những người chưa phải là Tín đồ Cao Đài gia nhập Hội nếu có nhu cầu và được giới thiệu.

C- Tiêu chuẩn, điều kiện gia nhập:

*- Là Tín đồ Cao Đài từ 21 tuổi trở lên hiện đang sống tại Hoa Kỳ (Dưới 21 tuổi, phải có sự chấp thuận của Cha Mẹ hoặc của người Giám hộ hợp pháp). Thân hữu của Tín đồ Cao Đài nếu được giới thiệu cũng được gia nhập Hội.

*- Phải hoàn tất Hồ sơ gia nhập Hội theo qui định chung. Khi có Hội viên qua đời, đóng tiền Phúng

điều là (15) Mỹ kim (Nếu người chết là Hội viên chính thức) và (07) Mỹ kim (Nếu người chết là Hội viên Dự bị).

*- Tuân thủ quy định về thời hạn nộp tiền phúng điếu, niên liêm, các qui định về nghĩa vụ của Hội viên.

E- Quyền lợi Hội viên:

Khi Hội viên qua đời, người thụ hưởng hợp pháp được hưởng quyền lợi sau:

*- Hưởng trọn 100% tiền phúng điếu do Hội viên đương nhiệm đóng góp theo mức do Điều lệ qui định (Mức đóng góp này tùy theo người quá cố là Hội viên chính thức hay Hội viên Dự bị)

*- Được Ban Điều Hành Hội thực hiện phân ưu và phúng điếu.

F- Gia nhập Hội:

Hồ sơ gia nhập Hội xin gửi về:

Hội Tương Tế Cao Đài,
14411 Buckner Dr, San Jose, CA 95127

H- Liên lạc:

Muốn biết thêm chi tiết, xin liên lạc:

*- Nguyễn Sam - Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị.,
Phone : (408) 759-9339 (Cell)
E-mail: hadinh Huy2003@yahoo.com

*- Dương Văn Ngừa - Trưởng Ban Điều Hành
14411 Buckner Dr, San Jose, CA. 95127
Phone : (408) 923-1052 (H) & (408) 772-0989 (Cell).
Email: datthong2005@yahoo.com

HỘI TƯƠNG TẾ CAO ĐÀI



PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng thương tiếc và xúc động nhận được tin buồn:

Đạo hữu Đoàn Phụng Cơ

Đã qui vị vào lúc 9.00 AM ngày 18-12-2012 (nhằm ngày 6 tháng 11 năm Nhâm Thìn) tại bệnh viện Regional Medical Center, San Jose, California, USA.

Hưởng thọ 70 tuổi

Chúng tôi thành kính phân ưu cùng Hiền Tỷ Đoàn Phụng Cơ và tang gia hiếu quyến.

Chúng tôi thành tâm cầu nguyện Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ban hồng ân độ rỗi cho hương linh cố đạo hữu Đoàn Phụng Cơ sớm được trở về Cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Chức sắc, Chức Việc BTS và đồng đạo, thân hữu
Hương Đạo San Jose, Thánh Thất Bắc California,

Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo

Tây Ninh Đồng Hương Hội.



PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng thương tiếc nhận được tin buồn:
Nhạc mẫu của Hiền Huynh HTDP Nguyễn Văn Xưa và cũng là Thân Mẫu của Hiền Tỷ Lữ Thị Kim Cương và Hiền Huynh Lữ Thành Tây là:

Cụ Bà **Đặng Thị Nguơn**

Đã qui vị vào ngày 7-12-2012 (nhằm ngày 24 tháng 10 năm Nhâm Thìn) tại Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Hưởng thọ 85 tuổi

Chúng tôi thành kính phân ưu cùng Hiền Huynh HTDP Nguyễn Văn Xưa, Hiền Tỷ Lữ Thị Kim Cương, Hiền Huynh Lữ Thành Tây và tang gia hiếu quyến.

Nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ban hồng ân độ rỗi cho hương linh Cụ Bà Đặng Thị Nguơn sớm trở về Cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Ban Thế Đạo Úc Châu,

Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo



PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng thương tiếc và xúc động nhận được tin buồn:

Hiên phu của Luật Sư Nguyễn Thị Tư Bé là:

Chánh Trị Sư Trần Văn Hùng

Đã qui vị vào lúc 0 giờ 30 sáng ngày 16-12-2012 (nhằm ngày 4 tháng 11 năm Nhâm Thìn) tại bệnh viện UCI, California. USA.

Hưởng thọ 80 tuổi

Chúng tôi thành kính phân ưu cùng Hiền Tỷ Luật Sư Nguyễn Thị Tư Bé và tang gia hiếu quyến.

Chúng tôi thành tâm cầu nguyện Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ban hồng ân độ rỗi cho hương linh cố CTS Trần Văn Hùng dực tấn trên Cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo
Ban Thế Đạo Nam CA & Ban Thế Đạo Bắc CA.

Tây Ninh Đồng Hương Hội.



PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng thương tiếc nhận được tin buồn:
Thân phụ của Thông sự Nguyễn Phong Thuần, và vợ là Hiền
Tỷ Trần Kim Cát, Hương Đạo Atlanta, bang Georgia là:

Cụ Ông Nguyễn Thành Thọ

Đã qui vị vào ngày 5-12-2012 (nhằm ngày 22 tháng 10 năm
Nhâm Thìn) tại thành phố Stockton, California. USA.

Hưởng thọ 85 tuổi

Chúng tôi thành kính phân ưu cùng Hiền Huynh Thông sự
Nguyễn Phong Thuần, Hiền Tỷ Trần Kim Cát, các cháu Châu
Phúc Hòa (cựu Đệ 2 Phó Hội Trưởng ĐĐTNH/GA), Thanh
Hiền, Phương Hiền, Xuân Hiền, Thanh Dũng, Minh Hiền và
tang gia hiếu quyến.

Chúng tôi thành tâm cầu nguyện Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu
và các Đấng Thiêng Liêng ban hồng ân độ rỗi hương linh Cụ
Ông Nguyễn Thành Thọ sớm siêu thăng tịnh độ.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Ban Trị Sự Hương Đạo Atlanta, Thánh Thất Cao Đài Georgia.

Ban Nhạc Lễ Đồng Nhi Thánh Thất Georgia.

Đại Đạo Thanh Niên Hội Bang Georgia.

Đồng đạo Thánh Thất Georgia.

Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo



PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng thương tiếc nhận được tin buồn:

*- Thân mẫu của Hiền Huynh Chánh Trị Sự Nguyễn Thanh Bường và cũng là Nhạc Mẫu của Thông sự Võ Thị Sương, Hương Đạo Atlanta, GA, *- Bà Nội của Nguyễn Thị Thanh Thủy (Đệ Tam Phó Hội Trưởng ĐĐTNH/GA) và Nguyễn Thị Thanh Lan (Cựu Thư Ký ĐĐTNH/GA) là:

Thính Thiện Dương Thị Năm

Đã qui vị lúc 5 giờ 15 sáng ngày 19-11-2012 (nhằm ngày 6 tháng 10 năm Nhâm Thìn) tại thị xã Mỹ An, huyện Thủ Thừa, Tỉnh Long An, Việt Nam.

Hưởng thọ 95 tuổi

Chúng tôi thành kính phân ưu cùng Hiền Huynh CTS Nguyễn Thanh Bường và vợ là Thông Sự Võ Thị Sương và tang gia hiếu quyến.

Chúng tôi thành tâm cầu nguyện Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ban hồng ân độ rỗi hương linh cố Thính Thiện Dương Thị Năm đực tấn trên Cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Ban Trị Sự Hương Đạo Atlanta, Thánh Thất Cao Đài Georgia.
Ban Nhạc Lễ Đồng Nhi Thánh Thất Cao Đài Georgia.
Đại Đạo Thanh Niên Hội GA, Đồng đạo Thánh Thất Georgia.

Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo



PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng thương tiếc nhận được tin buồn:

*- Thân mẫu của Hiền Huynh Phan Văn Ron và vợ là Hiền Tỷ Đặng Thị Kim Hoa Hương Đạo Atlanta,

*- Bà Nội của Hiền Đệ Phan Minh Trung, Ủy Viên Giám Sát ĐĐTNH/GA là:

Hành Thiện Trần Thị Nhị

Đã qui vị lúc 7 giờ 30 chiều ngày 8-11-2012 (nhằm ngày 25 tháng 9 năm Nhâm Thìn) tại Khu Phố 3, Phường 4, Thị Xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Hưởng thọ 101 tuổi

Chúng tôi thành kính phân ưu cùng Hiền Huynh Phan Văn Ron, Hiền Tỷ Đặng Thị Kim Hoa, Hiền Đệ Phan Minh Trung và tang gia hiếu quyến.

Chúng tôi thành tâm cầu nguyện Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ban hồng ân độ rỗi hương linh cố Hành Thiện Trần Thị Nhị đực tấn trên Cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Ban Trị Sự Hương Đạo Atlanta, Thánh Thất Cao Đài Georgia.

Ban Nhạc Lễ Đồng Nhi Thánh Thất Cao Đài Georgia.

Đại Đạo Thanh Niên Hội GA, Đồng đạo Thánh Thất Georgia.

Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Năm Đạo thứ 87

Tòa Thánh Tây Ninh

.....*

THÁNH THẤT CAO ĐÀI HOUSTON TEXAS

8415 S, Breeze Ln - Houston, TX 77071

TÂM THƯ

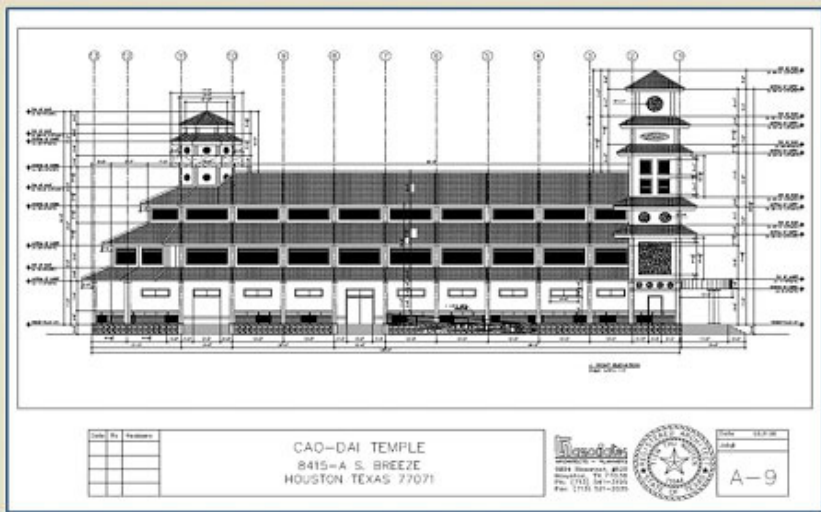
Kính gửi: Chư Chức Sắc, Chức việc quản nhiệm các Cơ Sở
Đạo và quý Đồng Đạo Hải Ngoại.
Quý vị Mạnh Thường Quân ân nhân.

Kính thưa quý liệt vị,

Sau bao tháng năm sống trong cảnh: “Trời sâu Đất thảm” của biến cố 30 tháng 04 năm 1975, chúng ta may mắn đến được bến bờ tự do trên khắp nẻo đường thế giới, mang theo hình ảnh thân yêu của quê hương với bao nỗi ngậm ngùi thương nhớ!... Riêng người Tín hữu Cao Đài còn ấp ủ trong lòng hình ảnh của Tòa Thánh Tây Ninh linh thiêng và sứ mạng “Hoàng Khai Đại Đạo, Phổ Độ Chúng Sinh” tại Hải Ngoại!

Sau đó phải trải qua nhiều năm vất vả mới ổn định được đời sống nơi xứ lạ, chúng ta lần lượt xây dựng các cơ sở Đạo, tùy hoàn cảnh, tùy phong tục tập quán mỗi nơi mà gây mối Đạo.

Riêng tại Thành Phố Houston Tiểu Bang Texas Hoa Kỳ, chúng tôi đã quyết tâm dò theo bước đường hành đạo của các bậc Tiên Khai Đại Đạo, thực hiện 3 mục tiêu: Xây dựng Thánh Thất theo mẫu Tòa Thánh Tây Ninh, kiện toàn tổ chức cơ sở Đạo theo Tân Luật & Pháp Chánh Truyền & các Đạo Nghị Định, và vun bồi Thế Hệ Kế Thừa: Đại Đạo Thanh Niên Hội và Ban Thế Đạo.



Chúng tôi đang thực hiện 3 mục tiêu quan trọng này và hiện đang tận tụy lực xây dựng một Thánh Thất theo mẫu Tòa Thánh Tây Ninh vì Thánh Thất Cao Đài là một công trình văn hóa nhiệm mầu của nền Đại Đạo, kết hợp hài hòa các nền văn hóa Đông Tây kim cổ, tương đắc Đạo Đời, tiến đến một nền văn hóa ĐẠI ĐỒNG, góp phần đưa nhân loại đến một nền VĂN MINH thực sự, một nền HÒA BÌNH vĩnh cửu, một xã hội DÂN CHỦ, TỰ DO, NHÂN QUYỀN dưới ánh hào quang của Đấng Tối Cao. Thánh Thất Cao Đài xứng đáng được ngự trong bầu trời Hải ngoại để nhân loại tìm đến nghiên cứu học hỏi những huyền vi ẩn tàng của Thượng Đế trong hình tượng TIỂU BẠCH NGỌC KINH tại thế gian này:

“Bí nhiệm Đất Trời lồng bóng vẽ
Tinh hoa Dân Tộc đậm màu son”.

Với tâm tình và hoài bão này, chúng tôi quyết chí thực hiện với bao khó khăn chờ phía trước và tự nghĩ rằng chỉ có ĐỨC TIN nơi Đấng Tối Cao phù trợ mới hoàn thành niềm ước mơ thật quá vĩ đại đối với hoàn cảnh thực tế của chúng tôi hiện nay. Chúng tôi luôn nhớ lời dạy của Đức Chí Tôn: “Các con, Thầy đã lập thành Thánh Thất, nơi ấy là NHÀ CHUNG của các con, biết à?” (TNHT quyển I). Đức Ngài còn dạy: “Điều cần thiết là mỗi đứa cần lưu tâm, ráng lo việc Thánh Thất cho hoàn thành,

mỗi đũa để chút gang tấc vào đó”. (TNHT quyển II).

Qua lời dạy chân thành của Đấng Tối Cao, chúng tôi rất xúc động và mạnh dạng khẩn thiết kêu gọi sự yểm trợ tích cực của toàn Đạo hơn nữa để Trường Thi Công Quả này được thực hiện đến nơi đến chốn. Công trình xây cất gồm 4 công đoạn:

Công đoạn I: Nền móng 7,500 SF, bãi đậu xe 40,000 SF với 9 trụ đèn parking lots, hệ thống điện nước, cống rãnh...Phần căn bản này đã hoàn tất, đạt được 1/3 công trình.

Công đoạn II: Sườn sắt, lợp 3 mái ngói, xây tường, lót gạch.. sẽ bắt đầu vào ngày 12/06/12

Công đoạn III: Lắp ráp các biểu tượng tâm linh...Sơn, vẽ, stucco...

Công đoạn IV: Cổng Tam Quan, Trụ Phướn, hồ sen, hàng rào... Dự định sẽ tổ chức Lễ KHÁNH THÀNH vào giữa năm 2013 nếu không có trở ngại bất thường.

Nhân đây, chúng tôi xin chân thành cảm tạ quý vị Mạnh Thường Quân ân nhân, quý chức sắc, chức việc và quý đồng đạo đã đóng góp cho công trình nhiều đợt và **CÔNG TRÌNH RẤT CẦN TIẾP TỤC YỂM TRỢ NHIỀU ĐỢT NỮA MỚI HOÀN THÀNH VIÊN MÃN**. Rất mong quý liệt vị vui lòng tiếp tục yểm trợ.

Xin nhắn tin: Quý Đồng Hương và Đồng Đạo CÒN GIỮ VÉ SỐ, XIN TIẾP TỤC YỂM TRỢ hoặc hoàn lại vé cho kịp ngày xổ số là ngày 15/07/2012. Xin đa tạ.

Cầu nguyện Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ban nhiều hồng ân cho tất cả quý ân nhân VẠN SỰ AN LÀNH HẠNH PHÚC.

Trân trọng kính chào quý liệt vị.

Houston, ngày 18/05/2012

TM. Bàn Tri Sự

TM. Hội Đồng Quản Trị

CTS. Phạm văn Soi

HT. Trịnh Quốc Thế

TM. Ban Tạo Tác

Đông Y Sĩ Cảnh Thiên

Cơ Quan Đại Diện
Cao Đài Hải Ngoại

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
Bát Thập Thất Niên
TOÀ THÁNH TÂY NINH

Số: 15/Q.CT/VP

CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CAO ĐÀI HẢI NGOẠI

Kính gửi:

Quý Chức sắc, Chức việc các Cơ sở Đạo và Đồng Đạo tại Hải Ngoại,

Thưa Quý Hiền Huynh, Hiền Tỷ:

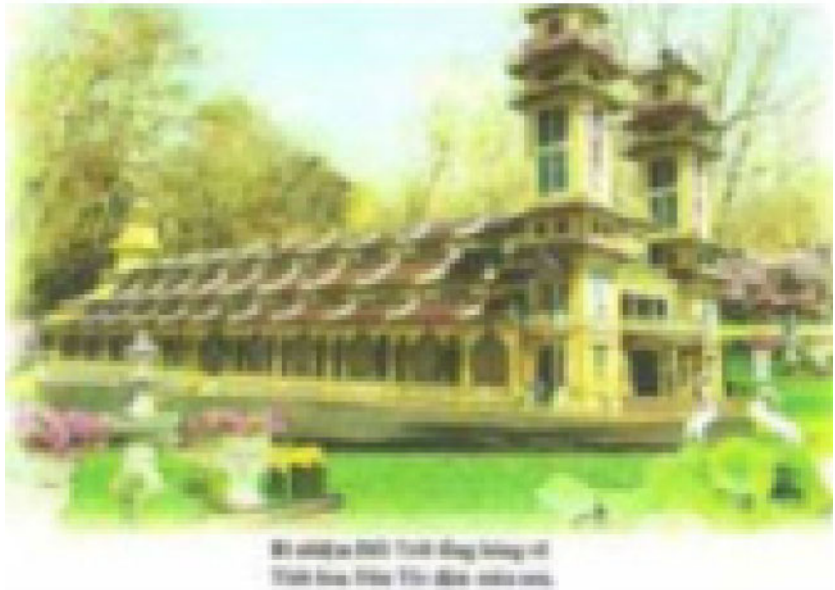
Tiếp lời kêu gọi qua bức TÂM THƯ của Hành Chánh Đạo, Hội Đồng Quản Trị và Ban Tạo Tác Thánh Thất Houston ngày 18 tháng 5 năm 2012, Cơ Quan Đại Diện Cao Đài Hải Ngoại kính gửi đến Hiền Huynh, Hiền Tỷ vài điều chân tình như sau:

1- Về vị trí, Thánh Thất Cao Đài Houston Texas (toạ lạc trên lô đất vuông vức hai mẫu tây) nằm gần trung tâm Thành phố Houston Texas, một thành phố lớn nhất của bang Texas, với dân số trên 2 triệu người mà người Mỹ gốc Việt chiếm gần 2%, trong đó có khá đông tín đồ Cao Đài chỉ sau bang California.

Đây là một Thành phố lớn mạnh về văn hoá, giáo dục, kinh tế và chính trị của Hoa Kỳ, nên trong tương lai, Thánh Thất Houston chắc chắn sẽ là biểu tượng văn hoá đặc sắc nhiệm mầu của Tôn giáo Cao Đài và góp phần làm sáng danh nền văn hoá đa chủng tộc của Hoa Kỳ. Ngoài ra, nơi đây cũng sẽ là nơi rất thuận lợi cho việc phát triển nền Đạo, phổ truyền nền Chánh giáo của Đức Chí Tôn tại Hải ngoại.

2-Thánh Thất Cao Đài Houston Texas không to lớn về mặt kiến trúc, nhưng là hình ảnh của Tòa Thánh Tây Ninh tại địa phương, là một tiểu Bạch Ngọc Kinh tại thế không những ẩn tàng huyền vi mầu nhiệm dẫn dắt nhơn sanh về hiệp nhất với Đấng Cha Trời..mà còn thể hiện rõ sự cộng hiệp giữa Trời và Người, hoà đồng các nền phong hóa Đông Tây, kim cổ, giữa khoa học và Đạo học... để nhơn loại cùng nhau lập đời Thánh Đức trên Địa Cầu này.

3)- Sự hình thành Ngôi Thánh Thất Cao Đài Houston Texas sẽ góp phần cùng các Ngôi Tiểu Bạch Ngọc Kinh tại thế ở toàn Hải ngoại thể hiện rõ nét cho nhơn sanh thế giới nhìn thấy Đấng Cha Chung của nhơn loại để không còn phân biệt màu da sắc tộc, tôn giáo, văn hoá xã hội ..v.v... cùng nhìn nhau là anh em ruột thịt, chung sống trong cảnh Huynh đệ Đại Đồng an bình hạnh phúc.



Với tầm quan trọng về VỊ TRÍ và SỨ MẠNG của Thánh Thất Houston Texas và như lời dạy của Đức Chí Tôn, Thánh Thất

là “Ngôi Nhà Chung” của nhơn sanh, Cơ Quan Đại Diện Cao Đài Hải Ngoại tha thiết kêu gọi Quý Hiền Huynh, Hiền Tỷ hết lòng chung sức cùng Đồng Đạo tại Houston, cùng Cơ Quan Đại Diện Cao Đài Hải Ngoại phát tâm công quả ủng hộ dưới mọi hình thức cho công trình xây dựng Thánh Thất Houston Texas sớm được hoàn thành.

Mọi đóng góp bằng Chi phiếu hoặc Money Order, xin đề: Thánh Thất Cao Đài Houston Texas, thư gửi về địa chỉ: PO. BOX 711385, Houston, Texas 77271-1385 và bỏ vào phong bì có dán tem sẵn.

Cầu nguyện Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ban ân lành cho Hiền Huynh, Hiền Tỷ và quý quyến được muôn điều may mắn, vạn sự như ý.

Chân thành tri ân và trân trọng kính chào.

California, ngày 12 tháng 6 năm 2012

TM. CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CAO ĐÀI HẢI NGOẠI

Qu. CHỦ TRƯỞNG

(Ấn ký)

Hiền Tài PHẠM VĂN KHẨM

ĐÍNH KÈM:

- Bức TÂM THƯ kêu gọi Công quả của Thánh Thất Houston.
- Bản Sơ đồ thiết kế và hình ảnh.

NƠI NHẬN:

- Tập San Thế Đạo.
- Tập San Qui Nguyên.
- Bản Tin Cao Đài Hải Ngoại.
- Các Trang Mạng www.banthedao.org, www.quinguyen.org, <http://bantin.caodaihaingoai.org/>
- “Kính nhờ phổ biến”
- Lưu.

Châu Đạo California **Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ**
Tộc Đạo San Diego **Bát thập thất niên**
 Tòa Thánh Tây Ninh

TÂM THƠ

Kính gửi:

- Quý Chức Sắc, Quý Chức Việc, Quý Đồng Đạo và các Em Thanh Thiếu Niên Đại Đạo Thanh Niên Hội.
- Quý vị Đạo Tâm, Quý vị Mạnh Thường Quân và Quý vị đồng hương kính mến.

Kính thưa Chư Liệt Vị,

Biến cố 30-4-1975 làm cho hằng triệu người Việt Nam phải rời bỏ quê Cha đất Tổ, trong số đó có khoảng 14 gia đình chúng tôi là tín đồ Cao Đài cùng sống bên nhau tại Quận Hạt San Diego California, Hoa Kỳ.

Dù xa Tổ Đình Tòa Thánh Tây Ninh nhưng tâm tư da diết sâu vương, luyến cội, thương nguồn trong niềm tin vững chắc nơi Ngọc Hoàng Thượng Đế, nên chúng tôi đánh liều dựng Ngôi Thờ Đức Chí Tôn trong một căn phòng nhỏ hẹp của một tư gia. Suốt 12 năm qua, mỗi khi thực hành lễ bái, vọng tưởng đến Đức Chí Tôn, chúng tôi luôn luôn nơm nớp e ngại vì tiếng chuông mõ kinh kệ có thể làm phiền lòng cư dân chung quanh nhất là người bốn xứ.

Nay cơ duyên đã đến ! Chúng tôi chung tay hiệp sức mua được ngôi nhà thờ cũ, trên thửa đất gần 8 ngàn thước vuông (sqf) với giá 384.000 Mỹ Kim. Mượn của đồng đạo trả trước 204 ngàn USD, vay 180 ngàn USD, trả hằng tháng khoảng 2000 USD trong 10 năm dứt nợ. Thật là niềm vui chung cho tất cả đồng đạo.

Nhưng niềm vui chưa được trọn vẹn, ngày đêm chúng tôi vẫn còn dào dạt lo lắng, không biết làm sao tu chỉnh nhà thờ để trở thành một Ngôi Thánh Thất tuy đơn giản nhưng hợp lệ, hợp



pháp, chính thức thờ Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế cùng các Đấng Thiêng Liêng nơi xứ người một cách trang nghiêm nghiêm và tôn kính.

Dù sao, chúng tôi cũng cương quyết, chung lòng góp sức, thực hiện nguyện vọng khẩn thiết hằng mơ , để sớm đến ngày làm lễ thượng Thái Hinh Tượng. Dịp này chúng tôi sẽ trân trọng kính

mời Chư Liệt Vị vui lòng đến tham dự để cùng hiệp tâm dâng lời nguyện cầu lên Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ban hồng ân cho nhơn loại giảm bớt khổ đau, thế giới hòa bình, chúng sanh an lạc . . .

Nay chúng tôi tha thiết mời gọi sự ủng hộ của Quý Liệt Vị để có thể hoàn thành Ngôi Thánh Thất. Sự ủng hộ của Quý vị dù nhiều dù ít đều thật đáng trân quý.

Xin nguyện cầu Đức Đại Từ Phụ, Đức Đại Từ Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ban phước lành cho quý vị cùng toàn thể quý quyến luôn vạn an và mọi điều hạnh thông như ý.

San Diego, ngày 22-5-2012

TM. Hội Đồng Quản Trị

(ký tên và đóng dấu)

HT. Nguyễn Trung Đạo

Kiểm soát

PTS. Nguyễn Văn Phổ

TM. Hành Chánh Đạo

(ký tên và đóng dấu)

CTS Lê Quang Giai.

Thủ quỹ

PTS. Lê Huyền Khanh

Chi phiếu trợ giúp xin ghi:

ĐĐTKPDD-TTTN-Tộc Đạo San Diego

Gửi về địa chỉ Thánh Thất:

3204 Clairemont Mesa Blvd

San Diego, CA 82177

Điện Thoại liên lạc:

Huynh Đạo: 858-538-6919 (H)

Huynh Giai: 858-693-7259 (H)

Phụ Chú: Chúng tôi ước mong sao có thêm 120.000 USD mới khả dĩ tiếp tục tu chỉnh nhà thờ: Hình thành khu vực Bát Quái Đài, Bát Quái Đài, Khánh Thờ, Long Vị, Tẩm Diêm, Mãn Tam Thanh, Bàn Thờ Hộ Pháp, Bàn nội Ngoại nghi, Lọng, Tàn, Dàn Bát Bửu, Phòng Hậu Điện để thờ Cửu huyền Thất Tổ và sinh hoạt đạo sự, một khung bếp nhỏ. . v. . v . .

Đặc biệt là phải di dời 2 Phòng vệ sinh ở phía trước nhà thờ, và xây thêm lầu chuông lầu trống nếu có điều kiện.

Xây Cát Thánh Thất, Điện Thờ Phật Mẫu tại Việt Nam

1- Xây cát Điện Thờ Phật Mẫu Họ Đạo Bửu Hòa, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai

(Tóm Lược)

Họ Đạo Bửu Hoà có xây tạm một Ngôi Điện Thờ Phật Mẫu cấp 4 vào năm 1964 và cho đến nay đã trải qua gần 50 năm. Ngôi thờ này đã chịu ảnh hưởng nắng mưa sương gió nên đã xuống cấp trầm trọng , nhất là vì nền thấp nên mưa ngập, cây mục ngói hư làm cho đồng đạo đến cúng kiếng bị rất nhiều trở ngại, khó khăn vì ngôi thờ chật hẹp và đã bị hư hại rất nhiều.

Họ Đạo Bửu Hoà Thành Phố Biên Hòa, Đồng Nai đáp ứng nguyện vọng của nhơn sanh địa phương căn cứ vào vi bằng số 05.87 ngày 15-06-2012 được sự thống nhất của Chức Sắc, Ban Trị Sự và đồng đạo, đã được phép đặt viên gạch đầu tiên xây cát Ngôi Điện Thờ Phật Mẫu vào ngày 21-9 năm Nhâm Thìn (nhằm ngày 4-11-2012).

Nay Họ Đạo Biên Hòa kính xin quý vị Chức Sắc, Chức Việc Ban Trị Sự và đồng đạo vì lòng thương Thầy mến Đạo ủng hộ tinh thần cũng như vật chất giúp cho họ Đạo hoàn thành tốt đẹp việc xây cát Ngôi Điện Thờ Phật Mẫu.

Bửu Hòa ngày 20 tháng 9- Nhâm Thìn (3-11-2012)

TM. Ban Ban Cai Quản: Lễ Sanh Ngọc Chí Thanh (ấn ký)

TM. Ban Trị Sự: CTS Ngô Tấn Ngọc.

Kiểm soát: Thông sự Trần Văn Tư

Ở VN xin liên lạc:

CTS Ngô Tấn Ngọc hoặc
Thông sự Trần Văn Tư
Thánh Thất Cao Đài Biên Hòa
K4/127 Khu Phố 2, P. Bửu Hòa
TP. Biên Hòa- Đồng Nai, VN
ĐT: -061-3855-025

Ở hải ngoại xin liên lạc:

Thông sự Lâm Văn Sơn
Thánh Thất & ĐTPM Dallas
1851 W. Apollo Road
Garland, TX 75044 USA
ĐT: 214-235-0984

2- Xây cất Thánh Thất Họ Đạo Liên Xã Phú Cường- Thạnh Lộc, Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang.

(Tóm Lược)

Họ Đạo Liên Xã Phú Cường- Thạnh Lộc, Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang đã được cấp giấy phép xây dựng và đã bắt đầu xây cất Thánh Thất kể từ ngày 13-11-2011.

Thánh Thất được xây trên nền cũ của Thánh Thất Thạnh Phú trước kia (nay là Xã Phú Cường). Thánh Thất cũ đã bị tàn phá, hoang phế trong thời chiến tranh. Nay tín đồ của Đạo đã qui tụ trở về địa phương hơn 500 người và đã quyết tâm kiến tạo lại ngôi Thánh Thất đã có trước kia để có ngôi Thờ Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng liêng được trang nghiêm, tốt đẹp để hành lễ và quảng truyền Đại Đạo nơi địa phương.

Tuy nhiên vì hầu hết đồng đạo địa phương đều là nông dân nên sự đóng góp về tài chánh có hạn. Việc xây dựng Thánh Thất tới hôm nay chỉ mới hoàn thành được các móng cột và móng nền. Kinh phí xây cất đã cạn. Vì lý do nêu trên Ban Cai Quản Họ Đạo liên xã Phú Cường-Thạnh Lộc kêu gọi chư Chức Sắc, chức việc, đồng đạo, chư vị Mạnh Thường Quân, trong và ngoài nước giúp đỡ vật chất và tinh thần để việc xây cất Thánh Thất sớm được hoàn thành.

Ban Cai Quản Họ Đạo xin chân thành tri ân và hân hoan đón nhận những tấm lòng vàng của quý vị. Xin kính chúc quý vị cùng bửu quyến an khang, thường lạc.

Phú Cường, ngày 1 tháng 8 Nhâm Thìn
(DL 13-10-2012)

TM. Ban Cai Quản Họ Đạo
Qu. Cai Quản,
CTS Lê Văn Khen
(Ấn ký)

Địa chỉ liên lạc:

Họ Đạo Liên Xã Phú Cường- Thạnh Lộc.
Ấp 3, Xã Phú Cường, Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang.
Điện Thoại: 0-165-4227-236



TIN TỨC TÓM LƯỢC

I- Hương Đạo San Jose khánh thành Thánh Thất Bắc California.

Vào ngày 2-12-2012 Hương Đạo San Jose đã làm lễ Khánh Thành Thánh Thất Bắc California. Hiện diện trong buổi lễ gồm có:

- *- Chức sắc Ban Thế Đạo.
- *- Chức việc BTS Hương đạo San Jose.
- *- Phái đoàn Thánh Thất Sacramento.
- *- Đồng đạo tại địa phương.

Về phía quan khách gồm có:

- *- Một số cơ quan truyền thông Bắc California.
- *- Một số đoàn thể hoạt động trong cộng đồng San Jose. v. .v.

Vì thời tiết bị mưa bão nên thay vì bắt đầu vào lúc 10.00 giờ sáng, buổi lễ Khánh Thành Thánh Thất đã được bắt đầu vào lúc 10.30 giờ sáng. Dù vậy, số người tham dự Lễ Khánh Thành cũng lên đến gần 200 người.

Sau nghi lễ khai mạc chào quốc kỳ Việt Mỹ, phút mặc niệm, giới thiệu quan khách, CTS Nguyễn Văn Bé, Đầu Hương Đạo San Jose, CA đã đọc diễn văn khai mạc. Kế tiếp là phần phát biểu của các vị quan khách và nghi thức cắt băng khánh thành.

Sau rốt là lời cảm tạ của CTS Nguyễn Văn Bé, Đầu Hương Đạo San Jose đối với đồng đạo, quan khách đã yểm trợ tinh thần cũng như vật chất việc tạo mãi cơ ngơi làm Thánh Thất để thờ cúng Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng.

Sau khi Lễ Khánh Thành đã mãn, kế tiếp theo là phần tiệc chay thân mật do Ban Lương vụ Thánh Thất khoản đãi.

Được biết Hương Đạo San Jose được đặt tại số 248 McCreery Ave, San Jose, CA 95116 và điện thoại liên lạc như sau:

- *- Thánh Thất Bắc California ĐT: 408-923-3529
- *- CTS Nguyễn Văn Bé ĐT: 408-832-7048
- *- CTS Lê Kim Ánh ĐT: 408-439-4354



CTS Nguyễn Văn Bé, Đầu Hương Đạo San Jose, CA
đọc Diển văn khai mạc



II- Sinh Hoạt Thánh Thất Seattle, WA

1. Rằm Hạ Ngươn và Lễ Kỷ Niệm Khai Đạo năm thứ 88.

Rằm Hạ Ngươn năm nay đúng vào ngày Thứ Tư giữa tuần, mà Chúa nhật trước đó có làm Tiểu Tường cho một vị đạo hữu nên BTS quyết định cúng Rằm vào ngày Chúa nhật 19-10-AL.

Từ sáng sớm các Huynh Tỷ đã đến Thánh Thất rất đông, người thì phụ chứng bông trái, kẻ lo quét dọn chuẩn bị đèn nhang trên bàn thờ, một số hiền tỷ giúp nhà bếp nấu nướng. . .

Đến khoảng 10 giờ sáng mọi việc chuẩn bị đã xong, sau khi đốt nhang vái cúng các bàn thờ Đất Đai, Cửu Huyền và chư Vong Linh, chư Đồng Đạo dùng cơm chay, chuyên trò vui vẻ. . .



Chương trình Lễ bắt đầu: đúng Ngọ nhập đàn, năm nay dùng băng đĩa hát để nghe kinh và Đồng nhi đọc theo, có tiếng đờn tiếng chập chửa nghe cũng giống không khí bên nhà. . .(các băng đĩa này xin từ Thánh Thất Châu Đạo Cali).

Sau đàn cúng Hiền huynh Qu. Đầu Tộc đọc bài giáo lý nói về

ý nghĩa ngày Khai Đạo là ngày Đức Chí Tôn đem cơ Tận độ để tại mặt thế này để cứu rỗi cả toàn nhân loại trong kỳ hạ nguơn mặt kiếp nên phải rón lo tu đặng về cho kịp kỳ Long Hoa đại hội.

Sau đàn lễ có phần cầu nguyện Đức Hộ Pháp hành pháp giải oan vô vi cho chư Đồng Đạo để giải trừ bớt nghiệp quả cho được an ổn trên đường tu. . .

Xong đến phần tụng kinh Di Lạc và Cứu Khổ, rồi xuống hậu điện cúng tế và cầu siêu Cửu Huyền Thất Tổ.

2. Lễ Chúa Giáng Sinh.

Thánh Thất cúng đàn Chúa Giáng Sinh vào Chúa Nhật 23-12-1012, ngoài trời mưa lâm râm nhưng chư đồng đạo tham dự cũng khá đông.

Sau đàn cúng, năm nay hiền huynh Q Đầu Tộc không đọc bài sự tích Đức Chúa giáng sinh như mọi năm mà nói về sự tái lâm của Chúa. Hiền huynh chứng minh sứ mạng của Chúa tái lâm hay của Đức Phật Di Lạc là giống nhau nên hai vị chỉ là một. Có điều là ngày nay người ta đang đi tìm kiếm Chúa tái lâm hay Phật ra đời ở đâu và thời gian nào ? Nhưng trong cửa Đạo Cao Đài qua biểu tượng nơi Tòa Thánh cũng như qua Kinh Tận độ chúng ta biết rất rõ là Ngài đã và sẽ xuất hiện trong cửa Đạo Cao Đài. Đây là niềm vinh hạnh cho người môn đệ Cao Đài đó vậy.

3. Buổi Cùng Học Giáo Lý.

Theo chương trình và đề tài của Cơ Quan Đại Diện đề ra Thánh Thất Seattle đã tổ chức buổi Cùng Học Giáo Lý vào Chúa Nhật 16-12-2012.

Sau đàn cúng xong chư huynh tử ở lại tham dự cùng học giáo lý khoảng 16 vị. Đề tài kỳ này là Tại Sao Đạo Cao Đài gọi là Đại Ấn Xá ?

Chư Huynh Tử thảo luận rất hào hứng, thời gian dự trừ khoảng 1 tiếng đồng hồ nhưng kết cuộc đến 2 tiếng mới chấm dứt. Bài thảo luận mang lại kiến thức và ung đúc đức tin cho chư Đồng

Đạo. Đa số tỏ ý mong chờ buổi thảo luận giáo lý kế tiếp.

Một số Hình Ảnh Sinh Hoạt tại Thánh Thất Seattle



III- Tin Tộc Đạo Orange, CA

1- CTS Trần Văn Hùng qui vị.

CTS Trần Văn Hùng là một người đã phục vụ cho Hương đạo và Tộc đạo Orange, CA đã từ lâu, được kể là một chức việc kỳ cựu thuộc thế hệ thứ nhất. Hiền Huynh là người rất hiền hòa, nhã nhặn và được mọi người quý mến.

Hiền huynh CTS Trần Văn Hùng cũng là hiền phu của Luật Sư Nguyễn Thị Tư Bé Ban Pháp Chánh Châu Đạo California.

Hiền Huynh Trần Văn Hùng trở về với Thầy Mẹ vào ngày 16-12-2012 để lại bao nỗi tiếc thương cho đồng đạo.

Trong ngày tang lễ, Hiền Tài Bùi Văn Nho, Đệ II Phó Tổng Quản Nhiệm Ban Thế Đạo Hải Ngoại kiêm Tổng Quản Nhiệm Ban Thế Đạo Nam California đã thay mặt Ban Thế Đạo Hải Ngoại tham dự lễ tang, chia buồn cùng Hiền Tỷ Luật Sư Nguyễn Thị Tư Bé và tang quyến.

Sau đây là bài phát biểu của Hiền Tài Bùi Văn Nho trong tang lễ cố CTS Trần Văn Hùng.

Kính bạch Hội Thánh

Kính thưa HH/HT Phạm văn Khảm, Q.Khâm Châu Châu Đạo California,

Kính thưa chư Chức sắc, Chức việc, đồng đạo, quý vị Quan khách và Đại diện các Hội đoàn.

Kính thưa ba Ban lễ nhạc, đồng nghi,

Kính thưa tang gia hiếu quyến.

Kính thưa Chư liệt vị,

Chúng tôi đoán chắc rằng tin buồn về sự ra đi của cố CTS TRẦN VĂN HÙNG giờ này đã được thông báo đến hầu hết các cơ sở Đạo CAO ĐÀI ở hải ngoại. Điều này nói lên rằng đức độ của Hiền Huynh hẳn được rất nhiều người biết đến. đồng thời nó còn là dấu ấn để chúng ta ghi nhớ rằng Tộc Đạo

Orange đã mất thêm một vị Chức việc thuộc thế hệ thứ I . Và gia đình của Hiền Tỷ Luật sự Nguyễn Thị Tư Bé đang hứng chịu một sự mất mát không có gì thay thế được.

Trước cảnh tử biệt hôm nay, chúng tôi được sự ủy nhiệm của Hiền Huynh HT Nguyễn ngọc Dũ, TQN/BTĐ/HN, xin chia sẻ trong muôn một nỗi tang thương của gia đình Hiền Tỷ. Và trong thâm tình của người đồng đạo, chúng tôi mạo muội mượn lời dạy của Đức Chí Tôn để xoa dịu phần nào tình cảm bi lụy của Hiền Tỷ và các cháu đối với người chồng, người cha rất mực kính yêu nay không còn nữa.

Trong đàn cơ ngày 9-12 1926, có một đoạn Đức Chí Tôn nói về sự chết như sau: “- - -sự thác cũng có khi vui mà cũng có lúc buồn. Người thế nếu biết sống nghĩa là biết dụng mình cho có ích vào xã hội, biết dưỡng tánh tu thân, thì sự thác chẳng qua là sự mong mỏi của kẻ hành trình đã xong trách nhiệm trở về phục sự đặng lãnh phần thưởng xứng đáng mà thôi”

Và một trường hợp rất đặc biệt khác là đàn cơ ngày 30 tháng giêng Giáp Ngọ nhằm ngày 4-3-1954, ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa về cơ an ủi người bạn đời như sau: “.....Bà Hương Đỏ, xin bà dẹp hết sầu bi mà mừng cho Tệ Tăng. Nói về thế thì Tệ Tăng đã quá lực tuần rồi, cảnh biệt ly không còn chi đáng thương xót nữa. Còn nói về Đạo thì ngày công tròn quả mãn đặng về với Chí Tôn và Phật Mẫu là ngày vinh diệu hơn hết. Vậy, thay vì buồn thương, Bà mừng vui mới phải ...”

Hy vọng những đoạn Thánh Giáo trên đây sẽ giúp Hiền Tỷ và các cháu sớm tìm lại được sự thanh thản cho tâm hồn hầu bảo an sức khỏe.

Một lần nữa, chúng tôi xin hợp tâm cùng chư Huynh Tỷ đồng môn cầu nguyện cho chơn linh cố CTS Trần văn Hùng được sớm trở về nơi cõi Thiêng Liêng hằng sống và chia buồn cùng tang gia hiếu quyến.

Trân trọng kính chào chư liệt vị.

HT Bùi Văn Nho

2- Họp mặt con nhà Đạo

Gần hai trăm thành viên và đạo hữu Châu Đạo California trang trọng tổ chức kỷ niệm ngày khai đạo năm thứ 88 Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, lúc 11 giờ trưa Chủ Nhật tại hội trường của Thánh Thất Cao Đài Westminster.

“Trời ban ngũ cốc để chúng sanh nuôi bản thân một cách chu toàn, trong đó hàm chứa cả sự an bình cho cuộc sống,” Hiền Tài Phạm Văn Khảm, quyền Khâm Châu Châu Đạo Cao Đài California, mở đầu buổi lễ với bài nói chuyện về “Người tín đồ Cao Đài và Cơ đạo hiện tại.”

Ông nói đến sự nguy hiểm của thực phẩm ngày nay không còn nguyên tính thiên nhiên mà người sản xuất vì lợi nhuận đã thêm hóa chất.

“Họ chỉ quan tâm đến lợi nhuận và thờ ơ với sức khỏe của con người. Vậy thì con người tự xa rời với căn bản tự nhiên và dẫn đến họa diệt vong.”

“Đây là giai đoạn thử thách mới đầy cam go mà người tín đồ Cao Đài cần sáng suốt, cần nghị lực, cần sự trung kiên... mới có thể vượt qua được,” ông nhấn nhủ.

Theo ông Ngô Thành Thảo, một đạo hữu trong ban tổ chức, ý nghĩa của ngày khai đạo là “để cho toàn đồng đạo biết rằng ngày này năm 1926, đấng Chí Tôn đã lập nên một tôn giáo mới là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, tức đạo Cao Đài.”

Ông Thảo nói: “Theo giáo lý, đạo Cao Đài trải qua ba thời kỳ là nhất kỳ, nhị kỳ và nay là tam kỳ phổ độ cho hợp với đời sống của dân gian. Thời kỳ sau cùng là thời kỳ tận độ để con người trở về với Đức Chí Tôn nơi cõi thiêng liêng hằng sống.”

“Năm nay là lần đầu tiên Châu Đạo và các Tộc đạo mạnh dạn tổ chức buổi lễ khai đạo trong nội bộ và không mời khách bên ngoài. Lý do là để khuyến khích giới trẻ tìm hiểu về giáo lý, tạo điều kiện kế thừa cho lớp cha ông đi trước.

Trong giới trẻ hiện nay tại Nam California, anh Ngô Thiện Đức là hội trưởng của Đại Đạo Thanh Niên Hội Cao Đài và là Hiền

Tài Dự Phong, anh nhân mạnh sứ mạng kế thừa:

“Đã đến lúc, tuổi trẻ cần dẫn thân tiếp nối và quảng bá nền tôn giáo ở Việt Nam.”



(Thứ ba từ trái) HT Phạm Văn Khảm, HT Võ Văn Mười và ông Phan Tấn Ngưu tại buổi lễ. (Hình: Linh Nguyễn/Người Việt).

Phó trị sự Lê Thị Huyền Khanh của Tộc đạo San Diego trình bày chủ đề “Người tín đồ Cao Đài sau khi chết đi về đâu” một cách thấu triệt khiến mọi người hài lòng với kiến thức về giáo lý của giới trẻ.

Em Nguyễn Thanh Xuân, 17 tuổi, cư dân Westminster, phát biểu về ý nghĩa tuổi trẻ của “con nhà đạo.”

Anh Trần Hoa Thám chia sẻ và chứng minh đạo Cao Đài bằng các sự kiện khoa học.

Em Võ Ngô Minh Thông, 10 tuổi, học sinh Việt ngữ tại Trung Tâm Minh Đức cũng nói lên cảm nghĩ mộc mạc của mình.



PTS Lê Thị Huyền Khanh, Tộc Đạo San Diego, CA
(Hình Linh Nguyễn,/ Người Việt)



Trích đoạn Hồ Quảng “Trưng Trắc tiễn Thi Sách ra trận.”
(Hình: Linh Nguyễn / Người Việt)

Đặc biệt trong phần văn nghệ, cô Hương Thùy đóng vai Trưng Trắc tiến phu quân ra trận tiền là Thi Sách, do Hồ Ngọc Ân thủ vai, cùng trình diễn trích đoạn Hồ Quảng được mọi người tán thưởng nhiệt liệt.

Ngoài sự hiện diện của Hiền Tài Phạm Văn Khảm, quyền Khâm Châu Đạo và ông Phan Tấn Ngưu, còn có hiền huynh niên trưởng Hiền Tài Võ Văn Mười, Hiền huynh Trần Cửu Thiên từ San Jose về tham dự cùng các Hiền Tài của Ban Thế Đạo Nam California và các chức sắc của các Tộc đạo.

Như thường lệ, mọi người vui vẻ chia sẻ bữa cơm chay đạm bạc và “ngon không thua nhà hàng chay nào” do các bác trong Tộc đạo tại Thánh Thất Cao Đài khoản đãi.

Westminster (NV)

IV- Tin Thánh Thất Cao Đài Houston, TX

Thánh Thất Cao Đài Houston Texas đang xây cất và tiến trình xây cất rất là khả quan. Tính đến ngày hôm nay, công trình đã hoàn tất gồm có:

Lợp xong 3 mái và mái Bát Quái Đài. Đã gắn xong 10 cánh cửa và 17 cửa sổ và hoàn tất 4 cầu thang

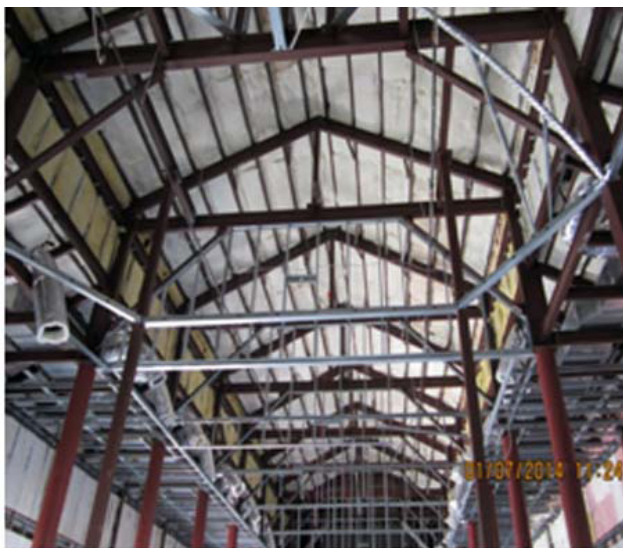
Công thợ đang thực hiện công đoạn lợp mái lều chuông, lều trống, làm plafond dù Bát Quái Đài và plafond dù các lòng căn gian giữa,

Sau cùng là lót gạch và điều chỉnh những chỗ chưa được vừa ý.

Theo dự trù, nếu không có gì trở ngại, Thánh Thất Cao Đài Houston Texas sẽ được khánh thành trong năm nay (2013).

Hy vọng rằng đồng đạo ở hải ngoại, vốn đã yểm trợ việc xây dựng Thánh Thất từ đầu sẽ tích cực yểm trợ hơn nữa để Thánh Thất được khánh thành đúng như thời gian dự liệu.

Sau đây là vài hình ảnh tiến độ thi công mới nhất của Thánh Thất Cao Đài Houston Texas



Tết đến nói chuyện Hoa Mai Nguyễn Ngọc Bảo

Thập tải luân giao cầu cổ kiếm
Nhất sinh đê thủ bách mai hoa.

Mười năm xuôi ngược giao du cốt tìm thanh kiếm cổ
Một đời chỉ cúi đầu vái lạy trước hoa mai.



Cụ Chu Thần, tức Cao Bá Quát, một trong những nhà thơ nổi tiếng nhất trong văn học Việt Nam, người tự phụ riêng mình chiếm đến hai trong bốn bề chữ của thiên hạ, đã thốt lên hai câu thơ trên. Hoa mai có những đặc tính nào mà đã dành được sự tôn kính của nhà nho kiêu ngạo, từng xem khinh cả vua lẫn quan như vậy?

Có thể nói, trong các loài cây, kể cả cây có hoa hay không, mai là loài được ưa chuộng nhất từ xưa đến nay. Người đời thường bị quyến rũ bởi sự tương phản của mai: Tuy có thân và cành gầy guộc, có hoa mỏng manh, và mang hương thơm dịu dàng, thanh khiết, nhưng ở bên trong mai là cả một sự kiêu dũng. Chính sự kiêu dũng này đã giúp mai vượt qua được mưa gió sương hàn của mùa đông để đơm hoa kết nụ khi xuân về. Các nhà nho xem mai là tấm gương cho loài người về sự hòa hợp giữa chữ Nhẫn và chữ Dũng.

Đã kiêu dũng, có hương thơm, lại nở sớm nhất trong các loại hoa xuân nên mai được tôn phong địa vị bách hoa khôi. Mai được gộp chung với tùng và trúc thành bộ “tam hữu”. Sự gộp chung này bắt nguồn từ sách Luận ngữ: “Ích giả tam hữu: hữu trực, hữu lượng, hữu đa văn” (bạn có ích gồm ba hạng: ngay thẳng, rộng lượng, và hiểu biết nhiều). Người xưa thường ví von

ba loại cây này là ngự sử mai, trượng phu tùng, và quân tử trúc. Ngoài ra, mai còn được kết hợp với lan, cúc, và trúc thành bộ tứ quý để biểu tượng cho bốn mùa xuân, hạ, thu, đông. Trong thơ văn, mai thường được dùng để ví von cho phẩm chất của người quân tử.

Đối với cụ Chu Thần, có lẽ trong suốt quãng đời bôn ba khắp chốn để cầu cổ kiếm (hay để xây dựng nghiệp bá vương?), cụ không hề gặp bậc chính nhân quân tử nào có cốt cách như “mai ngự sử”. Vì vậy, theo thiển ý, “nhất sinh đê thủ bách mai hoa” là lời xưng tụng của cụ dành cho loại bách hoa khô, đồng thời cũng hàm ý rằng anh hùng trong thiên hạ chẳng ai xứng để họ Chu này bách phục. Rõ là khẩu khí của Chu Thần.

Được như mai há phải là chuyện dễ?

Các Loại Hoa Mai

Mai có nhiều chủng loại. Người Trung Hoa đã tìm tòi nghiên cứu và phân mai ra đến gần 250 loại khác nhau. Trong các loại này, hầu hết có hoa năm cánh nhưng cũng có loại mang đến cả trăm cánh, xếp thành nhiều tầng. Tuy nhiên, để đơn giản hóa, nhiều người chia mai thành 4 loại tùy theo màu sắc: hoàng mai, bạch mai, hồng mai, và thanh mai (màu phớt xanh). Tại Việt Nam, có hai loại đặc biệt thường được xếp riêng các loại mai khác là mai tứ quý và song mai.

- **Mai tứ quý** là loại mai có 5 cánh màu vàng nhưng thường được liệt vào loại hoa đỏ vì khi tàn, các cánh hoa rơi rụng rồi nằm dài hoa đổi thành màu đỏ, úp lại ôm lấy nhụy, trông giống như nụ hoa vừa nở. Nhụy bên trong kết hạt rồi hạt to dần, đẩy 5 đài hoa bung ra trông như hoa mai đỏ vừa nở. Hạt ở giữa các cánh hoa có màu xanh khi còn non và đổi sang màu đen khi già. Vì vậy, mai tứ quý cũng được gọi là nhị độ mai, tức mai nở hai lần, trước vàng sau đỏ. Loại mai này được nhiều người ưa chuộng vì nở hoa quanh năm.

- **Song mai** là giống mai đặc biệt có nhiều ở huyện Thanh Trì miền Bắc. Hoa có màu trắng, ra hoa và kết trái từng đôi nên

được gọi là song mai.

Ngoài ra, có một số hoa vẫn thường được liệt vào loài mai mặc dù không cùng họ với mai. Đó là nhất chi mai, mai mơ, và mai chiếu thủy.

- **Nhất chi mai** có màu đỏ hồng, thường gặp ở miền Nam.

- **Mơ** là loại hoa có màu trắng hồng, sau kết thành trái, và mọc nhiều ở miền Bắc. Hoa mơ được nhiều người gọi là mai và được nhắc đến nhiều trong thi ca như “thỏ thẻ rừng mai chim cúng trái” (Chu Mạnh Trinh), “rừng mơ hiu hắt lá mơ rơi” (Nguyễn Bính), và “càng mưa phùn gió lạnh, càng lạnh càng hoa mơ” (Quang Dũng).

- **Mai chiếu thủy** là cây đa niên, gốc to, cành nhánh nhiều, lá mọc thành đôi, và có hoa chùm nhỏ li ti màu trắng tuyền. Hoa luôn luôn hướng xuống dưới nên được gọi là mai chiếu thủy. Hoa có hương thơm dịu dàng, thanh khiết.

Thuở trước, tại miền Bắc, các cụ ta trồng mai như một thứ cây cảnh chứ không chưng mai trong nhà vào dịp tết như người dân miền Nam sau này. Tại miền Nam, mai được chưng bày trong ngày tết là loại mai vàng, chỉ mọc từ Quảng Bình trở vào. Khi nhắc đến mai, người Việt, nhất là người miền Nam, thường nghĩ đến loại mai vàng này.

Mai Trong Thi Ca

Nghệ thuật thưởng mai chắc chắn đã phát xuất từ Trung Hoa. Theo sử sách, từ thời Xuân Thu, người dân ở đất Tây Chu đã trồng mai như một thứ cây cảnh. Dần dần người Trung Hoa xem mai tượng trưng cho khí tiết của dân tộc họ và nâng mai lên hàng quốc hoa. Sau đó, thú thưởng mai lan sang những nước chịu ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa.

Từ ngàn năm trước, hoa mai đã khơi nguồn cảm hứng cho biết bao thi nhân. Hoa mai được nhắc nhở trong thi ca của người xưa, cả ở Trung Hoa lẫn Việt Nam, thường là loại mai trắng. Đó là loại mai được nhắc đến trong thơ Trương Thuyết đời Đường:

Khứ tuế Kinh Nam mai tự tuyết
Kim niên Kế Bắc tuyết như mai

Năm ngoái ở Kinh Nam (nay thuộc tỉnh Hồ Quảng),
hoa mai trắng như tuyết
Năm nay ở Kế Bắc (nay là Bắc Kinh), tuyết trắng như
hoa mai

Không như hầu hết các giống mai vàng ở phương Nam, loại
mai trắng ở Trung Hoa và miền Bắc nước ta có mùi hương dịu
dàng, thanh khiết, chẳng hạn như mùi hương của rừng mai nơi
cung Dao Trì thuở xưa:

Dao Trì bất thị tuyết
Vị tiểu ám hương lai
(Cổ thi)

Nhìn về cung Dao Trì (thấy một màu trắng nhưng) biết
không phải là tuyết
Vì có phảng phất mùi hương (thơm)

Lư Mai Pha, một thi nhân đời Tống, đã so sánh mai và tuyết
qua hai câu:

Mai tu tổn tuyết tam phân bạch
Tuyết khước thâu Mai nhất đoạn hương
Mai nên nhường tuyết ba phân trắng
Tuyết phải thua mai một bậc thơm

Về hình dáng, loại mai trắng trong thơ cổ của Trung Hoa và
Việt Nam trông giống như giống mai mù u, hiện còn một cây
trong vườn chùa Gò ở Phú Lâm, ngoại ô Sài Gòn.

Trong văn học Trung Hoa, có lẽ người yêu mai nhất là Lâm Bô,
tức Lâm Hòa Tĩnh (967-1028), sống vào đời nhà Tống. Vị hiền
sĩ này tài trí hơn người nhưng chán ghét tục lụy nên ở ẩn trên
núi Cô Sơn, xem mai là vợ, hạc là con. Ông chính là tác giả bài
thơ Mai Hoa bất hủ, được truyền tụng qua nhiều thế hệ. Bốn
câu đầu của bài thơ như sau:

Chúng phương dao, lạc độc tiên nghiên

Chiếm tận phong tình hương tiểu viên
Sơ ảnh hoành tà thủy thanh thiển
Âm hương phù động nguyệt hoàng hôn

Các loài hoa rơi rụng, chỉ một mình (hoa mai) tươi tốt
Chiếm cả vẻ đẹp trong khoảnh vườn nhỏ
Bóng cành thưa đậm ngang lòng nước trong ở nơi cạn
Hương thâm thoảng lên dưới ánh trăng hoàng hôn.

Hai câu thực của bài (câu 3 và 4) được đúc kết lại thành “âm hương phù động ánh hoành tà” và được cụ Giản Chi dịch là “chập chờn hương thoảng, bóng cành xiên ngang”. Các thi nhân đời sau đã khen ngợi rằng chỉ với bảy chữ, câu này đã diễn tả đủ được vẻ đẹp của hoa mai.

Vương Duy (701-761), một thi sĩ kiêm họa sĩ đời Đường, đã nhắc đến hoa mai qua bài Tập Thi bất hủ:

Quân tự cố hương lai
Ung tri cố hương sự
Lai nhật ý song tiền
Hàn mai trước hoa vị

Người từ quê cũ đến
Hẳn biết những chuyện ở quê nhà
Ngày đi qua trước cửa buồn thêu
Có thấy Hàn Mai nở hoa không?

Nơi đất khách, gặp bạn cùng quê, nhà thơ không vội hỏi thăm chuyện quê cũ mà hỏi đến cội mai xưa. Cũng vậy, Lý Bạch, trong khi ngồi uống rượu trên lầu Hoàng Hạc, nghe có người thổi khúc sáo Lạc Mai Hoa, đã bồi hồi nhớ đến bóng mai nơi kinh thành Trường An xa xôi vạn dặm:

Nhất vi thiên khách khứ Trường Sa
Tây vọng Trường An bất kiến gia
Hoàng Hạc lâu trung xuy ngọc địch
Giang thành ngũ nguyệt “Lạc mai hoa”

Thân là người khách đến tận Trường Sa xa vạn dặm

Trông về phía Tây, nơi thành Trường An, mà không
thấy nhà
Ngồi trên lầu Hoàng Hạc, nghe tiếng sáo ngọc thổi
Giữa tháng năm, chợt vang khúc “hoa mai rụng” ở
chốn Giang thành.

Lô Đồng (790-835), một nhà thơ khác đời Đường, đã thi vị
hóa hoa mai với người đẹp (hay người đẹp với hoa mai?) trong
những câu cuối của bài Hữu Sở Tư:

Mỹ nhân hê! mỹ nhân!
Bất tri mộ vũ hê! vi triều vân ?
Tương tư nhất dạ mai hoa phát
Hốt đáo song tiền nghị thị quân

Người đẹp này! người đẹp!
Chẳng hay (bây giờ) là mưa chiều hay mây sớm ?
Một đêm nhớ nhau mai nở hoa
Trông thấy hoa trước cửa sổ, ngỡ là bóng nàng .

Bài thơ được nhiều người dịch ra tiếng Việt. Bài dịch hay nhất,
theo thiển ý, là bài của Tản Đà với nhan đề “Có Nhớ Ai”:

Hỡi ơi! Người đẹp ta đâu?
Mưa chiều mây sớm, ai hầu biết ai?
Nhớ nhau suốt một đêm dài,
Trước song trắng toát hoa mai lúc nào!
Ngỡ mình chẳng phải mình sao?

Các nhà thơ cổ thường ca ngợi hoa mai vì vẻ đẹp, vì hương
thơm, và đặc biệt, vì cốt cách của hoa. Ví von mai với tình
nhân như Lô Đồng đã là trường hợp ngoại lệ. Ấy thế mà sau
Lô Đồng một đời, có một nhà thơ tên Hàn Ốc (844-933) đã so
sánh làn da nõn nà, trắng mịn trên bộ ngực của người đẹp với
một cánh ... hoa mai. Ông viết:

Phấn trừ lan hung tuyết áp mai
Phấn thoa lên ngực như tuyết áp trên hoa mai

Quả là táo bạo và độc đáo.

Ở phương Nam, các nhà thơ của dân tộc ta không hề thua kém

các nhà thơ phương Bắc trong lãnh vực thưởng thức và ca ngợi hoa mai. Một trong những nhà thơ hết lòng ưu ái loại hoa này là Nguyễn Trãi, vị khai quốc công thần của nhà Hậu Lê. Cụ đã từng giải thích lý do tại sao mình yêu mai đến thế:

Ái mai, ái tuyết, ái duyên hà?
Ái duyên tuyết bạch, mai phương khiết.
Yêu mai, yêu tuyết bởi vì đâu?
Vì tuyết trắng, mai thơm và tinh khiết

Cụ đã từng thổ lộ thú tiêu khiển trang nhã của cụ:

Hái cúc, ương lan, hương bén áo
Tìm mai, đập nguyệt, tuyết xâm khăn

Trong 21 bài “Ngôn Chí”, Nguyễn Trãi đã nhắc đến mai qua 8 bài. Điển hình như:

Trà mai đêm nguyệt dậy xem bóng
Phiến sách ngày xuân ngồi chấm câu
(Ngôn Chí 2)

Quét trúc, bước qua lòng suối
Thưởng mai, về đập bóng trăng
(Ngôn Chí 15)

Lê Cảnh Tuân, một danh thần trong thời kháng Minh, khi bị quân Minh bắt về giam tại Kim Lăng, đã gửi gắm nỗi nhớ cố hương trong bài “Nguyên Nhật” (ngày đầu năm):

Lữ quán khách nhưng tại
Khứ niên xuân phục lai
Quy kỳ hà nhật thị
Lão tạn cố hương mai

Đất khách ngày lần qua
Xuân đã quay trở lại
Bao giờ về quê cũ
Cội mai hẵn đã già?
(Nguyễn Ngọc Bảo dịch)

Đến cụ Nguyễn Du, lòng yêu mai có lẽ tăng thêm một bậc nữa.

Trên đường trở về cố hương sau chuyến đi sứ sang Trung Quốc, cụ đã nán lại Từ Châu và chống chọi với giá buốt suốt ba tháng trời chỉ cốt để ngắm mai nở trên đầu núi:

Nhượng tận khổ hàn tam duyệt nguyệt

Lĩnh đầu lạc đắc khán mai hoa

(Trích Từ Châu Đạo Trung)

Cố chịu khổ với giá buốt trong ba tháng nữa

Để được vui mừng ngắm hoa mai nở trên đầu non

Cho nên, chúng ta không lấy làm lạ khi cụ đã sử dụng rất nhiều mỹ từ kèm với “mai” trong tác phẩm bất hủ Đoạn Trường Tân Thanh như lầu mai, tiên mai, mưa mai, sân mai, hồng mai, song mai, trường mai, hồn mai, giấc mai.

Tương truyền khi đi sứ sang Tàu vào năm 1813, cụ Nguyễn Du đến thăm một xưởng chế tạo đồ sứ danh tiếng tên Ngoạn Ngọc ở tỉnh Giang Tây. Lúc bấy giờ xưởng đang chuẩn bị chế tạo bộ trà Mai Hạc. Với nhã ý đáng ca ngợi, vị chủ hãn ngỏ lời xin quan chánh sứ phẩm đề một câu để quảng cáo cho kiểu đồ trà này. Người khác, ở vào trường hợp tương tự, chắc chắn sẽ nghĩ đến câu thơ chữ Hán. Tuy nhiên, quan chánh sứ lại dùng chữ Nôm của nước nhà mà viết nên câu:

Nghêu ngao vui thú yên hà

Mai là bạn cũ, hạc là người quen

Kết quả là các bộ trà Mai Hạc sản xuất tại Giang Tây trong những năm sau đó có in hai câu thơ Nôm của cụ. Tuy nhiên, vì không biết chữ Nôm, nên các nghệ nhân Trung Hoa đã ghi sai hoặc ghi thiếu vài nét. Thêm nữa, thay vì phải viết thành một hàng 6 chữ, một hàng 8 chữ như quy định của thể thơ lục bát, họ lại viết thành ba hoặc bốn hàng với số chữ phân chia như sau:

6 + 2 + 6 (ba hàng)

5 + 2 + 5 + 2 (bốn hàng)

4 + 3 + 4 + 3 (bốn hàng)

Kể cũng là một giai thoại thú vị.

Sau thời cụ Nguyễn Du, có một vị thượng thư tên Đào Tấn

(1845-1907), sinh quán tại Bình Định, cũng có thể kể là một bậc cường mai. Ông lấy hiệu là Mộng Mai và Mai Tăng (ông sư Mai). Khi về hưu, ông tìm đất đặt mộ cho mình ở núi Mai Sơn, thuộc làng Hoàng Mai (Bình Định), và cho khắc một bài thơ trên mộ, trong đó có câu::

Núi Mai rồi gửi xương mai nhé
Ước được hoa mai hóa mộng hồn

Mai trong Thiền

Nếu các thi nhân thường làm thơ ca tụng vẻ đẹp và hương thơm của mai, hoặc mượn mai để gói ghém tâm sự hay khí tiết của mình, thì các thiền sư thường dùng mai làm ẩn dụ để chuyển tải ý đạo, như một thiền sư Trung Hoa đời Đường với bài “Cổ Mai” nêu sau:

Hỏa ngược phong thao thủy tí căn
Sương thuôn tuyết trụ cổ đài ngân
Đông phong vị khảng tùy hàn thử
Hựu nghiệt thanh hương dữ phản hồn.

Lửa táp, gió lùa, nước ngâm thân
Sương (như) búa tuyết (như) cửa khắc vết hàn
Gió đông buốt giá dầu chưa đến
Vấn cứ đậm chồi tỏa ngát hương.

Phải chăng thiền sư muốn nhắn nhủ chúng ta hãy bền gan vượt qua mọi cám dỗ, mọi thử thách trên đường tu đạo và hành đạo? Công phu đến độ chín muồi thì tâm ất sẽ khai hoa, cũng như mai nở sẽ đúng thời khắc sau khi dải dầu đủ gió mưa sương tuyết.

Bài Cổ Mai nêu trên khiến chúng ta nhớ đến bài kệ của Tổ Hoàng Bá (?-850), một thiền sư danh tiếng người Phúc Kiến:

Trần lao quýnh thoát sự phi thường
Hệ bã thằng đầu tổ nhất trường
Bất thị nhất phiên hàn triệt cốt
Tranh đắc mai hoa phốc tử hương.

Vượt cõi trần lao việc chẳng thường
Đầu dây nắm chặt giữ lập trường
Chẳng phải một phen xương lạnh buốt
Hoa mai đâu dễ ngửi mùi hương.

Nhiều thiền sư Việt Nam cũng đã để lại cho hậu thế những bài thơ hoặc kệ bất hủ dùng mai làm ẩn dụ như Mãn Giác Thiền Sư (1052-1096), Điều Ngự Giác Hoàng (1258-1308), tức vua Trần Nhân Tông, Huyền Quang Tôn Giả (1254-1334), và Tuyết Giang Phu Tử (1491 - 1585), tức Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm (nhiều người xem Tuyết Giang Phu Tử là một bậc thiền sư), . v.v. . Bài thơ (hay kệ) được biết đến nhiều nhất là bài “Cáo Tật Thị Chúng” (cáo bệnh để dạy đệ tử) của thiền sư Mãn Giác, đời nhà Lý. Trước khi viên tịch, thiền sư cáo bệnh, đóng cửa thiền phòng để tham thiền nhập định. Đến chiều tối, ngài thảo bài kệ, bước ra khỏi phòng, mỉm cười trao cho các đệ tử đang bồn chồn lo lâu cho sức khỏe người thầy. Bài kệ trở thành những lời dạy hàm súc nhất của một bậc thiền sư gửi lại cho hậu thế:

Xuân khứ bách hoa lạc
Xuân đáo bách hoa khai
Sự trục nhãn tiền quá
Lão tòng đầu thượng lai
Mạc vị Xuân tàn hoa lạc tận
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai.

Xuân đi trăm hoa rụng
Xuân đến trăm hoa cười
Trước mắt việc đi mãi
Trên đầu già đến rồi
Đừng bảo Xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua sân trước một cành mai.”
(Ngô Tất Tố dịch)

Cuộc đời là một dòng vô thường không ngừng biến chuyển theo thời gian. Tất cả mọi vật hiện hữu trong vũ trụ, hễ có sinh thì có diệt; vì vậy, với con người, sinh lão bệnh tử là chuyện dĩ

nhiên. Tuy nhiên, có một cái bởi không sinh nên không diệt. Đó chính là bản lai diện mục, là pháp gốc, là cái Tâm của mỗi người chúng ta. Cành mai trong bài kệ có thể không có thật ở chốn đình tiền đêm năm ấy (dẫu có thật, rồi hoa cũng phải rụng rơi theo ngày tháng). Tuy nhiên, điều chúng ta biết chắc, cành mai ấy đã hiện hữu ở từng sát na trong mắt nhìn của thiền sư, đúng ra là ở trong tâm ngài. Cành mai ấy mọc bên ngoài dòng sinh tử vô thường của thời gian và nở bên ngoài quy luật bể dâu của vũ trụ.

Tâm hoa nếu đã nở thì việc gì phải cậy đến mùa xuân. Mà thật ra, làm gì có mùa xuân. Chúng ta thấy xuân đến xuân đi chỉ vì chúng ta đang sống trong vọng thức.

Thấu đáo ẩn dụ của cành mai trong bài kệ, có lẽ chúng ta sẽ cảm thấy an nhiên tự tại khi đối diện với sinh tử vô thường của tạo hóa, với được, thua, còn, mất của kiếp người.

Câu Chuyện Thú Vị: Hoa Mai, Mai Nở Hoa, hay Tam Sao Thất Bản?

Bàn về hoa mai, người viết chợt nhớ đến một chuyện khá lý thú.

Khoảng 8 năm trước, người viết đọc được một câu chuyện do giáo sư Đỗ Quý Toàn kể trong tác phẩm “Tìm Thơ Trong Tiếng Nói”, Thanh Văn xuất bản năm 1992 tại California. Giáo sư chính là một trong những vị thầy của người viết tại trường trung học Chu Văn An thuở trước. Ông hiện là chủ biên báo Người Việt tại California.

Dưới tiêu đề “Khi mai hoa không phải là hoa mai”, câu chuyện được giáo sư thuật lại như sau:

“Xin kể thêm một kinh nghiệm riêng về đọc thơ để nói rõ hơn về tác động thi vị của cách ghép các từ và cách ngắt câu trong thơ.

Trên một chuyến xe đò Sài Gòn - Bà Rịa, tôi đọc lần đầu bài thơ “Thăm Chùa Thiên Tôn” của Nguyễn Du. Hai câu thực (câu 3 và 4) làm tôi thích thú:

Cổ tự mai hoa, hoàng diệp lý
Tiên triều tăng lão, bạch vân trung

Tôi hiểu như thế này:

Hoa mai ở ngôi chùa cổ, trong đám lá vàng
Vị sư già triều trước, giữa cõi mây trắng .

Tôi rất yêu những hình ảnh này. Thầy Châu Toàn đi cùng xe với tôi, một người rất nghệ sĩ, kể tôi nghe về ngôi chùa ở ngoại vi thành phố đó, nhưng không nói thêm gì về bài thơ. Mấy năm sau, thầy đã mất, tôi với Châu Văn Thọ có dịp ra Huế, tôi tới chùa Thiên Tông đánh lễ ngài hòa thượng Giác Nhiên. Tôi bồi hồi tưởng nhớ thầy Châu Toàn, vào chánh điện tìm cái chuông thời Cảnh Hưng vẫn còn đó (Cảnh Hưng do quả cụ thời chung), nhìn mấy hàng chữ đề niên hiệu, mấy hàng chữ mà thế kỷ trước Nguyễn Du đã nhìn. Thật là cảm động.

Trong vòng hơn mười năm, tôi vẫn nhớ lại bài thơ, nhất là hai câu Thực. Ở Montreal tôi đọc cho Đình Ngọc Mô nghe, cũng khoái trá. Chúng tôi đã thử cố dịch bài thơ đó mà chưa bao giờ hài lòng.

Cổ tự mai hoa, hoàng diệp lý
Tiên triều tăng lão, bạch vân trung

Thế rồi một bữa Mô cho tôi biết cách tôi hiểu hai câu thơ đó là sai. Hấn đã đọc bài thơ cho một nhà nho nghe. Cụ Đàm đã trên 80 tuổi. Cụ bảo hai câu Thực phải đọc như thế này mới đúng:

Cổ tự mai / hoa hoàng diệp lý
Tiên triều lãng / lão bạch vân trung.

Chỗ ngắt câu là ở sau tiếng thứ ba, và trong hai câu đó, tiếng thứ tư là động từ chứ không phải danh từ. Cho nên phải hiểu như sau:

Cây mai ở ngôi chùa cổ nở hoa trong đám lá vàng
Vị sư triều đại trước già đi giữa cõi mây trắng.

Lúc đó cả một thế giới bị đảo lộn. Chắc sẽ phải thăm chùa Thiên Tông lần nữa, đứng đó khấn vái, tạ tội với hương hồn cụ Nguyễn Du. Thế ra con người tài tình đó đã tặng cho tôi

một bảo vật, mà tôi chỉ chờ vờn ngắm nghía cái vỏ đựng bên ngoài. Như sờ mó một hòn đá mà không biết bên trong còn có ngọc. Vậy ra hoa mai không phải là cây hoa mai, mà cây mai nở hoa. Tăng lão không phải là ông già đi tu mà là vị sư ngả tuổi già. Thay đổi một chỗ ngắt câu, đổi danh từ thành động từ, cả bài thơ bỗng chuyển hóa! Không gian biến thành thời gian. Tĩnh hóa thành động. Hình ảnh đang đứng yên bỗng rung chuyển. Cái nổi phù du của con người, của triều đại chính trị càng thêm thấm thía. Một câu thơ bỗng nổi dài bao vòng xoay của trái đất quanh mặt trời. Nếu nhìn từ cõi biến đổi, thì mái tóc đang nhuộm bạc kia là lớp lớp biển dâu. Còn như nếu nhìn bằng con mắt bất biến thì hoa mai năm năm vẫn cứ nở trong cõi lá ngả vàng, có khác chi đâu? Không dùng danh từ mà dùng động từ, Nguyễn Du chẳng cần dùng nhiều lời hùng biện như Tô Đông Pha (Tự kỳ biến giả nhi quán chi ... tự kỳ bất biến giả nhi quán chi ...).

Thơ của cổ nhân xúc tích và uyên ảo, đọc mà không đủ thanh tịnh thì không cảm thấy được bao tình ý, hình ảnh, thật là có tội. Khi đọc “mai hoa” mình đã dùng cái khuôn sáo thông tục hằng ngày để hiểu là hoa mai. Cái thói quen ăn xối ở thì khi dùng ngôn ngữ đã thành cố tật. Thật là có tội.”

Câu chuyện giáo sư kể thật lý thú và cảm động. Người viết đã nhiều lần thuật lại câu chuyện này cho các bằng hữu trong những buổi mạn đàm về thi ca. “Mai nở hoa trong đám lá vàng”. Mai hoa đâu đã chắc là hoa mai. Hay, hay thật!

Cho đến một hôm.

Cuối năm 1999, người viết được một bằng hữu từ Việt Nam gửi tặng tuyển tập “192 Bài Thơ Chữ Hán của Tiên Điền Nguyễn Du”, do nhà xuất bản Văn Hóa Thông Tin xuất bản năm 1996 tại Hà Nội. Trong số những bài thơ này có bài “Vọng Thiên Thai Tự” thuộc tập Nam Trung Tạp Ngâm, tức bài thơ giáo sư Toàn đã đề cập ở trên. Đọc bài thơ, người viết bỗng ngạc nhiên khi thấy trong hai câu Thực, câu đầu không giống như câu giáo sư đã nhắc đến mà là:

Cổ tự / thu mai hoàng điệp lý

Tiên triều / tăng lão bạch vân trung

Chữ “mai” trong câu này không phải là hoa mai nhưng là động từ “chôn”, “vùi” như mai trong các câu thành ngữ “mai ngọc trầm châu” và “mai danh ẩn tích”. Còn “thu” chính là mùa thu. Như vậy, hai câu thực của bài mang ý nghĩa:

Ngôi chùa cổ bị mùa thu vùi trong đám lá vàng

Triều vua trước vị sư già đi giữa áng mây trắng.

Trên căn bản lý luận, “thu mai” hợp lý hơn “mai hoa”, vì cụ Nguyễn Du làm bài thơ từ một khoảng cách khá xa chùa. Khi “hướng trông lên Thiên Thai Tự” (tên bài thơ), cụ trông thấy chùa như đang bị vùi dưới những tàn lá vàng mùa thu, một hình ảnh thật đẹp mắt. Dĩ nhiên, từ khoảng cách ấy, chắc chắn cụ không thể thấy được những đóa mai đang nở hoa trong đám lá vàng.

Sau khi đọc bài thơ in trong tuyển tập, người viết đã cố công tìm được vài tài liệu khác và bản nào cũng ghi là “thu mai” chứ không phải “mai hoa” như bản giáo sư Toàn đã đọc trên chuyến xe đò thuở trước. Nguyên văn bài thơ như sau:

Vọng Thiên Thai Tự

Thiên thai sơn tại đế thành đông

Cách nhất điều giang tự bất thông

Cổ tự thu mai hoàng điệp lý

Tiên triều tăng lão bạch vân trung

Khả liên bạch phát cung khu dịch

Bất dữ thanh sơn tương thủy chung

Ký đắc niên tiền tăng nhất đáo

Cảnh Hưng do quải cự thời chung

Nhìn Lên Chùa Thiên Thai

Núi Thiên Thai nằm phía cuối thành đông

Cách một nhánh sông nhỏ, tưởng chừng chẳng có lối sang

Ngôi chùa cổ (ở đó) bị mùa thu vùi trong đám lá vàng

Triều vua trước vị sư già đi giữa áng mây trắng
Thương thay (cho mình) tóc đã bạc mà còn phải làm
lụng vất vả
Chẳng thể cùng với non xanh giữ vẹn nghĩa thủy chung
Nhớ năm trước (ta) đã từng đến đấy
Còn trông thấy chiếc chuông cổ đúc từ thời Cảnh Hưng

Chùa Thiên Tôn, hay Thuyền Tôn, hiện tọa lạc ở thôn Ngũ
Tây, xã Thúy An, thành phố Huế. Chùa được xây vào đầu thế
kỷ 18 và nằm bên trái núi Thiên Thai nên còn được gọi là
Thiên Thai Tự.

Đọc xong bài thơ, người viết bỗng có cảm tưởng hụt hẫng như
bị mất một điều gì. Tại sao là “thu mai” mà không phải “mai
hoa”. Câu chuyện giáo sư Toàn kể đã hay về văn chương mà
lại độc đáo về “thiên”. Những đóa mai nở sớm khi đám lá vàng
chung quanh (dĩ nhiên không phải lá của mai) còn dùng dằng
chưa rơi rụng. Đọc câu thơ mà tưởng chừng nghe được tiếng
chuyển động của những cánh hoa đang khai nở và cảm được
mùi hương thanh khiết từ nhụy hoa nhẹ thoảng ra. Bỗng dưng
bây giờ những đóa mai ấy biến mất. Thế có đáng giận không
hở cụ Tiên Điền?

Dù sao đi nữa, nếu có cơ hội trở lại thăm chùa Thiên Tôn, có
lẽ vị thầy khả kính của người viết sẽ phải khấn vái tạ tội với
cụ Tiên Điền. Không phải chỉ tạ tội một lần như thầy từng phát
nguyện, mà phải tạ đến hai lần vì suốt hai mươi mấy năm trời
đã cả tin vào một câu thơ tam sao thất bản.

Lại thêm một mùa xuân về trên đất khách.

Cộng chỉ mai hoa báo tiêu tức
Xuân tăng hà đáo dị hương nhân
(Nguyễn Du)

Cùng nhau chỉ hoa mai báo tin xuân
Nhưng xuân có bao giờ đến với người nơi đất khách

Phải chăng hai câu thơ nêu trên chính là tâm trạng chúng ta
mỗi khi chứng kiến cảnh xuân trên xứ người? Có cố công tìm
một nhánh (gọi là) mai, mang về cắm trong chiếc độc bình bấy

giữa nhà cũng chỉ là để níu kéo một chút hương thừa xuân năm cũ.

Đến xuân năm nay, tình cờ đọc được bài thơ của một ni sư đời nhà Tống, người viết hốt nhiên bừng tỉnh ngộ:

Tận nhật tâm xuân bất kiến xuân
Mang hài đạp phá lãnh đầu vân
Quy lai khước quá mai hoa hạ
Xuân tại chi đầu dĩ thập phân.

Ni sư đi hài cỏ treo đèo vượt núi, cực khổ tìm Xuân suốt ngày mà vẫn chẳng gặp Xuân. Đến khi trở về mới thấy Xuân đang hiện trên những cành mai trong vườn nhà.

Ni sư nói bóng nói gió đầy thôi, làm gì có mai trong vườn nhà. Cành mai đang đơm nụ báo tin xuân ấy là cành mai trong Tâm của ni sư. Đó cũng chính là cành mai của thiền sư Mãn Giác thuở xưa, và là cành mai đang chờ khai nở trong tâm chúng ta.

Thoát cái, đã 29 năm đặng đặng trôi qua kể từ tang thương buổi ấy. Ngần ấy năm hứng chịu “lửa táp, gió lùa, nước ngâm thân” và “sương như búa, tuyết như cưa, khắc vết hằn”, cành mai hẵn đã sẵn sàng đơm hoa kết nụ?

“Chẳng phải một phen xương lạnh buốt,
Hoa mai đâu dễ ngửi mùi hương”.

Nguyễn Ngọc Bảo



Sự Thực Về Đại Sư Đường Tam Tạng Và Chuyến Thỉnh Kinh Tây Thiên

Mọi người ai cũng từng nghe chuyện thầy trò Đường tăng đi Tây Thiên thỉnh kinh, câu Phật pháp trong tiểu thuyết Tây Du Ký lừng danh. Song tiểu thuyết thì chỉ là tiểu thuyết, nghĩa là nó là chuyện tưởng tượng và bịa đặt. Vậy trong lịch sử, có thầy trò Đường tăng và chuyến thỉnh kinh ở “trời Tây” hay không? Câu trả lời là có.

Chuyến “du học” không thần thánh trên đất Ấn

Trong “Tây Du Ký” thầy trò Đường tăng bao gồm 4 người, ngoại trừ sư phụ Đường Tam Tạng còn có 3 đệ tử, đều có xuất thân thần thánh: Một là Tôn Ngộ Không, vốn là một con khỉ đá rất thần thông, tự phong là Tề thiên đại thánh, hai là Trư Ngộ Năng, vốn là Thiên bồng nguyên soái của thiên đình và ba là Sa Ngộ Tĩnh, vốn là Quyển liêm tướng quân. Ngoài ra, con ngựa mà Đường tăng cưỡi cũng vốn là thái tử của long vương bị đầy do từng lập mưu ăn thịt Đường tăng.

Truyện kể rằng, bốn thầy trò Đường tăng đã có một cuộc hành trình ròng rã 14 năm, vượt qua rất nhiều kiếp nạn cuối cùng mới đến được đất Phật, gặp Phật tổ và xin kinh. Khi thỉnh được kinh trở về, có tám vị Kim cương cưỡi mây theo hộ tống về kinh đô Trường An. Khi đọc “Tây Du Ký”, ai cũng biết ba vị đệ tử thần thông, xuất thân từ tướng nhà trời, rồi chuyện yêu quái ăn thịt người,... đều chỉ là chuyện bịa đặt và tưởng tượng ra cả.

Tuy nhiên, những gì sử sách còn ghi chép được cho thấy, chuyến thỉnh kinh Tây Thiên kéo dài 14 năm của Đường Tam Tạng được miêu tả trong “Tây Du Ký” lại hoàn toàn có thực.

Sử sách còn ghi lại rằng, Đường Tam Tạng, hay còn gọi là Đường Huyền Trang vốn tên thật là Trần Huy, sinh vào khoảng năm Nhân Thọ thứ 2 đời Tùy Văn Đế Dương Kiên (tức năm

602) tại huyện Câu Thi, nay là tỉnh Hà Nam, Trung Quốc. Do hai người anh trai của Trần Vỹ xuất gia làm sư ở chùa Tịnh Thổ Lạc Dương nên từ nhỏ Trần Vỹ đã theo anh tụng niệm kinh Phật, đồng thời đọc cả sách Nho, Đạo...

Đường Huyền Trang vốn tên thật là Trần Huy



Vào thời bấy giờ, việc xuất gia đều do triều đình quản lý, những người muốn xuất gia phải tham gia một kỳ thi, gọi là kỳ thi “Độ tăng”, ai đủ tiêu chuẩn mới được công nhận cho sư. Khi 10 tuổi, Trần Vỹ theo gót anh trai đăng ký tham gia kỳ thi độ tăng này. Trong danh sách 27 người đứng đầu kỳ thi ở Lạc Dương, Trần Vỹ nhỏ tuổi nhất, vì vậy quan chủ khảo mới cho gọi Trần Vỹ tới hỏi: “Còn nhỏ tuổi vậy mà đã xuất gia, mục đích xuất gia của người là gì?”. Không ngờ, Trần Vỹ

bình tĩnh đáp: “Tôi muốn xa thì nổi gót Như lai, gần thì làm rạng rỡ những gì mà Ngài để lại”.

Quan chủ khảo ban đầu vốn không định cho Trần Vỹ đậu nhưng khi nghe đối đáp, quyết định đặc cách cho cậu bé 10 tuổi làm sa di (hòa thượng mới xuất gia), thử thách trong vòng 3 năm. Đến năm 13 tuổi, Trần Vỹ chính thức xuất gia, hiệu là Huyền Trang, cùng hai người anh của mình tu tại chùa Tịnh Thổ. Trong suốt thời kỳ động loạn cuối đời Tùy đầu đời Đường, Huyền Trang cùng hai người anh của mình đã đi từ Lạc Dương tới Trường An rồi Tứ Xuyên tầm sư học đạo.

Đến năm 21 tuổi, Huyền Trang đã có một cuộc tranh luận với một đại sư nổi tiếng ở Trường An lúc bấy giờ về kinh Đại thừa. Với trí tuệ và thiên tài trong việc lý giải Phật pháp, tiếng tăm của Huyền Trang sau cuộc tranh luận ấy nổi như cồn, trở thành một nhân vật đình đám trong giới Phật môn. Tuy nhiên, vì đọc nhiều và học nhiều nơi nên Huyền Trang phát hiện ra rằng, mỗi người lại hiểu kinh Phật theo một kiểu khác nhau, có rất nhiều mâu thuẫn.

Tìm hiểu nguyên nhân, Huyền Trang phát hiện ra rằng, kinh điển nhà Phật được truyền sang Trung Quốc vẫn chưa được dịch hết, trong khi đó, những đại sư thế hệ trước ở Trung Quốc lại chủ yếu dịch theo ý nghĩa là chính dẫn đến mỗi người giải thích theo một cách, mỗi người hiểu theo một kiểu. Huyền Trang cho rằng, để giải quyết tình trạng này, thống nhất cách hiểu kinh điển Phật giáo ở Trung Quốc thì chỉ có một cách là toàn bộ kinh điển Phật giáo phải được dịch chính xác và đầy đủ từ các bản tiếng Phạn. Chính vì vậy, Huyền Trang quyết định thực hiện một chuyến “du học” sang Ấn Độ, nơi phát nguyên của Phật giáo để nguyên văn kinh Phật, thực hiện hoài bão của mình.

Vào năm 629, năm Trinh Quán đời Đường, Huyền Trang quyết định lên đường đi về phía Tây. Tuy nhiên, vào thời đó, những người muốn đi về phía Tây Vực đều phải được sự cho phép của Hoàng đế. Huyền Trang cũng không ngoại lệ. Tuy nhiên, ông hai lần dâng biểu lên vua Đường lúc bấy giờ là Lý Thế Dân đều không được chấp nhận. Không giống như trong “Tây Du Ký”, Đường Tam Tạng trước khi lên đường được vua Đường nhận làm huynh đệ, tặng cho chiếc bát vàng, áo cà sa quý và bày tiệc rượu tiễn ra tận cửa thành, Huyền Trang một mình cưỡi con ngựa già lên đường đi về phía Tây mà không hề được sự ân chuẩn của Hoàng đế Đại Đường.

Chuyến đi của Huyền Trang gặp phải không ít khó khăn vất vả. Có khi Huyền Trang phải nhịn đói nhịn khát suốt bảy tám ngày ròng rã giữa một trảng sa mạc trời nắng chang chang, không

một bóng cây cũng không có người qua lại. Có khi lại gặp phải bọn thổ dân ăn thịt người bắt giữ.

Tuy nhiên, Huyền Trang tự nói với mình rằng: “Thà đi về phía tây mà chết chứ quyết không quay về đông mà giữ lấy mạng sống”. Khi đi qua Cao Xương, một quốc gia nhỏ ở Tân Cương lúc bấy giờ, quốc vương nước này đã mời Huyền Trang ở lại làm quốc sư, truyền giảng Phật pháp. Tuy nhiên, vàng bạc châu báu và quyền lực không làm chùn bước Huyền Trang. Ông quyết thực hiện chuyến hành hương cầu Phật của mình.

Cuộc hành trình kéo dài suốt hai năm, vượt qua Tân Cương, Thổ Nhĩ Kỳ, Afghanistan, cuối cùng Huyền Trang cũng đến được biên giới của Ấn Độ. Năm 30 tuổi, Huyền Trang đến chùa Na Lan Đà của Ấn Độ cầu học, được Giới Hiền đại sư nhận làm đệ tử. Na Lan Đà khi đó là nơi đào tạo tăng sư lớn nhất của Ấn Độ còn Giới Hiền đại sư là vị cao tăng đức cao vọng trọng nhất trong chùa lúc bấy giờ.

Huyền Trang ở lại chùa Na Lan Đà theo học Giới Hiền 6 năm, chuyên tập nghiên cứu pháp tướng và học chữ Phạn. Sau sáu năm, Huyền Trang được coi là một trong 10 đệ tử xuất sắc nhất của Giới Hiền. Sau khi đã kết thúc khóa học ở chùa Na Lan Đà, Huyền Trang xin Giới Hiền cho mình đi chu du Ấn Độ. Ông đã dành rất nhiều thời gian, thăm thú khắp nơi đặc biệt là các di tích đạo Phật trên khắp Ấn Độ.

Sau khi trở lại chùa Na Lan Đà, Huyền Trang được Giới Hiền cho giảng kinh trong chùa cho các sư tăng. Danh tiếng Huyền Trang nhờ vậy được cả giới Phật môn Ấn Độ biết tới. Giới Nhật vương khi đó là chủ liên minh các quốc gia Ấn Độ nghe tiếng Huyền Trang còn cho mời đến gặp mặt.

Và vị đại sư thông ngôn nổi tiếng nhất lịch sử

Năm Huyền Trang 41 tuổi, tức vào năm 643, sau 12 năm lưu học Ấn Độ, ông có ý trở về. Giới Nhật Vương biết chuyện đã tổ chức một buổi tiễn đưa long trọng có mặt của 18 vị quốc vương

các quốc gia Ấn Độ. Sau đó, Giới Nhật Vương vẫn không muốn Huyền Trang ra đi, liên tục mở tiệc khoản đãi, còn có ý định mời ông làm quốc sư. Tuy nhiên, Huyền Trang nhất định từ chối đòi trở về.

Ngày 25 tháng giêng năm Trinh Quán thứ 19 nhà Đường, Huyền Trang về đến Trường An. Sử chép rằng, những tín đồ đạo Phật biết Huyền Trang từ Thiên Trúc trở về kéo ra đón tiếp chật đường. Đường Thái Tông Lý Thế Dân biết chuyện, cho mời Huyền Trang đến gặp, khuyên ông nên hoàn tục, dùng trí thức mình học được ở Thiên Trúc làm quan giúp sức cho triều đình.

Huyền Trang đã mỉm cười từ chối, nói mình xuất gia từ nhỏ, một lòng cầu Phật, không có ý định làm quan. Không chấp nhận lời đề nghị làm quan của vua Đường nhưng cuộc gặp gỡ ấy đã giúp Huyền Trang thực hiện được hoài bão của mình từ 15 năm trước. Lý Thế Dân đã đồng ý cung cấp tiền để Huyền Trang tổ chức dịch lại toàn bộ kinh điển Phật giáo mà ông mang về từ Ấn Độ nhằm thống nhất cách hiểu kinh điển Phật giáo ở Trung Quốc lúc bấy giờ.

Được chu cấp của triều đình, Huyền Trang sau đó đã sống tại chùa Hoằng Phúc ở Trường An để tổ chức dịch kinh Phật. Tháng 5 năm đó, ông và các cao tăng từ khắp nơi trong cả nước bắt đầu dịch bộ “Đại bộ tát tạng kinh” gồm 20 cuốn. Chín tháng sau đó, ông đã hoàn thành.

Suốt mười chín năm ròng rã sau đó, (từ 645-644) Huyền Trang đã dịch được tất cả bảy mươi lăm bộ kinh, gần một ngàn ba trăm ba mươi lăm quyển từ tiếng Phạn dịch qua tiếng Hán. Ông còn dịch một bộ “Đạo đức Kinh” và “Đại Thừa khởi tín luận” từ chữ Hán ra chữ Phạn. Ngoài ra, Huyền Trang cũng viết một bộ “Đại Đường Tây Vực ký” gồm 12 quyển ghi lại đầy đủ những điều ông đã thấy, đã biết trong cuộc hành trình kéo dài 17 năm ông “du học” Ấn Độ.

Trưa ngày mùng 5 tháng 2 năm 664, Huyền Trang viên tịch tại chùa Ngọc Hoa, vì bệnh nặng. Thọ 69 tuổi. Ngày 14 tháng

4 cùng năm, thi hài Huyền Trang được an táng tại Bạch Lộ Nguyên. Sử chép, ngày cử hành tang lễ có đến một triệu người ở Trường An và các vùng lân cận theo về để đưa tiễn. Đám táng xong, có đến ba vạn người cất lều cư tang gần mộ phần Huyền Trang. Có lẽ từ xưa đến nay đến đế vương cũng chưa có vị nào được ngưỡng mộ sùng bái bằng vị thánh tăng có một không hai này.

Theo Bằng Hư - PNTD

Chùa Đại Từ Ân Nơi Dừng Chân Hoằng Hóa Của Pháp Sư Huyền Trang





**Tượng Pháp Sư Huyền Trang an vị trang nghiêm
tại Quảng Trường trước chùa Đại Từ Ân**

Vào đời nhà Đường - Đường Trinh Quan năm thứ 22 (năm 648 sau công nguyên), để tỏ lòng biết ân thân mẫu là Văn Đức hoàng hậu, thái tử Lý Trị đã ra lệnh xây một ngôi chùa và đặt tên là Từ Ân. Chùa nằm bên trong nội thành Trường An (Tây An ngày nay), thuộc tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc.

Chùa Từ Ân cũng là nơi dừng chân của Pháp sư Huyền Trang sau nhiều năm dài lưu phương tìm cầu chân lý nơi xứ người.



Ngài trở về nước và được thái tử Lý Trị mời làm trụ trì để tiếp tục con đường giáo hóa chúng sinh.

Kể từ đó, đời sống tu hành của pháp sư đã gắn liền nơi ngôi cổ



tự này, ngài chuyên tâm dịch thuật, tiếp tăng độ chúng, thuyết giảng giáo lý Phật Đà cho mọi tầng lớp trong xã hội đương thời.

Có thể nói, chùa Từ Ân là một trong những nơi dừng chân trong vạn nẻo đường du hóa tìm cầu chân lý và giác ngộ đạo giải thoát của Pháp sư Huyền Trang.

Được biết, quần thể chùa Từ Ân khi đó gồm 3 khu đại viện có khoảng 1987 phòng. Ngày nay chùa được gọi với tên Đại Từ Ân. Bên trong khuôn viên chùa hiện có các điện thờ Phật, các vị Bồ Tát và đặc biệt là Tháp Đại Nhật do chính Pháp sư Huyền Trang cùng Tăng chúng khởi công xây dựng. Chúng tôi xin giới thiệu loạt ảnh được thực hiện tại chính ngôi cổ tự Đại Từ Ân nổi tiếng này, với lòng kính ngưỡng và biết ơn sâu sắc đối với công đức dịch thuật vô biên của Ngài.

Nguồn Internet

Amour et Justice Tình Thương và Công Chánh

HT. Lê Văn Thêm

DẪN NHẬP

Amour et Justice là hai danh từ có nguồn gốc từ tiếng Pháp.

Amour là lòng thương người hay tâm từ còn Justice là tâm công chánh, công bình hay bình đẳng.

Đây là hai danh từ có ý nghĩa rất quan trọng trong giáo lý của nhiều tôn giáo lớn trên thế giới, rõ nhất là với Khổng giáo, Lão giáo, Phật giáo, Thiên chúa giáo và Cao Đài.

Hai danh từ này tự chúng bao gồm rất nhiều ý nghĩa, gợi ra rất nhiều hình ảnh, diễn tả rất nhiều thực cảnh, nhưng tùy tâm chứng của mỗi người để trực giác, trực nhận hay cảm giác, cảm nhận rồi thẩm thấu.

Đây là hai danh từ, mặc dù có thể được đặt trong những bối cảnh khác nhau, giữa những vị có nhân sinh quan hay vũ trụ quan khác nhau, hoặc giữa những nhóm người có tôn giáo khác nhau mà đôi khi trong một vài lãnh vực nào đó, hay do một phần giáo lý nào đó, hoặc từ khác biệt tâm chứng nào đó mà hầu như không thể chấp nhận nhau được, nhưng tất cả cũng đều phải đồng ý và công nhận giá trị phổ cập, siêu việt mà cũng là chân lý không thể nghĩ bàn của hai diệu tánh này. Đó là hai diệu tánh đầu tiên, trọng yếu hình hiện Tánh Thánh, Tâm Phật của Đức Khổng, Đức Lão, Đức Chúa, Đức Phật cũng như Đức Chí Tôn.

Đây là hai diệu tánh mà nếu con người chịu khó dụng công tìm hiểu, thẩm thấu và hành trì thì chắc chắn sẽ đem lại cho mình một niềm an lạc vô biên, một nguồn hạnh phúc vô tận dù ngay khi còn đang sống giữa thế gian này, ngay với cuộc đời vốn có nhiều gió bụi này, để rồi đến một ngày nào đó khi phải tách bước ra đi thì chắc chắn sẽ biết rõ được rằng mình

có hoàn toàn đầy đủ phúc lạc để được tự do mà Đạo Cao Đài đã nói rõ. Đó là “Cộng hưởng tự do quyền”, một quyền tự do mà kể từ ngày đạo Cao Đài khai cơ phổ độ đã được ghi rõ nơi cửa Chánh môn trước đây được gọi là cửa Hòa Viện của Tòa Thánh Tây Ninh. Đó là tự do để thăng hoa, để siêu thăng giải thoát, để đến Thiên Đàng, hay ít nhất cũng là tự do để có một đời kiếp mai sau chắc chắn hơn hẳn kiếp này mặc dù vẫn còn phải trở lại thế gian.

Tóm lại, Amour et Justice, đây đúng là hai diệu tánh, hay nói đúng hơn là hai pháp tu của đạo Cao Đài mà người luận giải muốn gửi đến mọi đồng đạo, mọi ân nhân, mọi tri âm, mọi thân hữu, mọi thế nhân, để đáp lại tất lòng tri ngộ với nhau ngay giữa thế giới ta bà này, qua một khoảng đời ngắn ngủi, giữa những cảnh thế trần không thiếu tâm duyên, nhưng vốn có nhiều gió bụi, lấm ưu tư và đầy bất trắc mà tất cả mọi người ai ai cũng cần phải có tình thương.

Amour: Tình Thương hay Tâm từ

Trước tiên xin tìm hiểu chữ Amour rồi sau đó đến chữ Justice. Amour là tiếng Pháp được dịch ra chữ Việt là tình yêu, tình thương hay lòng thương yêu, cũng có nghĩa là tâm từ bi, lòng nhân ái hay tâm bác ái.

Chữ Amour, nếu hiểu với ý nghĩa tâm từ là nói theo giáo lý Phật giáo hay Lão giáo. Còn với lòng nhân ái hay bác ái là nói theo đạo Khổng hay đạo Thiên Chúa. Cuối cùng chữ Amour với ý nghĩa tình thương, tâm từ bi, lòng nhân ái, bác ái hay đạo Nhân là những danh từ được tìm thấy trong giáo lý của đạo Cao Đài.

Xin trước nhất được bàn đến chữ Amour với ý nghĩa tâm từ, giải thích tại sao thập loại chúng sinh nói chung hay loài người nói riêng lại phải thương yêu nhau, và trong tình thương có những khác biệt nhau như thế nào. Nói rõ hơn, thế nào là tình thương vị kỷ, thế nào là tình thương vị tha và người tu nên chọn thứ tình thương nào.

Tiếp theo sẽ luận bàn đến lòng nhân ái, bác ái hay đạo Nhân, và nói rõ nhờ đạo Nhân mà con người mới đi từ Nhơn Đạo đến Thiên Đạo và Phối Thiên được.

Cuối cùng sẽ tìm hiểu chữ Amour trong tôn giáo Cao Đài, một tôn giáo mà với giáo lý và cách tu, chữ Amour được hiểu với tất cả ý nghĩa của nhiều tôn giáo khác, gồm có tình thương, lòng nhân ái, bác ái hay tâm từ. Mục đích của sự tìm hiểu này trước là để nhắc nhở với mọi người rằng ai cũng đều có Thánh tâm, Phật tánh, và sau đó nhắc nhở mọi người trở về với tâm Thánh, tánh Phật của mình.

Tóm lại, như đã trình bày ở trên, là trước nhất xin nói rõ tại sao thập loại chúng sinh nói chung hay loài người nói riêng lại phải thương yêu nhau.

I- Tại sao con người phải thương yêu nhau

Có rất nhiều lý do mà mặc nhiên hay bắt buộc con người phải thương yêu nhau. Đó là lý do âm dương trường hợp vì sự bảo tồn nòi giống, nhưng quan trọng nhất, đó là toàn thể loài người ai ai cũng giống như nhau, có một nguồn gốc hay có một quá trình chuyển hóa chẳng khác chi nhau, cũng như có một mục đích để đến, để đạt cũng như nhau. Mục đích phải đến hay phải đạt cho được, đó là những gì mà Đức Hộ Pháp đã dạy trong Pháp Chánh Truyền.

Trong Pháp Chánh Truyền, Đức Hộ Pháp nói để có thể trở về với tâm Thánh, tánh Phật của mình, điều kiện trước tiên là con người phải biết Hòa Hiệp và Thương Yêu Nhau:¹

“ Phải có Hòa mới có Hiệp, có hiệp mới có Thương, mà sự thương yêu là chìa khóa để mở cửa Tam Thập Lục Thiên, Cực Lạc Thế Giới và Bạch Ngọc Kinh y như lời Đức Chí Tôn đã dạy, có nghĩa là phải Từ Bi, Bác Ái mới đắc đạo Vô Vi, phải Hòa Hiệp mới qui nhất”

1- Thánh Ngôn Hiệp Tuyển- Tân Luật Pháp Chánh Truyền- Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Tòa Thánh Tây Ninh xuất bản năm 1972, Trang 310.

Trên đây là mục đích phải đến, phải đạt cho được mà Đức Hộ Pháp đã nói. Còn về nguồn gốc và quá trình chuyển hoá thì Đức Cao Thượng Phẩm cũng có dạy.

Đức Cao Thượng Phẩm trong những đàn cơ dạy đạo cho chư chức sắc Hiệp Thiên Đài từ năm 1950 đến 1952 có nói về Bát Hồn Vận Chuyển. Trong Bát Hồn Vận Chuyển Đức Ngài có cho biết là tất cả mọi người trên thế gian, ai ai cũng có một nguồn gốc và chuyển hoá như nhau, và những gì Ngài nói thì trước đây hơn 2500 năm đã được Đức Phật Thích Ca xác nhận qua nhiều câu chuyện còn được ghi lại cho đến ngày nay. Câu chuyện thứ nhất được Đức Thích Ca kể lại cho Cát Tường (Svastica) và Tu Già Đa (Sajuta) nghe.

Cát Tường là chú chăn trâu hằng ngày thường đến thăm Phật và cho Phật cỏ để lót ngòai thiền cho êm khi Phật chưa đắc đạo. Còn Tu Già Đa là cô gái đã cho Phật hai bát sữa để Phật uống, lúc Phật chưa thành đạo, ngã quy và bất tỉnh trên đường đi đến U Lâu Tần La (Uruvela).

Câu chuyện mà Phật kể lại đã nói về nguồn gốc của con người, để kêu gọi mọi người thương yêu nhau cũng chẳng khác chi Bát Hồn Vận Chuyển mà Đức Cao Thượng Phẩm đã giảng cơ dạy đạo. Câu chuyện như sau: ²

Có một hôm Cát Tường và Tu Già Đa đến thăm Phật. Cùng đi chung có hai em bé Jatilika và Balagupta. Hôm ấy hai em Jatilika và Balagupta không được vui vì có chuyện giận nhau. Chính vì giận nhau nên khi đến dưới cội cây bồ đề hai em bé ngòai tách ra xa nhau, chớ không ngòai gần nhau và lú lo thân thương như bao nhiêu lần trước.

Phật thấy biết và do đó Ngài mới kể một câu chuyện về tình thương, nói rõ lý do tại sao chúng ta phải thương yêu nhau, với hàm ý là để 2 em bé không còn hờn giận nhau và trở lại thương nhau.

Phật bảo rằng do thiên quán mà Ngài đã thấy biết được nhiều

2- Theo gót chân Phật - Đường Xưa Mây Trắng - Thích Nhất Hạnh - NXB Lá Bối, 1992- USA, Trang 123-127.

kiếp rất xa xôi, rằng tất cả chúng ta ai ai cũng từng là nước, là lửa, là đất, là đá, là gió, là sương. Tất cả chúng ta ai ai cũng đã có trải qua số phận làm rong rêu, cây cỏ, kiến trùng, rùa cá, chim muông, súc vật. Phật còn nói rằng Ngài thấy rất rõ trong một tiền kiếp nọ Ngài đã làm một tảng đá to trên một mỏm núi cao và có lần Ngài làm kiếp một con nai.

Qua câu chuyện một kiếp làm nai, Ngài kể lại rằng:

- Các con biết không, có một kiếp ta là con nai vàng ngơ ngác và câu chuyện mà ta sắp kể cho các con nghe là chuyện của một con rùa, một con chim sáo và một con nai cùng làm bạn với nhau, cách đây hơn cả ngàn năm trước.

Cả ba rất thương yêu nhau, sống quần quít bên nhau cạnh bờ ao trên một cánh đồng cỏ sát một khu rừng. Con nai thì cứ thường đều đều chạy nhảy tung tăng trên những đám cỏ xanh rờn. Con rùa thì mãi vui đùa lặn ngụp dưới ao. Còn con chim sáo thì đứng trên cành cây dương cạnh bờ ao mặc tình líu lo ca hát.

Một ngày nọ, có một bác thợ săn tìm theo dấu chân nai mà đi đến. Ông ta lại gần bờ ao nơi nai thường uống nước, âm thầm đặt một cái bẫy bằng giầy da rất chắc với mục đích là để bắt con nai. Đặt bẫy xong ông ta đi về nhà và nhà của ông ta cũng không xa lắm, chỉ cách bìa rừng bên kia một đồng cỏ nhỏ.

Như thường lệ, vào một bữa trưa trời nóng bức, nai đến cạnh bờ ao để giải khát. Khi bước đến ao sắp uống được nước thì nai bị mắc bẫy của bác thợ săn. Chân nai bị cột chặt. Nai hoảng hồn la lên chói lọi. Rùa và sáo nghe vội vàng nhào tới cứu bạn. Chim sáo bảo rùa : “ Chị rùa ơi, chị có răng bén vậy hãy cố gắng cắn cho đứt bó dây da mau đi. Còn tôi, tôi sẽ bay đi tìm cách ngăn ông thợ săn đến.” Nói xong sáo vội bay đi.

Sáo bay đến vườn nhà ông thợ săn, đậu trên một cành cây trước cửa vô nhà, còn rùa thì ở lại âm thầm cố gắng cắn sợi dây. Được ít lâu nhiều sợi dây da nhỏ đã đứt, chỉ còn lại một cọng dây chánh khá to và cứng, rùa cố gắng nghiến răng nhưng chưa cắn đứt được.

Mặt trời đã ngã về Tây và chiều sắp xuống, bác thợ săn sau một

giấc ngủ trưa dài thức dậy. Bác cầm cây móc và vác khoan dây mở cửa nhà đi ra thăm bầy.

Chim sáo thấy bác vừa bước ra khỏi nhà, biết ngay là bác sẽ đến để bắt nai nên bay nổ xả vào mắt bác, mổ mổ, chân quào làm cho mắt bác bị đau, mặt bác bị rách chảy máu đầm đề. Bác thợ săn đành phải quay trở về nhà đắp thuốc, nằm nghỉ chờ qua sáng hôm sau.

Sáng hôm sau, bác thợ săn thức dậy cầm lấy khoan dây và con dao bên tay mặt, còn với tay trái bác lấy cái nón che mặt, có lẽ là lo sợ chim đến đánh nữa. Chim sáo thấy thế biết không thể làm gì hơn nên vội vã tung bay về bờ ao cạnh bìa rừng để báo cho rùa và nai hay hầu tìm cách ứng phó.

Chim vừa báo xong thì ít lâu sau thấp thoáng từ xa bóng của bác thợ săn cũng lù lù tiến đến càng lúc càng gần. Rùa cố gắng cắn sợi dây. Còn nai vì quá sợ nên tung mạnh làm cho sợi dây đứt lìa. Thế là nai được thoát ngay khi bác thợ săn cũng từ từ đến gần cận bờ ao.

Nai chạy cách xa ra và đứng nhìn lại. Còn chim thì bay vội lên cao, đậu trên ngọn cây dương la chí choé trong khi rùa sau một thời gian dài nóng bức cật lực làm việc quá mệt nhọc nên nằm sóng soài ở bờ ao, không làm sao bò đi nổi.

Mất nai vì nai đã xông, bác thợ săn tức lắm vội bắt ngay rùa, bỏ vào một cái túi da rồi treo lên cành cây, xong chạy rượt theo nai.

Nai chạy vào rừng mà lòng vẫn không an vì biết rằng bạn thân mà cũng là ân nhân của mình là rùa đang mắc nạn. Nai vừa chạy vừa ngừng lại với dụng ý dụ bác thợ săn rượt theo để cách xa rùa càng xa càng tốt. Bác thợ săn thấy gần như sắp bắt được nai nên cứ mãi miết chạy theo nai. Cả hai, kẻ chạy người rượt rất xa đến tận bờ rừng phía bắc. Chim sáo lúc ấy cũng bay theo để hỗ trợ cho nai và thừa lúc nai và bác thợ săn vừa qua khỏi những lùm cây um tùm, chim ào tới, bay bổ vào mặt thợ săn làm cho mặt bác một lần đã bị thương nay lại càng bị thương tích nặng hơn nữa. Bác thợ săn vì quá đau nên nằm soài trên

đám cỏ ôm mặt rên la.

Chim và nai thấy thế vội chạy ngược trở lại để cứu rùa. Đến cây dương bên cạnh bờ ao, chim đứng trên cao canh chừng, còn nai thì lấy cái gạt sừng của mình hất cho cái bao đựng rùa rớt xuống đất. Rùa chui ra nhìn nai mỉm cười rồi bò xuống nước, lội nhón nhờ và trong tư thế sẵn sàng sắp lặn sâu để biến dạng. Nai nói với hai bạn sáo và rùa : “ Hai bạn ơi, nhờ hai bạn mà tôi thoát chết.” Rùa cũng nói: “ Nhờ hai anh mà giờ đây tôi mới được an thân.” Cả ba cùng cười, nụ cười của tình thương chan chứa.

Chim bảo nai thôi hãy chạy mau trở lại rừng, còn rùa thì mau lặn xuống nước. Riêng mình chim bay ở trên cao an toàn, trong khi bác thợ săn đã tỉnh nên lần mò trở lại bờ ao. Bác thợ săn thấy nai mất dạng, rùa bất tâm, còn chim thì đậu trên tận ngọn cây an toàn ca hót. Ông biết rằng cả ba đã thoát. Thế là bác ta buồn bã, cầm dao, đeo túi thất vọng quay trở về nhà thơ thần.

X

X X

Nghe Phật kể chuyện vất vả của con chim sáo lo cứu bạn, chuyện con rùa vì thương nai và muốn cho nai mau thoát nạn nên cố cắn bó dây da làm cho máu miệng chảy đầm đề, hai em bé Jatilika và Balagupta vô cùng cảm động, nước mắt rưng rưng. Hai em xích lại gần nhau, không còn giận nhau nữa mà lại thấy thương nhau quá. Chẳng là đồng loại như nai, rùa và chim mà còn thương nhau như vậy, là con người cùng nhau, cùng loại, cùng loài, há lại chẳng thương mến nhau được hay sao?

Với bản năng thuần lương, cái bản năng thiên phú khiến hai em đã làm những gì y như Phật Trời đã đặt để trong tim, trong óc các em mà có lẽ thời gian qua vì chạm cảnh nhập duyên đã bị bụi trần hoàn bao phủ làm cho các em quên mất. Đó là tình thương đồng loại.

Phật kể xong câu chuyện bèn hỏi Cát Tường, Tu Già Đa, hai bé

Jatilika và Balagupta.

- Các em nghĩ xem, thử ấy ta là nai, còn ai trong các con là rùa?

Cát Tường và Tu Già Đa đưa tay lên và Phật hỏi tiếp:

- Còn ai là sáo?

Lần này hai em Jatilika và Balagupta đưa tay lên.

Bấy giờ Cát Tường cùng Tu Già Đa nhìn Jatilika và Balagupta và nói:

- Cả hai em đều nhận mình là sáo, như vậy cả hai em như là một. Sáo với sáo mà không thương nhau sao? Sáo với sáo mà còn giận nhau, hờn nhau thế thì còn ra thể thống gì nữa. Tình bạn của chúng ta không bằng tình bạn của rùa nai và sáo sao? Chúng không phải là đồng loại với nhau mà lại thương yêu nhau hơn ruột thịt, dám xả thân liều mạng cứu nhau, dù phải chết lòng dạ vẫn không sờn.

Chim chóc, muôn thú còn biết thương nhau vậy mà con người lại chẳng thương được nhau, như vậy là lẽ làm sao? Có ai muốn khổ đau? Nào ai chẳng ước mơ hạnh phúc ! Ai ai cũng sợ khổ đau, và ai ai cũng đều cầu mong hạnh phúc. Tất cả đều cũng có những mơ ước và hoài bão như nhau tại sao ta lại chẳng thương nhau.

Phật nhìn Cát Tường, Tu Già Đa, Jatilika, Balagupta với đôi mắt đậm đà tình thương, rồi nói:

Ta đã thiên quán và thấy rõ tiền thân ta cũng như của các con. Chúng ta bao ngàn kiếp trước đã từng là gió, là mây, là sương, là tuyết, là cỏ, là hoa, là mưa sa nắng táp hạ mẫn thu tàn. Chúng ta đã từng là đất, là đá, là gió, là lửa, là nước, là mây, cũng đã từng là chim chóc muôn thú trên rừng hay ngoài đồng nội, rồi giờ đây chúng ta tất cả lại là người.

Chúng ta có những tiền kiếp như nhau. Chúng ta cũng có những dĩ vãng không khác chi nhau, là Thập Loại Chúng Sinh, là Bát Hồn Vận Chuyển. Chúng ta từ đất đá, rong rêu, cỏ hoa, chim chóc, muôn thú tiến lên làm người. Chúng ta có một hóa trình

thăng tiến chẳng khác chi nhau, cũng bình đẳng như nhau, tại sao chúng ta lại không tôn trọng lẫn nhau, vì tôn trọng người khác tức là tự tôn trọng mình. Tại sao chúng ta không sống hòa hợp, hòa bình với nhau trong khi chúng ta chuyển hoá theo thiên nhiên chẳng khác gì nhau. Từ đất đá thăng tiến rong rêu, hoa cỏ. Từ rong rêu hoa cỏ chuyển lên cá rùa, chim muông súc vật rồi từ những con vật bò bay máy cựa chúng ta lại làm người. Con người là sinh vật có sau nhất, trẻ nhất và trẻ nhất trên mặt đất này được hình thành qua quá trình tiến hoá thăng hoa. Đó là luật của tự nhiên mà cũng là Đạo Tự Nhiên.

Với Đạo Tự Nhiên này không ai đi ra ngoài được cả. Không ai chẳng từ đó mà thành hình là thập loại chúng sinh, qua bát hồn vận chuyển. Đạo Tự Nhiên đây là một Đạo lớn, một Đạo bao trùm tất cả, vận hành tất cả, hoá sinh tất cả. Đó là Đại Đạo mà Đại Đạo thì lúc nào cũng hoằng khai trong Hòa Bình Dân Chủ Mục. Đạo Tự Nhiên đã dạy như vậy. Thiên nhiên đã dạy chúng ta như vậy. Thiên nhiên khai triển, hình thành và thăng tiến là do ở hoà hợp. Không hoà hợp theo luật thiên nhiên là bị đào thải. Như vậy tại sao loài người lại chẳng chịu hoà hợp, cùng thăng tiến hòa bình trong khi tất cả, ai ai cũng đều nằm chung trong một quá trình tiến hóa thăng hoa và bát hồn vận chuyển, thập loại chúng sinh.

Chúng ta đều bình đẳng như nhau và đều giống nhau nơi căn cội. Chúng ta giống y nhau vì tất cả chúng ta đều từ đất nước gió lửa hay âm dương ngũ hành thăng hoa để rồi có được Thánh tâm Phật tánh.

Tất cả chúng ta đều có Thánh tâm Phật tánh và đều giống như nhau. Chúng ta cũng nào khác chi nhau vì với tám thân tướng thể vô thường hữu hình hữu hoại này thì làm sao tránh được qui luật vận hành Thành, Trụ, Hoại, Không.

Tóm lại, chúng ta đi từ một căn cội như nhau, trên một vận trình giống nhau và hướng về một điểm như nhau, chẳng khác nào là những kẻ đồng hội đồng thuyền. Đó là đồng tông đồng thể, đồng vận, đồng hành, đồng thuyền, đồng hội, chúng ta có

gì khác chi nhau, vậy tại sao chúng ta lại chẳng thương nhau. Tình thương là chìa khoá để mở cửa Bạch Ngọc Kinh để làm Thánh, làm Hiền, làm Tiên làm Phật như một tôn giáo vừa thành lập vào năm 1926, đó là Đạo Cao Đài. Thiếu tình thương thiếu từ tâm không ai có thể thành Hiền, thành Thánh, thành Tiên, thành Phật được. Từ Bi hay tâm Vị Tha, mà cũng là Tình Thương, Lòng Nhân Ái, Lòng Bác Ái là đức tánh đầu tiên và cần phải có của một bậc Thánh hiền hay một vị Phật. Ai lại chẳng mong là Hiền, là Thánh, như vậy sao lại chẳng thương nhau với lòng tràn đầy Bác Ái Từ Bi.

Kết Luận

Qua hai năm rông giảng cơ dạy Đạo cho chư chức sắc Hiệp Thiên Đài nói riêng và toàn đạo nói chung, Đức Cao Thượng Phẩm có mục đích nhằm chỉ cho tất cả nhơn sanh biết rõ nguồn gốc của mình, khởi thủy ai ai cũng vậy, vốn là một hóa nhân, giống nhau chẳng khác chi nhau, do đó cần phải thương yêu nhau để cùng đi dẫn nhau trên bước đường tinh tấn tu hành.

Những gì Đức Cao Thượng Phẩm dạy trong thời Tam Kỳ Phổ Độ được Đức Phật Thích Ca từ thuở Nhị Kỳ trong thiền quán đã thấy. Đức Phật Thích Ca đã thấy rõ tiền kiếp của Ngài cũng như của Thập loại chúng sanh qua những buổi ngồi thiền.

Ngài đã kể lại với từ tâm là để cho loài người thấy và biết được rằng chúng ta tất cả đều cũng như nhau, có một nguồn gốc như nhau, và trong hóa trình chuyển hoá cũng chẳng khác chi nhau. Tất cả đều giống nhau, như vậy thì không có lý do gì mà lại chẳng thương nhau.

Ngài kể lại câu chuyện con nai, con rùa, chim sáo và bác thợ săn để nhắc nhở và cũng để nói rõ tại sao con người phải thương yêu nhau. Ngài muốn bảo với mọi người rằng tình thương hay tâm từ bi là đức tánh đầu tiên mà bất cứ ai muốn đạt được Chánh Đẳng Chánh Giác thì cũng phải có. Thiếu tình thương hay tâm từ bi, người tu dù đó là ai, dù là giáo phẩm nào cũng không làm sao Phối Thiên, Nhập Niết Bàn hay trở về Bạch Ngọc Kinh được, nói rõ hơn là không làm sao có thể đắc Thánh

hay thành Phật được.

Như vậy, để chuyển hoá thăng hoa, điều kiện trước tiên là con người phải có tình thương hay tâm từ.

Tình thương hay tâm từ bao gồm có hai, một là tình thương vị tha và đó là từ tâm, còn hai là tình thương vị kỷ được gọi là ái dục. Cần phải biết rõ hai loại tình thương này thì việc tu hành mới mong tinh tấn và đạt kết quả được, mà nếu nói theo đạo Cao Đài là mới có thể dục tấn trên con đường Thiêng Liêng Hằng Sống được.

(Còn tiếp)

HT Lê Văn Thêm

Thông Báo

Ban Thế Đạo Hải Ngoại trân trọng thông báo cùng Quý Cơ Sở Đạo - quý Đồng Đạo và Thân hữu:

Trong năm 2013, Ban Thế Đạo sẽ in và phát hành 2 quyển sách:

Quyển 1: Bí Pháp Dâng Tam Bửu Giải Thoát.

Soạn giả : HT Lê Văn Thêm.

Quyển 2: Gồm 2 quyển in chung

*- **Chân Dung Qu. Giáo Tông Lê Văn Trung** của soạn giả HT. Trần Văn Rạng.

*- **Phương Châm Hành Đạo** của Thượng Đầu sư Lê Văn Trung.

Trân trọng thông báo và mong quý Cơ Sở, quý Hiền Huynh Hiền Tỷ nhiệt liệt ủng hộ và yểm trợ.

Kính thông báo.

San Jose, ngày 15-01-2013

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ TÒA THÁNH TÂY NINH

GIẢNG ĐẠO YẾU NGÔN

Tác giả: Nguyễn Văn Kinh

Hội Thánh giữ Bản Quyền

Tái bản năm Canh Tuất 1970

MỤC LỤC

- 1- Cáo Bạch
- 2- Lời Tựa
- 3- Nguồn cội loài người do nơi đâu mà ra?
- 4- Đạo là gì?
- 5- Tại sao chúng ta phải tu?
- 6- Tu có bổ ích gì cho chúng ta chẳng?
- 7- Ăn chay bổ ích về phần nào?
- 8- Tại sao có Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ?
- 9- Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ nghĩa là gì?
- 10- Vào Đạo cóặng phần lợi ích cho chúng ta những điều gì chẳng?
- 11- Người đi tu hành phải bỏ nhà cùng vợ con tầm chỗ thanh vắng hoặc núi non mà tu luyện mới thành, phải vậy chẳng?
- 12- Chúng ta đứng làm con người đây thì lo điều nào là căn bản?
- 13- Vào Đạo mà thờ Thiên Nhân chủ ý về đâu?
- 14- Sao gọi là ba Trấn?
- 15- Sao gọi Tam Giáo?
- 16- Các vì Giáo chủ là ai?
- 17- Các vì Tiên, Phật, Thánh xuống trần hành đạo, lập giáo

nơi nào?

18- Khai đạo tại sao, bế đạo tại sao?

19- Tại vì đâu mà chúng ta được biết Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ khai ra?

20- Lập Thiên Bàn để thờ ai?

21- Thờ ai trên hết?

22- Tại sao trên hết?

23- Khi cúng Đức Chí Tôn, dâng Bông, Rượu, Trà chú ý gì?

24- Tại sao chúng ta kêu Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế bằng Thầy?

25- Cúng lạy chú ý gì?

26- Cách lạy thế nào?

27- Cúng lạy nhiều có phước, khỏi tội chăng?

28- Có nên bỏ việc cúng lạy chăng?

29- Phật có phải lớn hơn Trời chăng?

30- Lập nghi Thiên Bàn để các phẩm vật cúng đó chú ý gì?

31- Vào Đạo phải minh thệ chú ý gì?

32- Còn câu niệm Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát là chú ý gì?

33- Mỗi người vào Đạo phải thuộc kinh và đọc cho ăn nhịp nhau một cách, chú ý gì?

34- Vào Đạo phải giữ trai giới - Trai là gì, giới là gì?

35- Ngũ Giới là gì?

36- Giữ tam qui là nghĩa gì?

37- Tập cơ chấp bút, quan hệ của việc cơ bút thế nào?



CÁO BẠCH

Ít lời lược luận sơ giải mấy bài này cốt để giúp ích cho người thiếu học, vẫn nghe cạn thấy, đặng rõ chơn lý của Đạo chút ít, khỏi lòng nghi nan dừng chơn nghĩ bước.

Bởi ít học tôi không dùng lời văn chương đặng, nên buộc mình phải lấy lời thô kịch thật thà, giảng luận ra đây cho hiểu lý Đạo, tôi cũng do cố điển mà luận giải, như chỗ nào có sai lầm xin hoan tâm miễn chấp, giúp cho được thiện mỹ.

Chớ Đạo cao sâu, tôi biết tới đâu xin luận tới đó cho rõ chung về chơn Đạo.

Tác giả: Nguyễn Văn Kinh
Làng Bình Lý Thôn, GIA ĐỊNH

LỜI TỰA

Nay là buổi tuần hườn, Trời khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, chấn hưng nền Chánh Giáo, thức tỉnh chúng sanh, giữ đạo cương thường, tu tâm sửa tánh, hồi đầu hướng thiện, tự hối ăn năn, cải dữ về lành ra tân dân minh đức, thì chúng ta rõ cuộc tuần hườn Tạo Hóa xoay vần, công bình Thiên Đạo, mỗi phương đều phải có một chơn đạo, đặng đời giữ luật pháp mà noi gương Chánh Giáo, đìu dắt lẫn nhau, kèm chế sửa nhau, lấy nét công bình mà đối đãi nhau, từ hòa nhện nhục nhau, cho ra hạng người cao thượng, có phải là Đạo khai cho nhơn loại trở nên tiến hóa đó chăng?

Nên mỗi thời kỳ Trời khai Đại Đạo, hay là các Đấng Tiên Phật vâng mạng xuống trần lập giáo bất luận phương nào, thì cũng do nơi Tạo Hóa chủ trương, lấy cân Thiêng liêng mà phân định.

Nay chúng ta gặp thời kỳ này cũng bởi cơ tạo vận chuyển, đến kỳ Thiên Đạo hoằng khai, chấn hưng chơn Đạo cứu độ sanh linh, vậy thì đời phải nghịch hẳn công lý của Đạo. Bởi Chánh Giáo thất truyền, nên nhơn tâm đổi biến, sái phép công bình, tranh danh đoạt lợi, giết hại lẫn nhau, thành ra trường oán

niệt, hư phong bại tục, rối loạn cho đời. Nay đúng kỳ Trời khai mở Đại Đạo cho nhơn sanh thức tỉnh, tu tích hồi thiện, giữ phép công bình, khử tà quy chánh, bỏ giả về chơn, cho được thuần phong mỹ tục, khỏi chịu những điều thiệt hại chung.

Thiết tưởng chúng ta vào Đạo lo tu tâm sửa tánh, bỏ dữ làm lành, ăn chay giữ luật cấm răn của Đạo mà lo thờ Trời kính Phật, lấy nét công bình, bỏ những gian tham bài bạc rượu thịt cho ra người cao thượng, như vậy mới thuận thiên thì có lẽ đặng hưởng phước Trời ban; còn nghịch thiên thì thế nào tránh khỏi bị hình phạt của Trời đặng?

Lâu nay nơi phương Nam Trời chưa mở Đạo mà chúng ta đã có thờ kính Tôn Giáo: Nho, Thích, Đạo mà chưa trọn.

Như Phật Giáo, từ buổi Đức Thích Ca Mâu Ni giảng sanh Ấn Độ Tây Thiên Trước mà dạy Đạo thì xứ ấy nhờ Phật Giáo mà truyền bá Đạo thanh hưng, con người giữ tam qui ngũ giới, minh tâm kiến tánh, luyện thành mâu ni bửu châu (xá lợi tử). Có phải xứ ấy hưởng nhờ ơn Đạo mà trở nên từ thiện, đến ngày nay mới có Phật Giáo mà sùng bái.

Như Đạo Tiên là Đức Thái Thượng giảng sanh Trung nguyên (xứ Tàu) dạy Đạo Tiên, thủ cảm ứng công bình, dạy giữ tam gương ngũ hành, tu tâm luyện tánh thành ra thữ mễ huyền châu, kết tụ linh đơn bửu pháp, thì xứ ấy cũng hưởng nhờ mối Đạo, trở nên người đạo đức nên ngày nay mới có Tiên Đạo mà sùng bái.

Như Đạo Nho, Khổng Phu Tử giảng sanh tại Trung Huê (xứ Tàu) dạy đạo tam cương ngũ thường, tồn tâm dưỡng tánh, tu luyện cửu khúc minh châu, tu thành chơn nhưất khí Thái Cực, vậy nên xứ ấy hưởng nhờ Đạo mà người đặng rõ biết cương thường luân lý, khắc kỷ phục lễ, tu tâm sửa tánh, nhu hòa nho nhã, ngày nay mới có Đạo Nho mà sùng bái.

Như Thánh Giáo, Gia Tô Giáo Chủ (Jésus) giảng sanh mà dạy Đạo Âu Châu lập Thánh Giáo, xứ ấy giữ luật đạo người đặng hiền lành nhơn đức mà hưởng nhờ Đạo đặng thuần phong mỹ tục, đến ngày nay mới có sùng bái Thánh Giáo.

Nên các Tôn Giáo nay đã truyền bá ra khắp chốn, mà chúng ta cũng thành kính sùng bái đó vậy, thì Đạo quý báu biết là đường nào. Nay xứ Nam, Trời khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đặng cứu vớt chúng sanh, cho chúng ta một nền chơn đạo như các phương ấy, vậy thì chúng ta ở nào lấp tai che mắt hay sao?

Chúng ta phải biết Đấng Tạo Hóa rất công minh, dữ răn lành thưởng, dưới thế này sắc da nào cũng con chung Đấng Tạo Hóa sanh, thì Tạo Hóa đặng phần sửa trị sai khiến phân định cả thấy, không mảy nào sai sót. Tỉ như đời trước, nước này sửa trị nước kia, xứ kia lấn hiếp xứ nọ, nước thì bị tai nạn khổ ách, nước thì chịu man di mọi rợ, nước thì đặng quốc thới dân an, người thì khổ hạnh nghèo nàn, kẻ thì giàu sang thông thả, người bị đui cùi tàn tật, kẻ thì đặng da thịt trơn liền, cũng do mạng lệnh Trời phân định thưởng phạt sửa khiến cho nhơn loại, chớ chẳng phải dưới thế này quyền hành ai phân định đó đặng.

Nếu chúng ta biết luật Trời, cơ Tạo Hóa, thì dưới trái địa cầu này nhơn loại toàn phải yêu mến nhau, thương lẫn nhau như con một cha, vậy mới phải người đồng loại. Bởi kể từ khai thiên lập địa cho đến nay cũng có một Đấng Cha sanh đó mà thôi. Như một hột giống chường gây ra sanh sanh hóa hóa, mỗi xứ có nhơn loại thì cũng một Cha sanh, nếu chúng ta chẳng biết luật Trời, cơ mầu nhiệm Tạo Hóa cứ lấy sức người tranh cạnh nghịch lẫn nhau, kẻ giàu hiếp người nghèo, người mạnh hiếp người yếu cho là chẳng có Trời phân định, thì tôi xin trả lời: Vậy chớ ai cho người giàu sang, có của mà hưởng giàu sang đó? Vậy chớ ai cho nước kia có thế lực sửa trị nước nọ? Có phải là do Trời phân định mới ra như thế chẳng?

Nếu chúng ta chẳng rõ, không chịu mấy điều của Trời Đất thưởng phạt đó, mà gượng làm trái lẽ Trời phân định, thì là nghịch hẳn với Tạo Hóa. Nếu trái lẽ Tạo Hóa, thì phạm tội nghịch Thiên, mà bị phạt thêm nữa, hễ nghịch Thiên thì phải tiêu diệt, nên sách: “Thuận Thiên giả tồn nghịch Thiên giả vong”.

Nên chúng ta biết Trời sanh, thì Trời phải có quyền sửa trị, một

mảy không sai, vậy nên lo tu tâm sửa tánh ở cho thuận lòng Trời, giữ phận làm con cho ra hiền, nên sách rằng: “Hoàng Thiên bất phụ thiện tâm nhơn”, nghĩa là: Trời đâu có bỏ lòng người hiền lành hiếu Đạo.

Chúng ta cứ gốc mà vun đắp bồi bổ, thì nhánh lá tự nhiên thịnh vượng, chớ để gốc ung sùng, mà lo trên nhánh lá, làm sao nó tươi tốt sống đặng! Nếu chúng ta chẳng có chút nào hiền lành như đức khổ cực với đời thì Trời lấy công quả gì mà ban thưởng cho chúng ta đặng an hưởng? Ta muốn giàu sang mà làm việc gian ác, chẳng khác nào Trời đã phát cho thân thể nghèo nàn cực khổ, mà chẳng biết ăn năn, tu tâm sửa tánh, lại còn làm điều gian ác, đặng Trời phạt thêm nữa thì phải mất phẩm nhơn loại còn đâu đứng làm người mà an hưởng ơn Trời ban. Vậy phải sớm thức tỉnh mà tầm Đạo.

CHƯƠNG THỨ NHƯT

Nguồn cội loài người do nơi đâu mà ra?

Nguồn cội của loài người do tự nơi đâu mà có, thì người có học cũng biết rằng: Từ khi chưa có Trời Đất, thì chưa có chi trong kiền khôn thế giới này, duy có một khí Hư vô mà thôi. (Khí Hư Vô là thanh khí nhẹ không cùng tột, nơi trong không khí). Khi ấy mới sanh ra Thái Cực là chúa của kiền khôn. Thái Cực biến sanh Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi biến sanh Tứ Tượng, Tứ Tượng biến sanh Bát Quái, đến Vật chất (là thứ có hình dạng khối chất). Từ trong Vật chất mà biến sanh lần ra Thảo Mộc (loại cỏ cây), Thảo mộc chuyển biến sanh lần đến Thú cầm, Thú cầm chuyển kiếp lần đến Loài người, thì loài người cũng phải chịu chuyển kiếp lần lộn trong vật chất, thảo mộc, thú cầm ngàn muôn kiếp mới đến loài người. Loài người biết tu hành làm âm chất mà chuộc tội và luyện tập Tánh linh thì chuyển lên Thần, Thánh, Tiên, Phật, trở về khí Hư vô. Như kiếp tu hành ít thì linh hồn tiến lên ít. Còn tu hành nhiều âm chất, luyện bỏ đặng tánh phàm thì thành trong một kiếp... Nếu còn tham dục vọng mê trần, không lo cho linh hồn tiến hóa chuyển lên, thì phải trở lại

lẫn lộn theo vật chất nữa, kêu là chuyển kiếp Luân hồi (xây trở lại). Sự chuyển kiếp luân hồi, thay hồn đổi xác, từ vật chất lên thảo mộc, thú cầm đến loài người, thì tôi lấy sự thấy trước mắt chỉ cho chư Hiền rõ: Như lá chanh hóa thành con Dọt Sành, rễ Lãng hóa thành Lươn, con Tằm chuyển sanh con Nhộng. Nhộng chuyển Bướm, con Sâu chuyển sanh Bướm, con sùng trắng hóa thành con Kiến Dương (le ver-blanc se transforme en hanneton). Con Chuột hóa thành Dơi, Dơi thành Chim, Lươn đổi lột thành Chồn, Cá hóa Long, Sấu hóa Cù. Nên loài người vẫn trong đó mà tiến-hóa chuyển lần lên. Các loại hóa sanh do sự chuyển kiếp như vậy mà tuần tự tiến hóa đến kiếp con người, Người tu hành tiến lên địa vị Thần, Thánh, Tiên, Phật, nên Phật có lời: “Cả thủy chúng sanh đều có Phật tánh” còn Nho rằng: “Nhơn nhơn Thiên phú sở Tánh” nghĩa là mỗi người đều có tánh Trời cho.

Vậy nguồn cội loài người do nơi Vô Thổ Không Khí chuyển kiếp tiến hóa theo như thế đó.

CHƯƠNG THỨ NHÌ

Đạo là gì?

Đạo là tiên thiên nhứt khí bốn thể hư vô. Đạo vốn không tên, mượn danh kêu là “Đạo”. Bởi một phần Âm, một phần Dương hiệp lại cũng là Đạo. Đạo là cơ quan (cái máy) chủ tể của sự sanh sanh hóa hóa, nên nhứt nhứt cả thủy hễ có sanh hóa đặng gọi là Đạo; nếu làm cho nó không sanh hóa đặng là thất Đạo. Vậy nên Đạo gọi là:

“Thiên Địa giao thời pháp luân thường chuyển”.

Nghĩa là: Trời Đất hiệp hòa, thì cái máy nó xoay trở chuyển vận mới sanh sanh hóa hóa đặng, Đạo gọi: “Âm Dương phối hiệp vạn vật hóa sanh”. Nghĩa là: Khí âm khí dương cảm xúc nhau, muôn vật mới sanh hóa. Có chỗ gọi là: “Thần khí tương giao thấu tổ cơ”. Nghĩa là: Thần với Khí hiệp lại đặng, thì thấu nơi chỗ Đạo. Nếu người học được thông chỗ tiên thiên nhứt khí là đắc Đạo.

CHƯƠNG THỨ BA

Tại sao chúng ta phải tu?

Tại cuộc tuần huân của chúng ta đã chuyển đến thì giờ cảm xúc chơn nguơn (Tiên thiên nguơn Thần) sẵn lòng bác ái biết tỉnh ngộ ăn năn, nhờ lo tu sửa bổn tánh của chúng ta lại cho khỏi bị thiên điều hình phạt, luân hồi chuyển kiếp đọa lạc biển khổ, đặng đem cái tánh linh về hội hiệp nơi căn xưa bổn cũ của Đấng Sấm Tọa.

Bởi chúng ta đã nhiều kiếp có lành nhưn chi đó, nên nay miêu sanh (là mộng nhưn) vẫn còn, đến thì giờ Tọa Hóa chuyển Đạo thì chúng ta manh động ứng cảm, phát khởi hồi đầu hương thiện³ thuận theo lẽ tự nhiên của Trời. Nên sách rằng: “Thiên nhưn hiệp phát. Nghĩa là: Trời với Người đồng chuyển hóa sanh phát một lượt. Cũng như loài thảo mộc đến đúng giờ của chúng nó phải sanh bông trở trái, chúng ta tử nhưn hột giống chi đó mà chưa hư ả, lại gặp thì tiết Trời mưa xuống thấm ướt đến nhưn mộng giống ấy, thì phải nứt tọc sanh cây nảy lá. Chúng ta phải tu là tại đúng thì Trời khai Đạo ra, rưới đầy khắp chốn, vì chúng ta lâu nay chẳng biết tu nên thường làm hung dữ, nhưn hột giống khô khan nay gặp Đạo lành chơn chánh, xúc cảm lòng nhưn, nhưn hột giống đã gặp đặng nước đến thì phải nứt tọc sanh cây nở lá, tại nơi lý ấy nên chúng ta phải tu.

CHƯƠNG THỨ TƯ

Tu có bổ ích gì cho chúng ta chăng?

Tu hành rất hữu ích cho chúng ta lắm. Nếu tu thì điều lành xung thấu đến Trời, Trời đặng thêm dương khí thanh vượng, thì gió mưa thuận thời. Chúng ta tu điềm lành ứng xuống nơi đất thì khỏi dấy động điều tai biến, muôn vật đặng phần sanh hóa, chúng ta tu điều lành đến cho chúng ta thì khỏi điều tranh cạnh nghịch lẫn hiệp đáp giết hại nhau, tránh đặng kiếp sát, những điều tai biến hãm hại xác hình nhưn loại đặng an, cộng hưởng

3- Quay đầu đổi tánh dữ đem lại lành.

thái bình, linh hồn của chúng ta tu đặng siêu thăng thoát hóa trở về ngôi cũ. Chúng ta tu thì loài vật khỏi bị điều tế sát thương sanh, nếu loài vật khỏi chết thì đặng phần sanh sanh hóa hóa, đó là bổ ích cho Trời, Đất, Người cùng vật. Có bài thi của Thần Nữ cho:

Tu là cội phước vẹn thân sau,
Tu ấy nguồn trong rửa mạch sâu.
Tu giải oan khiên căn nghiệp trước,
Tu trau nền hạnh nguyệt soi lâu.

CHƯƠNG THỨ NĂM

Ăn chay bổ ích về phần nào?

Ăn chay nó bổ ích cho Xác Thân và Linh Hồn. Nếu muốn Xác Thân chay, trước cần phải ăn chay, mà ăn chay thì phải dùng toàn đồ Rau, Đậu, Hoa, Quả. Những vật thực đó vào tỳ vị (bao tử) tiêu hóa chia ra mà tiếp bổ xác thân và hồn con người, thì xác thân con người vốn là một khối chất chứa những sanh vật hoa quả rau đậu, nó nuôi nấng trưởng thành. Vật thực ấy nó cũng là vị thuốc bổ hơn hết, nó có thanh khí (điển quang trong sạch) tiếp bổ cho xác thân và linh hồn. Thiêng liêng nhờ được linh khí tinh khiết ấy, nhẹ nhàng đặng cao siêu thoát hóa mà thành. Ấy là phần của xác thân.

Còn phần linh hồn (lòng người chay): Lòng người chay thì phải giữ luật Đạo tu tâm sửa tánh, tập luyện trừ bỏ đặng lòng tham dục vọng, nếu còn tham dục vọng, thì lòng chưa chay lạt chi cả.

Tham dục vọng nghĩa là: Vào Đạo mà không sửa đổi tâm tánh ngay thẳng hiền lành, và không làm điều ích lợi cho người cùng muôn vật, không chứa âm đức chi cho Trời Đất cây nhờ, mà lòng trông mong làm Thần, Thánh, Tiên, Phật. Đó là lòng tham dục vọng không chay, hoặc muốn những điều lợi mình, sung-sướng mình, no đủ mình, trọng mình hơn người, lo điều vừa chí mình, mà làm cho mọi người phải chịu thiệt hại, và muôn vật không sanh tồn đặng, là lòng tham dục vọng không chay đó. Lòng chay kể không xiết, xin nói tóm tắt: Lòng chay của con

người, là lòng tự nhiên như thúở mới sanh, không có lòng tư vị tham muốn hơn thua tranh giành lợi hại ai cả, ấy là lòng chay. Khi người mới sanh bốn tánh vẫn lành, nếu miệng bụng chay mà lòng không chay, không thể thành đặng, nên cần lòng phải chay trước hết.

Còn xác thân không chay ra thế nào?

Như xác thân không chay, thì phải ăn thịt của thú cầm mà nuôi xác thân, vật thực thú cầm ấy vào tỳ vị (bao tử) phải tiêu hóa mà nuôi xác thân, nhiều năm tích khối lại trưởng thành, xác thân ấy phải chất chứa pha lẫn thịt của thú cầm vào mà thành ra xác thân người, thì nó không tinh khiết nhẹ nhàng được siêu thăng. Lại còn những loài thú cầm nó hay ăn tạp vật, hoặc nó ăn nhầm vi trùng độc có bệnh, nếu chúng ta ăn nhầm thịt ấy vào tỳ vị, lúc còn mạnh thì nó lướt đặng; đến khi yếu, những vi trùng độc ấy nó biến sanh nhiều chứng bệnh khó trị. Vậy bao tử con người mà chất chứa những vật thực thú cầm đó chẳng khác câu phương ngôn rằng: “ Bao tử của con người là mồ mả của thú vật”. Mà cho là mồ mả thú cầm thì thành đất nhị tì hay là nghĩa địa của thú vật; nếu chất chứa nhiều vong mạng, thì sở ấy thật là nhiều âm hồn thú vật. Có khi cô-hồn nó xúm nhau lại, xúi giục cho người làm điều tội lỗi, đặng trả thù oan mạng nó. Tỉ như xe lửa cán mạng người còn có âm hồn thay, huống lựa là bao tử người biết bấy nhiêu sanh mạng chất chứa vào đó, mà không có cô hồn thú vật theo hay sao?

Nếu biết dùng đặng đồ chay, thì bao tử ấy chất chứa toàn đồ hoa quả rau đậu, thì bao tử ấy tỉ như sở đất trồng cây trái hoa quả rau đậu đó thôi.

Nên tu hành cũng phải mượn xác thân cho tinh khiết thì linh hồn mới trong sạch đặng, dùng đồ chay nghĩa là cởi lẩn lột thú cầm trong xác thân con người ra, cho khỏi lẫn lộn với thú cầm nữa, mới thành hình Thần, Thánh, Tiên, Phật đặng.

Ấy vậy xác thân phải chay mới toàn vẹn. Tôi xin tỏ ý chữ nhục 肉 là thịt, có câu thích nghĩa chữ nhục như vậy:

Nhục trung lý nội lưỡng cá nhân, 人

Nội diện chiếu kiến ngoại diện nhưn; 人
Chúng sanh hườn thực chúng sanh nhục,
Tử tế tư lương nhưn ngật nhưn.

Nghĩa xuôi:

Trong chữ nhục có hai chữ nhưn người,
Người trong đội thấy người ngoài,
Chúng sanh trở lại ăn lẫn thịt nhau,
Lo lương tính toán người ăn thịt người!

Mà không hay! Bởi người cũng phải chịu chuyển luân trong vật-chất mới lần đến loài người thì một gốc mà ra.

CHƯƠNG THỨ SÁU

Tại sao có Tam Kỳ Phổ Độ?

Tại nhưn sanh do nơi “Bổn Nguyên Nhứt Điểm Vô Cực” (Tạo hóa) phân chia Chơn thần sanh sanh hóa hóa, lạc hạ nơi thế, vẫn xuống càng ngày càng tăng số, lại bị nhiễm lây hậu thiên trước địa, giao cảm ác khí làm cho tánh xưa đoải biến, mất chất thiên nhiên lu mờ điểm tánh linh của Tạo hóa ban cho mỗi người. Lại còn lưu luyện hồng trần, làm các điều hung ác, hại tổn cho đời hắc khí xung thiên, chơn dương thất chánh, nên Tạo hóa lập định Tam Ngươn Long Huê Kỳ Hội. Tam Ngươn là: Thượng, trung, hạ; ba ngươn. Kỳ là: Nhứt kỳ, nhị kỳ, tam kỳ. Hội là: Hội hiệp các chơn linh của Tạo hóa đem về phong thưởng.

Nên lập Đạo mỗi kỳ đặng độ rỗi sanh chúng tu tâm sửa tánh, bỏ dữ về lành, luyện âm hóa dương, ngưng tụ Chơn Thần, trở về nguyên bổn. Đạo gọi là: chiết khảm điền ly, lấy dương lấp âm, cho ra thành càn, Nho gia rằng: “Quân tử chung nhưt càn càn”.⁴

4-Quân tử nghĩa là người chí-nhơn tột lành. Chung nhưt càn càn là trọn ngày không cho xen lòng nhưn đục, và âm khí lẩn vào điểm linh tánh, thì phần dương không hao khuyết; mới ra quả “càn tam liên”. Càn là Trời vậy.

Nữ Oa gọi luyện thạch bổ thanh thiên, luyện đá vá trời. Đạo là âm dương chuyển biến, xây đổi. Nên phần âm là phần mất lẽ công chánh, sanh kế giết hại lẫn nhau, gian tham xảo trá, hư phong bại tục, đó là ngũ trược ác thế, đã cuối cùng, đến kỳ vận chuyển lại phần dương, như hiền từ thiện, thật thà, chơn chất, thuần phong mỹ tục. Đạo gọi là Âm tận Dương sanh (hết lúc tối đến lúc sáng), theo lẽ Thiên Địa tuần hườn châu nhi phục thủy. Bởi do cơ vận chuyển Tam kỳ, mở Đạo lần ba, bày bố những tinh thần đạo đức ra mà cứu vớt chúng sanh, độ rỗi nguyên như trở về ngôi cũ, vậy mới có Tam kỳ Phổ độ.

CHƯƠNG THỨ BẢY

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ nghĩa là gì?

Đại Đạo nghĩa là: Đạo cả cao siêu. Trời mở rộng ra toàn khắp thế giới. Tam Kỳ nghĩa là: lần này là lần thứ ba. Phổ Độ là phổ trương bày bố ra, độ là độ rỗi cứu vớt sanh chúng nơi chốn u ám chìm đắm sa đọa.

CHƯƠNG THỨ TÁM

Vào Đạo cóặng phần lợi ích cho chúng ta những điều gì chẳng?

Chúng ta vào Đạo, đặng nhiều điều ảnh hưởng trở nên khác lạ hơn lúc chưa có Đạo, khác lạ là bỏ bớt đặng những điều rườy ngon thịt béo, gái non sắc đẹp, bạc bài, xa xỉ, khí nộ xúc phạm, cùng vạy tà gian tham xảo trá, lằng loàn hiếp đáp, giết hại lẫn nhau, đó là ảnh hưởng lợi ích cho chúng ta hiển nhiên trước mắt.

Đạo là luật lệ công bình thiêng liêng của Tạo hóa để truyền bá cho đời. Người có Đạo chẳng khác nào thợ khéo, làm việc chi đã có sợi mực giăng, có thước độ, thì khi dụng mới nên đồ. Nếu người không có Đạo, chẳng khác chi làm thợ không mực thước, tới khi dụng đâu nên đồ đặng! Song người giữ Đạo đặng noi theo luật pháp qui điều mà sửa răn cái tâm tánh cho trở nên

từ thiện, bỏ những điều ác, vay tà, gian tham, xảo trá, rượu thịt bài bạc, tránh điều cạnh tranh hiếp đáp, giết hại lẫn nhau nữa. Như vậy mới đặng hạng người cao thượng siêu thoát luân hồi, khỏi đầu sanh chuyển kiếp, vay vay trả trả, mà lại đặng chứng ngôi Hiền, Thánh, Tiên, Phật, về cựu vị, hạp lý thiên nhiên của Tạo hóa. Ấy là lợi ích về phần giữ Đạo đó. Chúng ta vào Đạo chủ nghĩa là học răn lòng sửa tánh, tu tích hồi thiện, cho khỏi sai luật công bình thiêng liêng của Tạo hóa. Vậy ngược lên không hổ cùng Trời, cúi xuống không thẹn cùng Đất. Nên sách rằng: “Thường bả nhứt tâm hành chánh đạo, tự nhiên Thiên Địa bất tương khuỵ”. Nghĩa là: hằng giữ một lòng tu thân hành đạo chánh, thì tự nhiên không điều chi mịch phạm đến Trời Đất. Nếu chúng ta chẳng vào Đạo, đâu biết giữ luật Đạo, thì phải lo đua danh cướp lợi, đấm những rượu thịt, bạc bài, lấy điều bất công bình mà hiếp đáp nhau, sanh lòng bạo ngược, hung ác, gian tham xảo trá, lập kế giết hại lẫn nhau, đâu biết luật Trời mà làm lành lánh dữ. Nếu chúng ta như vậy là ra hạng người thấp hèn mà bị trong vòng sanh nghề tử nghiệp.

Nay đã gặp đến buổi tuần hườn Trời xây mới Đạo, khai hóa gieo truyền tại phương Nam, chúng ta vào Đạo học tu thân chẳng khác chi chúng ta vào trường giáo huấn mà học sửa tâm phàm tánh tục bỏ dữ về lành, đặng ra hạng người hơn từ hiền đức, dầu ta không thành Hiền, Thánh, Tiên, Phật đi nữa, thì cũng đặng ra phẩm người hiền đức, xa lánh đặng những rượu thịt bài bạc, tranh giành cấu xé nhau; tránh điều tội lỗi, khỏi bị sa đọa luân hồi chuyển kiếp, không phạm đến luật Trời hình phạt, thì cũng đặng phần hơn khi chưa có vào Đạo. Tỉ như người dốt mới đến trường học tập, chúng ta vì không Đạo mới vào Đạo đặng học tập sửa tánh tu thân. Chúng ta đã nhập trường học rồi, thì dầu thi không đậu cấp bằng tốt nghiệp đi nữa, cũng có lẽ biết chữ hơn khi chưa vào trường học đó chớ, lẽ nào dốt thêm hơn khi có học đó sao?

Chúng ta vào Đạo tu thân, sự tấn hóa lợi ích chẳng khác nào như người đi học tập vậy. Trời khai Đạo, chúng ta vào tu đây, ấy là Trời lập trường thi công quả đức hạnh mà làm Tiên, Phật,

Thánh, Hiền; nếu ai biết thức tánh, giữ y luật Đạo, lập công bồi đức cho đầy đủ, đặng mà chứng quả vị Thánh, Hiền, Tiên, Phật, ấy là điều đại lợi ích chúng ta đó, nên sách rằng “Tu kỹ dĩ an bá tánh” nghĩa là: chúng ta tu mà trong bá tánh thấy đều yên tịnh hết. Ấy là cũng do Đạo. Lại có câu: “Quốc hữu đạo tắc hưng, quốc vô đạo tắc suy”. Nghĩa là: nước nhà có đạo đức hiền lành thì dân trở nên thanh hóa, đặng thuần phong mỹ tục; còn nước nhà mà không đạo đức hiền lành thì lo tranh cạnh nhau đoạt quyền cướp lợi, giết lẫn nhau, thì tồi phong bại tục mà phải nguy. Vậy nên vào Đạo lợi ích có phần hơn cho chúng ta dường ấy.

CHƯƠNG THỨ CHÍN

Người đi tu hành phải bỏ nhà cùng vợ con tầm chỗ thanh vắng hoặc núi non mà tu luyện mới thành, phải vậy chăng?

Chẳng phải vậy đâu! Chúng ta xuất thế vào Đạo mà tu đặng sửa tâm tánh, cho trở nên người hiền lành như đức, và làm điều cho lợi như lợi vật, những việc có ích cho đời mới công quả, phước đức đủ đầy là Đạo. Nếu chúng ta đi tu mà lánh đời, không làm điều ích chung, kiếm chỗ thanh vắng mà an ổn, lo phận sự riêng mình, thì có ích chi cho Trời Đất cùng người vật nơi thế cậy nhờ, thì công quả đức hạnh đâu mà trông mong thành đặng. Tỷ như chúng ta muốn làm giàu, thì phải kiếm phương chước chi, làm cho sanh lợi ra của mới giàu đặng. Nếu muốn giàu có mà không chịu khổ cực, thì tiền của đâu nó đến cho mà giàu đặng!

Còn chúng ta muốn thành Tiên, Phật, Thánh, Hiền, hay là hưởng phước thì phải chịu khổ cực với đời, lo cứu độ như sanh, và tu cho lợi ích Trời, Đất cùng người vật, thì nhờ công quả ấy, mới thăng thưởng cho chúng ta thành chánh quả đặng. Vậy nên chúng ta phải ở thế, mà chịu những điều lao tâm tiêu tứ gay go khổ não, cực nhọc khốn đốn: cũng nhờ các điều nơi thế gian này mà trau giồi, tập luyện cái tâm sắt đá của chúng ta, nếu chịu nổi các điều ấy thì trở nên thành quả vị Tiên Phật. Chúng

ta tu đây chẳng khác khúc gỗ kia phải để chịu cho đời cưa cắt, đục đẽo, bào chọt chạm trổ, cho ra hình tượng. Nếu chúng ta tu mà chẳng chịu những điều thế gian đục đẽo bào chọt cùng các sự khổ, thì như khúc gỗ không chịu cho ai đục đẽo, đá động đến thì đâu có ra dáng hình chi mà nên đặng. Sách gọi rằng: Phũ trát chi công dĩ thành kim thân. Nghĩa là rìu búa đục đẽo, chạm trổ mới ra hình dáng, thì công-đức chúng ta lập nên là đó.

Các đấng Phật xưa còn phải chịu trải qua tám mươi một nạn mới thành. Nếu chúng ta có Đạo mà không có đức thì làm sao thành? Có câu: Nhược bất tích âm công, chưởng âm chất động khởi quần ma tác chưởng duyên, nghĩa là: chẳng lập công quả, chẳng chứa âm chất, thì ma chưởng đẩy động ngăn cản khó thể mà thành Đạo. Vậy chúng ta tu trước phải ở thế lập công đức tập rèn tu luyện cho ra hạnh đạo, mà thành Tiên, Phật, Thánh, Hiền mới xứng, nên có câu: “Hỗn tục hòa hoan nhưn bất thức, hành vân lưu thủy độ nguyên nhưn”, nghĩa là “lộn lạo nơi trần thế không ai rõ biết, lặn suối trôi non, tìm kiếm người mê mà độ dẫn”, là trường lập công đức vậy, chẳng luận lên núi mà tu.

Sách có câu:

“Nhơn nhưn hữu cá linh sơn tháp,
Bất tại linh sơn chỉ tại tâm”.

Nghĩa là: “Người nào cũng có núi linh sơn trong tâm, chẳng phải lên núi mà gọi là linh sơn, linh sơn chỉ tại nơi lòng chúng ta”.

Nếu lên núi hay là vào chùa mà không y luật Đạo, tâm tánh không hiền lành, đạo đức chẳng có, làm sao thành hay là siêu thoát đặng, nên phải chịu khổ với đời cho âm chất đầy đủ, sau sẽ kiếm nơi danh sơn phước địa mà tu bực đốn giáo pháp môn, tối thượng nhưn thừa, vô vi bí pháp, như các đấng Tiên, Phật, Thánh, Hiền trước mới đặng: chớ đừng nghe Tiên Phật lên núi tu thành Đạo, mà nay chúng ta mới vào Đạo, chưa hiểu tâm pháp là gì, công quả không có mà bắt chước lên núi hay là chỗ tịnh ngồi luyện thì phải bị tà khí nhập khiếu trung gat gãm về nẻo lợi danh mà trở lại thế nữa. Nên vào Đạo phải cho thông

hiểu sơ giai tu làm sao, trung giai, chánh giai tu thể nào; chớ đừng gọi mới vào trường giai lo đi thi cử nhơn, tấn sĩ. Vậy chúng ta đừng lấy tâm phàm ham muốn thái quá thì sai luật Đạo, lại uổng công nhọc sức. Nếu ai không tin lời tôi luận đây, thì lấy ý riêng của mình làm thử coi, có nguy hiểm không?

Vậy người mới vào Đạo chẳng nên kiếm chỗ thanh vắng sớm mà luyện Đạo là sai lý Đạo.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI

Chúng ta đứng làm con người đây thì lo điều nào là căn bản?

Chúng ta làm người đứng trong Trời Đất này, cần nhứt phải lo cho có đạo đức là căn bản. Bởi Đạo là máy sanh sanh hóa hóa cả thảy Trời Đất, Người vật. Trời Đất có Đạo mới cao minh lâu dài đặng, nên gọi là: “Thiên đắc dĩ thanh⁵, Địa đắc nhưt dĩ ninh⁶”. Người có Đạo thì khỏi sa đọa lẫn lộn vào trong trái đất, khuynh tán điêu tàn, lại đặng siêu thăng thoát hóa, gọi là: “Nhơn đắc đức thành Thánh”. Sách rằng: “Hữu đạo tất hữu đức, hữu đức tất hữu thổ, hữu thổ tất hữu tài, hữu tài tất hữu dụng”.

Nghĩa là: “Có đạo mới có đức, có đức mới có đất, có đất mới có của, có của mới có dùng”. Nên đạo là cơ quan chủ tế của sự sanh hóa, còn không đạo thì phải điêu tàn tiêu diệt. Nếu người mà không biết cơ quan Đạo thì phải xung khắc nhau, giành giựt giết lẫn nhau mà tiêu tị. Bất luận là đời nào, không có Đạo thì phải suy vi tồi tệ, chúng ta đã biết dư, đời vô Đạo thì phải dân tán quốc khuynh, đời có Đạo thì dân an quốc thới, người mà có Đạo cả thảy nhơn loại đặng hưởng cộng hòa. Hễ nhơn loại đặng cộng hòa thì chẳng hạnh phúc nào hơn, nên sách cho rằng: “Thiên thời bất như địa lợi, địa lợi bất như nhơn hòa”, nghĩa là: Thời trời chẳng bằng đất lợi, đất lợi chẳng bằng người hòa.

5- Thanh là khinh thanh,

6-Ninh là ninh tịnh lâu dài, siêu thoát.

Vậ Đạo là căn bản cơ quan của Tạo hóa, nếu chúng ta lo cho nó có Đạo thì ta lo bồi đắp nguồn cội căn bản lớn hơn hết đó. Như đời lấy cái thế lực (là sức người) và trí khôn ngoan ra mà không có Đạo thì thế lực trở lại hiếp đáp giết hại lẫn nhau, thành ra trường náo nhiệt mà phải ra đời kiếp sát loạn ly, nên Đạo là căn bản chính của chúng ta. Phải lo cho có Đạo là điều cần nhất, nên cổ nhơn có câu: “Đản quan Tam giáo, duy Đạo độc tôn”. Nghĩa là: “Xem coi trong Tam giáo thì Đạo là trên hết”.

Chúng ta lo cho có Đạo là điều căn bản vậy.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI MỘT

Vào Đạo mà thờ Thiên Nhãn chủ ý về đâu?

Vào Đạo mà thờ Thiên Nhãn chủ ý về thờ Thần. Thần thuộc Hỏa, Hỏa là mặt nhật thuộc Dương, Dương là thanh khí, thì thanh khí là Trời, nên chúng ta thờ một vầng ánh sáng thanh khí ấy là thờ Trời đó vậy. Bởi chữ thanh 青 một bên, chữ khí 氣 một bên, là Thanh Thiên tức là Trời vậy. Thờ Thiên Nhãn chẳng phải thờ Trời đó sao? Nếu giải thân người, con mắt chủ tâm, tâm là linh quang chơn chánh, mà người biết gìn giữ cái tâm, cũng nhờ kính Trời. Nho gọi là: “Tồn tâm khả dĩ sự thiên”. Nghĩa là: “Gìn giữ bốn tâm đừng cho nhiễm loạn” gọi là thờ Trời. Đạo Gia Tô chỉ nơi trái tim, cũng chủ nghĩa thờ Đức Chúa Trời nơi trái tim. Tục gọi là tâm tức Phật.

Bởi Thiên Nhãn là Thần quang, chủ tế nơi Tâm của mọi người nên chúng ta thờ Thiên Nhãn là chủ nghĩa thờ Trời vậy.

Có câu Thượng Đế dạy về Thánh Nhãn mà thờ như vậy: “Nhãn thị chủ tâm, lưỡng quang chủ tế, quang thị thần, thần thị thiên, thiên giả ngã dã”.

Ấy Thiên Nhãn là Thần, Thần thiêng liêng của Tạo hóa.

Khi trước, Đức Ngũ Tổ hỏi Lục Tổ Huệ Năng: “Trời ở đâu?”. Năng trả lời: “Trời ở nơi tâm ta”. Thì biết rõ Thiên Nhãn là bốn tâm chơn tánh, chủ trương xác thật này, mà lâu nay chúng ta vùi

lấp chảng biết tu dưỡng lại, cho nên hôn mê tán loạn, đâu biết Trời mà thờ kính.

Nay đến buổi tuần huân, Trời mở Đại Đạo, chúng ta mới biết Trời mà thờ kính đó là thủ Chơn linh, Ngươn thần, căn bản của ta vậy. Nên chúng ta thờ Thiên Nhân, chủ ý là kính Trời, một vầng Thần quang ánh sáng đó là chủ thể sanh hóa các Chơn linh của chúng ta vậy.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI HAI

Sao gọi là ba Trấn?

Ba Trấn, nghĩa là cũng Tam Giáo. Như khi Nhứt kỳ, Nhị kỳ các Đấng ấy giáng trần dạy Đạo, kêu là Tam Giáo. Nay Trời lấy huyền diệu lập Đạo, mà chấn hưng Tam Giáo lại phải có ba vị, thay thế cho Đức Phật, Tiên, Thánh, nên kêu là Tam Trấn. Trấn là trấn nhậm. Theo ý ngu tôi tưởng đó là Thượng Đế chọn lựa công quả chơn thần thiêng liêng của ba vị đương lúc ở thế. Như Thái Bạch Kim Tinh, công bình minh chánh; Quan Âm Bồ-Tát tiết hạnh trinh liệt, Quan Thánh Đế Quân trung cương nghĩa khí, đặng phần trách nhậm thế quyền cho đủ số Tam Giáo. Lúc Tam Kỳ Phổ Độ này là kỳ dùng huyền diệu thiêng liêng mà lập Đạo nên phải dùng chơn thần vô vi theo kỳ hội thứ ba, mà thế quyền Tam Giáo, nên lập ba Trấn. Thái Bạch Kim Tinh thường thủ Tiên cơ chỉ rõ cảm ứng rộng truyền chơn đạo, hoằng khai chánh giáo.

Quan Âm Bồ Tát chỉ rõ hạnh tiết trinh liệt, đại chí từ bi cứu độ tín nữ.

Quan Thánh Đế Quân chỉ rõ trung cương nghĩa khí, gìn lòng đạo thứ, hằng đọc Xuân Thu, dẫn độ thiện nam.

Ấy là ba Trấn.

Thượng Đế chọn công quả và có gương chánh kỷ, nên thế quyền cho ba vị Giáo chủ: Phật, Thánh, Tiên, mà dẫn độ cho chúng ta noi gương ấy, kêu là ba Trấn.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI BA

Sao gọi Tam Giáo?

Đạo là nhứt khí sanh nhị nghi, là số tam của Đạo, kêu là tam dương khai thối, Thiên Địa định vị, mới có phân tam tài là: Thiên, Địa, Nhơn; cũng là số tam. Nên Trời có số tam là: Nhứt, Nguyệt, Tinh; Đất có số tam là: Thủy, Hoả, Phong; Người có số tam là: Tinh, Khí, Thân; thì Đạo truyền cho đời, cũng phải có số tam đó mà dẫn truyền thế đạo. Ba ngôi Giáo Chủ là Phật, Thánh, Tiên, cũng một cội mà sanh ba, nên khai Thiên bất ly tam cực, thâu viên bất ly Tam Giáo: nhứt vi tam, tam vi nhứt. Bởi lý ấy gọi Tam Giáo.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI BỐN

Các vị Giáo chủ là ai?

Nhứt kỳ

- *- Thánh Giáo chủ đời Bàn Cổ là Văn Tuyên Đế Quân.
- *- Phật Giáo chủ là Nhiên Đăng Cổ Phật.
- *- Tiên Giáo chủ là Thái Thượng Đạo Tổ.

Nhị kỳ

- *- Tiên Giáo chủ là Lão Tử.
- *- Phật Giáo chủ là Thích Ca.
- *- Thánh Giáo chủ là Khổng Phu Tử, và Gia Tô Giáo chủ.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI LĂM

Các vị Tiên, Phật, Thánh xuống trần hành đạo, lập giáo nơi nào?

Khai quang phổ độ

- *- Lão Tử lập Tiên Đạo tại Trung Huê, giảng sanh đời nhà Thương, vua Võ-Đinh năm Dậu ngày 15 tháng 2.
- *- Thích Ca lập Phật Giáo tại Ấn Độ, Tây Thiên Trước, giảng sanh đời Châu, vua Chiêu Vương năm thứ 24, tháng tư, ngày

mùng tám.

*- Khổng Phu Tử lập Nho giáo tại Trung Huê, giảng sanh đời Châu, vua Linh-Vương, năm Kỷ-Dậu, ngày rằm, tháng chín. Còn Gia Tô Giáo chủ cũng mở Đạo bên Thái Tây, đời nhà Châu.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI SÁU

Khai đạo tại sao, bế đạo tại sao?

Đạo vẫn có một phần dương, một phần âm, hiệp thành kiên khôn thế giới, thì âm dương chuyển vận tuần hườn mà sanh sanh hóa hóa mới có đêm tối ngày sáng. Khi Đạo khai là phần âm cuối cùng vừa tận, thì đến phần dương phát khởi chuyển hóa. Ấy là thời kỳ phổ khai nhưn loại đặng từ thiện minh chánh, hung ác vạ tà điều tàn tiêu tị: lúc ấy dương thịnh âm suy, nhưn vật tuần hườn, đến kỳ thoát hóa, tu tâm dưỡng tánh, cộng hưởng thời bình. Tại nơi cuối cùng, hết lúc Đạo suy, đến lúc Đạo thịnh, do máy âm dương chuyển vận, phần âm cuối cùng thì Đạo khai, còn Đạo bế là tại phần dương cuối cùng muốn dứt chuyển biến ra âm. Hết thịnh đến suy, nhưn vật thay đổi, đến kỳ Đạo bế; hung ác bạo ngược gian tham xảo trá giao cảm ác khí gây nên tội lỗi chìm đắm sa đọa, nhưn vật điều tàn, phần dương tiêu tị, phần âm thịnh phát. Ấy là tại lúc âm thịnh dương suy, nên Đạo phải bế vậy.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI BẢY

Tại về đâu mà chúng ta được biết Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ khai ra?

Chúng ta cũng có chỗ biết chút ít như vậy: - Là vì ⁷ chánh-giáo thất kỳ truyền đã lâu, đời chưa có Đạo nên người mới không giữ cương thường luân lý bỏ phép công bình, lo tranh cạnh hiếp đáp lẫn nhau, làm cho phong đời tục đổi, thì chúng ta nghĩ sau đây sẽ có một chơn Đạo nào chấn hưng mà dạy thế sửa đời cho

7-Chú thích: Trong nguyên bản chánh không có chữ vì.

ra thuần phong mỹ tục, mới theo lẽ tuần hườn. Tỉ như một năm có bốn mùa, xuân, hạ, thu, đông, mà chúng ta vẫn gặp lúc thu đông đã lâu rồi, thì sẽ có mùa xuân nữa, như chúng ta ở lúc ban đêm thì cũng sẽ có vận chuyển đến lúc ban ngày, lẽ nào ban đêm hoài mà không ban ngày? Hết tối thì sáng, không lẽ tối hoài.

Vậy nên Sám Truyền có lưu ký rằng: “Mạt hậu, tam kỳ Thiên khai Huỳnh đạo”, nghĩa là: Sau đây sẽ có Trời mở Đại Đạo nơi kỳ thứ ba, kêu là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Và sử rằng: “Lục vạn dư niên, Thiên khai Huỳnh đạo” nghĩa là, đủ sáu muôn năm lẻ, Trời sẽ mở Đại Đạo lại cùng khắp năm châu, như khi trước vậy, và cũng nhờ có huyền diệu cơ bút thông công cùng Thiên liêng mà chúng ta đặng rõ biết Tam Kỳ Phổ Độ.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI TÁM

Lập Thiên Bàn để thờ ai?

Lập Thiên Bàn để thờ Đấng Chí Tôn là Tạo Hóa. Đấng ấy sanh hóa chúng ta, lại gây dựng Kiên Khôn Thế Giới, sanh sản muôn vật, cho chúng ta hưởng nhờ, thì chúng ta để thờ kính Đấng ấy. Còn kể dưới thì thờ Ngũ Chi Đại Đạo. Ngũ Chi là: Phật Đạo, Tiên Đạo, Thánh Đạo, Thần Đạo, Nhơn Đạo.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI CHÍN

Thờ ai trên hết?

Thờ ngôi Chí Tôn, Đấng Tạo Hóa, thì thờ kính Đấng ấy trên hết.

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI

Tại sao trên hết?

Tại chúng ta vào Đạo thì phải biết bốn nguyên nơi đâu gây dựng Càn Khôn Thế Giới cho đến chúng ta, thì chúng ta phải biết gốc ngọn thủy chung. Cái ân lớn, mà trọng kính thờ phụng

Đấng ấy là Trời trên hết.

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI MỐT

Khi cúng Đức Chí Tôn, dâng Bông, Rượu, Trà chú ý gì?

Khi làm lễ Đức Chí Tôn mà dâng Bông, Rượu, Trà; ba vật ấy chú ý rõ ba vật báu là Tinh, Khí, Thần trong thân thể. Lấy lý Đạo tỏ dấu kính bề ngoài mà cúng cho có thể dụng: Bông thể Tinh, Rượu thể Khí, Trà thể Thần. Vậy lấy ba món báu của người mà chỉ dấu kính, vật có hình mà hiến lễ, vậy nên trong Kinh Ngọc Hoàng Tâm Ấn, gọi là tam phẩm thượng dược: Thần dữ Khí, Tinh là vật quý báu phẩm trên đó. Đạo thơ rằng: “Thiên hữu tam bửu: Nhật, Nguyệt, Tinh; Địa hữu tam bửu: Thủy, Hỏa, Phong; Nhơn hữu tam bửu: Tinh, Khí, Thần”. Nghĩa là Trời có ba vật báu là mặt Nhật, mặt Nguyệt, và Tinh tú; Đất có ba vật báu là nước, lửa, gió. Người có ba vật báu là Tinh, Khí, Thần. Nên chúng ta không có vật chi là quý nữa, chỉ có ba điều ấy quý báu, nên trạng ra vật có hình là: Bông, Rượu, Trà dùng dâng kính hiến Thượng-Đế. Đó là chú ý kính tam bửu vậy.

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI HAI

Tại sao chúng ta kêu Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế bằng Thầy?

Bởi Đức Thượng Đế chính mình xuống lập Đạo, hạ mình xưng với chúng ta bằng Thầy, dạy chúng ta và truyền bảo chúng ta rằng: “Phải kêu bằng Thầy”, dạy điu dắt dạy dỗ chúng ta. Ấy là xưng Thầy mà dạy trò cho hiệp đạo, lại cũng là một phương pháp để làm gương cho chúng ta nữa. Đã đứng bực Chí Tôn lại còn hạ mình xuống xưng Thầy với các con là tỏ ý cái hạnh khiêm cung của Trời cho ta học lấy. Thế thì chúng ta đây là kẻ phạm phu tục tử còn phải hạ mình khiêm cung với kẻ dưới ra làm sao mới hiệp đạo?

Vậy chúng ta phải noi theo gương ấy mà điu dắt lẫn nhau mới có hạnh khiêm cung là hạnh yêu dấu của Đấng Chí Tôn. Bởi lý

ấy nên chúng ta mới dám kêu Chí Tôn bằng Thầy.

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI BA

Cúng lạy chủ ý gì?

Cúng lạy là cảm cái ân đức của Đấng Tạo Hóa và các vì tiền giác. Bởi chúng ta không biết lấy chi báo đáp, nếu lấy lòng chúng hiệp chí thành cung kính nơi tâm thì không thấy rõ ảnh hưởng hình trạng chi hết, vậy phải dùng cúng lạy mà tỏ dấu kính bề ngoài cho có hình dạng khó nhọc cảm tạ ân đức ấy mới vừa lòng; nên dùng hết tinh thần bề ngoài cúc cung tận tụy, đặng ra vẽ kính lễ hiến. Nên có câu: “Lễ Phật đã kính Phật chi đức” nghĩa: lạy Phật là kính đức của Phật. Bởi vậy, buộc chúng ta phải cúng lạy là chủ ý này vậy.

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI BỐN

Cách lạy thế nào?

Lạy chấp hai tay ấn Tý tả thuộc dương, hữu thuộc âm. Ấn Tý đó là chỉ: Thiên khai ư Tý, Trời mở nơi đầu hội Tý. Sách gọi: Vô danh Thiên-Địa chi thủ, là khi trước chưa có Trời, Đất gọi là “Hư không nứt khí”. Còn tay mặt thuộc phía âm, ấp ngoài bàn tay trái, là âm dương bào ấp. Khí âm ở ngoài, khí dương ở trong, âm dương lưỡng hiệp kêu Kiền Khôn Định Vị. Còn ngón cái tay mặt chỉ ngôi Dần bên tay trái, tay âm chỉ qua tay dương là dấu tỏ: “Nhơn sanh ư Dần”. Dương trung hữu chơn âm, trong bàn tay dương, có ngón phía âm ẩn trong, nên người bấm khí âm dương mà sanh, mới có hậu thiên hình chất.

* Bởi Nhứt kỳ Phổ độ sơ Long Huê Hội, Thái Thượng lập Đạo dạy cách lạy hai bàn tay chấp nắm co lại, như cái bông búp.

* Qua Nhị kỳ Phổ độ nhị Long Huê Hội, Thích Ca lập Đạo dạy cách lạy hai bàn tay sè ra nhập sát lại một, như bông nở.

* Nay đến Tam kỳ Long Huê Hội, Đức Chí Tôn lập Đạo dạy cách lạy chấp tay ấn Tý, kiết quả lại như trái cây có hạt, kêu là kiết quả thấu viên, độ tận chúng sanh trở về cựu vị (ngôi cũ)

là Hạ nguơn thâu viên kết quả, Tam Kỳ Phổ Độ, Tam giáo qui nguyên phục nhứt.

Trước khi vào lạy đứng ngay thẳng rồi xá ba xá, chỉ tỏ dấu thành kính, tam dương khai thới, Đạo lập lần thứ ba cho hiệp chơn lý. Khi chấp tay đưa lên trán chỉ dấu kính Thiên, xá xuống chỉ gối chỉ dấu kính Địa, đem về để ngay ngực, chỉ dấu kính Nhơn, cũng đều gom lại Tâm mà thành kính Đức Chí-Tôn ⁸. Nên lạy cũng cho phù hợp theo nguơn hội mới nhằm Đạo, nên cách lạy phải như thế vậy.

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI LĂM

Cúng lạy nhiều có phước khỏi tội chăng?

Trả lời: “Chẳng phải cúng lạy nhiều mà có phước khỏi tội đặng”. Có phước khỏi tội là tại lòng người biết tu hành ngay thẳng hiền lành nhưn đức, thương người mến vật, bỏ các điều dữ y theo luật Đạo, làm những điều lợi ích chung Trời Đất cùng người vật, thì là phước có phước khỏi tội đặng; chớ chẳng phải cúng lạy nhiều mà có phước khỏi tội đặng!

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI SÁU

Có nên bỏ việc cúng lạy chăng?

Chẳng nên bỏ, vì Trời, Phật, Tiên, Thánh, Thần và tiên linh cũng là căn nguyên nguồn cội trong một điểm chuyển biến sanh hóa đến chúng ta. Nay chúng ta đặng hình chất này cũng do gốc đó mà ra. Các Đấng ấy lại để những gương lành tốt cho đời, và lưu kinh truyền điển dạy đời đặng thuần phong mỹ tục, biết điều lành mà làm, điều dữ mà tránh, được siêu thăng thoát hóa, thì chúng ta đáng ngưỡng vọng ân ấy, nên không biết lấy chi tỏ lòng thù tạ báo đáp, dùng việc cúng lạy bề ngoài cho có

8-Khi quì lạy dấu niệm: Phật, Pháp, Tăng; Phật là Thần, Pháp là Khí, Tăng là Tinh: dấu niệm Thần là Trời, niệm Khí là Đất, niệm Tinh là Người, nên bên Thánh Giáo lấy dấu: Nhơn danh Cha và Con, và Thánh Thần, cũng là ba Ngôi ấy.

dấu kính mà xung tụng nhắc nhở công đức ấy. Đến khi làm lễ đối kính các Đấng ấy thì phải lấy hết lòng, hạ thân đảo bái, cúng tận tụy, cho ra lễ thành kính tỏ dấu bề ngoài, nên không bỏ sự cúng lạy đặng.

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI BẢY

Phật có phải lớn hơn Trời chăng?

Trả lời: Chẳng phải lớn hơn, Trời là Chúa cả Kiền Khôn hóa dục quần sanh, nên bài tặng: “Đại La Thiên Đế ... Nải nhứt nguyệt tinh thần chi quân, vi Thánh, Thần, Tiên, Phật, chi chủ” nghĩa là: Trời làm chủ mặt nhứt, mặt nguyệt, sao, Chúa cả của các Đấng Tiên, Phật, Thánh, Thần. Bởi vậy, chư Tiên có giáng bút cho mấy lời như vậy:

Đạo đức nhà người khá gắng giồi,

Nên hư tại máy cướp cơ Trời.

Trời sanh người, người sanh Tiên, Phật,

Phải nhớ Càn Khôn chớ khá lời.

Bởi Trời sanh người, người biết giác ngộ thức tỉnh tu hành, mới thành Tiên, Phật đặng, nên chữ Phật phải có chữ Nhơn người, một bên chữ Phất mới là Phật. Có làm người trước rồi, sau tu mới làm Phật, nên không phải Phật mà lớn hơn Trời đặng. Nhứt nhứt Đạo nào cũng Đấng Tạo Hóa gây dựng ra cả nên Phật chẳng phải lớn hơn.

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI TÁM

Lập nghi Thiên Bàn để các phẩm vật cúng đó chủ ý gì?

Các phẩm vật để trên Thiên Bàn mà cúng đó là chủ ý lấy lý đạo Tiên Thiên thể ra cho có hình trạng vật chất Hậu Thiên mà sùng bái.

* Phẩm vật nơi Thiên Bàn thường có một ngọn đèn chong ở giữa, đó là Thái Cực đặng, nhứt điểm huệ đặng bất diệt, thể trên Trời là mặt Nhứt, thể dưới đất là Lửa, thể nơi người là Tánh, thể nơi Đạo là Huyền Quang nhứt khiếu; chỉ nơi Trời ở

giữa gọi sao Thiên Xu (Bắc Đẩu), chỉ nơi đất ở giữa gọi là Tu Di Sơn, chỉ nơi người ở giữa gọi Linh Quang nhưt điểm.

* Bên tả để một chén nước trắng gọi là Thái Cang (Tả Thanh Long). Bên hữu một chén nước có trà gọi là Thái Nhu (Hữu Bạch Hổ). Trong chén nước có tám phân, bên âm có trà, bên dương nước trắng: Âm dương hiệp lại thành Đạo. Đạo gọi là: “Nhị bát hiệp thành nhưt cân chi số dã” (nghĩa là hai cái tám phân hiệp làm một cân 16 lượng). Chỉ đối trên Trời là âm-dương, chỉ nơi Đất là cang nhu, nơi người tánh mạng.

* Khi cúng Bông, Rượu, Trà ba vật ấy thể nơi Trời là: Nhựt, Nguyệt, Tinh; nơi Đất là: Thủy, Hỏa, Phong; nơi người là: Tinh, Khí, Thần. Còn lư hương thuộc thổ, tại nơi người là tạng tì, đốt hương cắm năm⁹ đó thể nơi Trời thuộc ngũ khí, thể nơi Đất thuộc ngũ hành, nơi người thuộc ngũ tạng. Mùi thơm chủ về khí nhẹ nhàng, khứ trực lưu thanh, khinh phù xung thấu Cửu-Trùng Thiên, đặng tỏ lòng thành kính của chúng ta chủ ý vậy.

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI CHÍN

Vào Đạo phải minh thệ chủ ý gì?

Minh thệ chủ ý để cho người vào Đạo buộc phải thệ đặng thủ tín, nhớ lời nguyện trước Thiên Bàn: Trời, Phật, Tiên, Thánh, Thần và có mặt Đạo hữu chứng lời thệ nguyện của người vào Đạo đặng người ấy lấy hết một lòng dạ giữ thờ chánh Đạo mà thôi, sau chảng dám làm điều gì sái lời nguyện với bề trên, nên buộc phải giữ lời nguyện với Trời, Phật, Thánh, Thần mới chứng chiếu, đặng chúng ta răn lòng sửa chí hằng ngày phải nhớ lời nguyện mà kèm thúc cái tâm phàm tánh tục, của người giữ Đạo cho cuối cùng.

Nên Phật, dĩ nguyện vi bằng, vô nguyện bất năng thành chánh quả¹⁰. Nên chủ ý thệ nguyện là vậy đó.

9-Ngũ phân chơn hương là năm phân mùi thơm.

10-Nghĩa là Phật lấy lời thệ nguyện làm bằng chứng, không lời nguyện đó không đốc tín lập chí cho thành chánh-quả.

CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI

Còn câu niệm Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát là chú ý gì?

Chủ ý về mỗi khi lập Đạo phải lấy Thánh danh khác mà khai Đạo cho có danh hiệu. Nhưng trong Thánh hiệu lại có lý Đạo. Như niệm hai chữ Nam Mô, là tâm không tưởng chi cả, để không cho thanh bạch đặng niệm Thánh hiệu Đức Chí Tôn.

Còn chữ “Cao Đài” trong Đạo thơ rằng: Thượng Đế viết Cao Đài, viết Linh Đài, hai chữ Cao Đài chỉ phần Nho Giáo. Tiên Ông chỉ về Tiên Giáo. Đại Bồ Tát Ma Ha Tát chỉ về Phật Giáo. Vậy nên kêu là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Tam Giáo qui nguyên. Nên mỗi kỳ Thượng Đế lập Đạo hay là Tiên, Phật cũng đều mượn Thánh danh khác, như Trời khai Đạo khi trước.

Hoặc xưng Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn.

Hoặc xưng Hồng Quân Lão Tổ Thánh Mẫu Từ Tôn.

Hoặc xưng Thiên Địa Lão gia.

Hoặc xưng Huyền Khung Cao Thượng-Đế.

Hoặc xưng Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn.

Nên lập Đạo mỗi kỳ Thánh danh đều khác, cho phù hiệp ngươn hội của Đạo. Câu niệm chú ý là vậy.

CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI MỐT

Mỗi người vào Đạo phải thuộc kinh và đọc cho ăn nhịp nhau một cách, chú ý gì?

Chủ ý Đạo gốc có một mà ra. Nên chúng ta học Đạo phải thuộc kinh nơi tâm, đặng rõ lời yếu lý bí pháp của Đạo, cho biết mà thiệt hành phận sự, và đọc cho ăn nhịp hiệp nhau làm một, ấy là chỉ rõ Đạo có một gốc mà ra, nên kêu là “Nhứt sanh vạn vật, Đạo sanh nhứt”¹¹. Song khi đọc kinh dùng lòng thành tín, tinh thần của nhiều người, đồng hiệp chung liên kết lại, gom về một mà cầu nguyện, khẩn đảo mới là qui nhứt hiệp Đạo, bởi

11-Nghĩa là: Một điểm Linh sanh muôn vật, thì Đạo sanh một điểm Linh ấy.

lý ấy mỗi người thuộc kinh và đọc cho ăn nhịp nhau mới nhằm lý Đạo.

CHƯƠNG THỨ BA MƯỜI HAI

Vào Đạo phải giữ trai giới - Trai là gì, giới là gì?

Trai 齋 nghĩa chay lạt, đồ trong sạch nhẹ nhàng tinh khiết. Giới 戒 là điều cấm răn của Đạo. Trai là chay, nếu ăn chay thì tâm tánh phải hiền lành lánh điều tội lỗi, giảm tánh hung-hăng, đỏi lần họa ra phước, bỏ dữ về lành.

Một là chẳng giết hại loại bò bay máy cựa,
Hai là tránh nợ oan báo, linh hồn đặng trong sạch nhẹ nhàng.
Ba là lòng nhơn biết thương người mến vật.

Đó là giữ trai giới. Nên có câu rằng: “Phật ái chúng sanh như mẫu ái tử”. Nghĩa là: “Phật thương loài chúng sanh như mẹ thương con vậy”. Và có câu rằng “Nhứt tử trì trai thiên Phật hỉ” nghĩa là: “Một người ăn chay đặng thì ngàn muôn Phật thấy đều vui lòng mừng đó”.

CHƯƠNG THỨ BA MƯỜI BA

Ngũ giới là gì?

Ngũ 五 là năm, Giới 戒 là răn, năm điều cấm răn.

Đạo Phật ngũ giới¹²

- *-Thứ nhứt: bất sát sanh, cấm không giết hại loài sanh linh vật sống;
- *-Thứ nhì: bất du đạo, cấm gian tham trộm cướp của người.
- *-Thứ ba: bất tà dâm, cấm không phong tình huê nguyệt.
- *-Thứ tư: bất tử nhục, cấm thịt rượu say sưa.
- *-Thứ năm: bất vọng ngữ, cấm không nói dối trá sai lời.

12- Chú thích: Trong bản chánh không có chữ ngũ giới, chúng tôi mạo muội thêm vào cho tương xứng với đề mục kế tiếp bên dưới là: Đạo Nho ngũ thường (Thánh Thất NSW, Úc Châu).

Đạo Nho ngũ thường

*- Nhơn: “Bất sát bất hại, thể háo sanh chi đại đức”, là không giết hại muôn vật, lấy lòng nhơn phóng xá để chúng nó đặng phần sống, sanh hóa như chúng ta. Vậy mới có lòng bác ái thương người mến vật.

*- Nghĩa: “Nhứt thảo nhứt mộc, các hữu kỳ chủ bất vấn khẩn ngật, ám thủ phi nghĩa” nghĩa là: Cả thấy mọi vật đều có chủ, chẳng hỏi mà lấy và sanh lòng gian xảo tham muốn của người là điều thất nghĩa.

*- Lễ là: Bớt lòng dục nuôi mạng, cấm tà dâm khỏi hao tổn nguơn tinh, sát hại chất sanh, làm cho mất lễ.

*- Trí là: Tồn tâm dưỡng tánh, không dùng rượu thịt mùi ngon vật lạ, mê tâm loạn tánh, hoại hư tạng phủ, đổi mất tánh xưa, biến ra ngây dại, mà thất trí.

*- Tín là: Chỉ ư tín, thủy chung như nhứt, không sai lời dối chí giữ điều chắc thật, cho khỏi thất tín.

Ngũ giới, Ngũ thường cũng một lý.

CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI BỐN

Giữ tam qui là nghĩa gì?

Tam nghĩa là ba. Còn chữ Qui 皈 bạch 白 một bên, chữ phản 反 một bên. Phản bạch, nghĩa là phải trau-giồi sửa tánh trở lại cho đặng thanh bạch gọi là qui, nên kêu Tam qui, là ba điều cho thanh bạch tinh khiết trở lại tánh chơn như Phật tánh.

Ba điều là điều gì?

Một là cho y Phật, Hai là cho y Pháp, Ba là cho y Tăng.

Y là làm cho giống in khuôn không sai, gọi là Y 依. Y Phật là tu tâm sửa tánh, tịnh dưỡng nguơn thần, y lại như thuở mới sanh (nhơn chi sơ, tánh bổn thiện) gọi là y Phật. Y Pháp là tu điều dưỡng nguơn khí (hơi thở) không cho hao tán, phục lại Tiên thiên, không hô hấp là chơn khí như thuở mới sanh, gọi là y Pháp. Y Tăng là tu bổ nguơn tinh chẳng cho hao tán khuy tổn y lại như thuở nhỏ, tinh ba đầy đủ chưa khuyết điểm vậy là y

Tăng. Nên tam qui chủ nghĩa tu luyện Thần Khí Tinh, ba điều cho y nguyên lại thanh bạch tinh khiết, gọi là qui y.

CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI LĂM

Tập cơ chấp bút, quan hệ của việc cơ bút thế nào?

Quan hệ việc cơ bút tối trọng. Vì cơ bút cốt để dùng thông công với Thiên liêng không hình dạng, mà chúng ta là người có hình chất phàm phu nhục nhãn, đâu thấy biết rõ dạng lẽ nào tà chánh, phải hay là quấy, vì những điều có hình dạng hiển nhiên đây mà chúng ta phân biệt chơn giả còn chưa thiết đặt; huống chi không hình dạng ánh bóng, tuy lấy lời chánh tà có lý hay là không có lý, mà biện luận đó thôi. Có khi Tiên Phật giảng dạy chúng ta điều chánh đáng có ích, mà chúng ta không muốn làm theo lời ấy. Có khi tà quái lấy sự thông minh của chúng nó bày điều có lý hay hơn chúng ta, và phù hợp ý chúng ta thì chúng ta lại nghe lời chúng nó cám dỗ, sai khiến, bị mưu lớp hao tài tổn của, lại thêm nhọc sức. Chúng nó làm nhiều điều huyền diệu cho mà tin, và có lý tín ngưỡng mà lại làm tội tở nó. Có khi thần tư tưởng của người phò cơ, hoặc của người hộ đàn, cũng có thể tiếp thêm điển mà ra bày điều cho chúng ta làm mất ngày giờ mà không biết đặt. Vì điều sai khiến chúng ta đặt là chơn thần của chúng nó mạnh hơn, hoặc cái chơn thần nó ra đặt khỏi xác, nó thông linh, biết điều vị lai quá khứ, nên nó rõ cao xa, lại do theo ý muốn của chúng ta mà nó lập theo, ắt phải lầm hại, chùng biết ăn năn thì đã muộn.

Còn người phò cơ chấp bút cũng bị cái thần điển nó nhập vào choán cái chơn thần của đồng tử, thì chơn thần của người phò cơ chấp bút, càng ngày càng suy giảm thối vị lần lần. Có khi nó choán hết chơn thần, còn lại thức thần phải điên cuồng lảng trí là khác nữa. Bởi có người tập cơ chấp bút mà điên cuồng là vậy, nên cơ bút là quan hệ tối trọng chẳng nên dùng thường.

CHUNG

TÓM LƯỢC ĐIỀU KIỆN GIA NHẬP BAN THẾ ĐẠO HẢI NGOẠI (HIỀN TÀI DỰ PHONG) & THỂ THỨC NỘP HỒ SƠ

I.- ĐIỀU KIỆN GIA NHẬP.

Muốn gia nhập vào Ban Thế Đạo với danh xưng Hiền Tài Dự Phong, các ứng viên cần phải hội đủ các tiêu chuẩn sau đây:

1- Phải là Tín đồ Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh (có nhập môn).

2- Hội đủ một trong các điều kiện về Văn hóa, chuyên môn hoặc các điều kiện đặc biệt dưới đây:

- * Tốt nghiệp Đại Học ở hải ngoại (Bằng BA, BS hoặc tương đương trở lên)
- * Hoặc tốt nghiệp bằng Tú Tài II hoặc Cử Sĩ Quan (thời kỳ trước năm 1975) cấp bậc từ Đại Úy trở lên hiện sinh sống ở hải ngoại.
- * Hoặc những nhà kinh doanh, nhân sĩ có đạo tâm có công nghiệp giúp ích cho Đạo.

3- Đối với các trường hợp (a, b, c, d, và e) cần được sự tiến cử của Chức sắc Thiên Phong cấp Giáo Hữu trở lên hoặc của ít nhất là (01) một vị Hiền Tài trở lên. Nếu người tiến cử là Chức sắc Hành Chánh Đạo tại địa phương (cấp Châu Đạo, Tộc Đạo) thì (01) một vị Quyền Đầu Tộc đương quyền hành Đạo trở lên tại địa phương đó có quyền đứng ra tiến cử.

Tại các địa phương chưa có Tộc Đạo, Chức Việc trong Bàn Trị sự được quyền đứng ra tiến cử nhưng phải có ít nhất là (02) hai vị trở lên mới hợp lệ.

I.- HỒ SƠ XIN GIA NHẬP.

Hồ sơ xin gia nhập gồm có:

a- Đối với Quý vị Hiền Tài Khóa VI :

Quý vị thuộc Hiền Tài Khóa VI trước đây được trân trọng mời tham gia hoạt động trong Ban Thế Đạo, không cần phải lập lại toàn bộ Hồ sơ (không cần người Tiến cử, miễn chứng minh về điều kiện văn hóa chuyên môn . .), mà chỉ cần hoàn tất các thủ tục dưới đây:

*Nếu còn Giấy Biên nhận nộp Hồ sơ: Chỉ cần làm Phiếu Gia Nhập (Mẫu HT6/1) và kèm Bản chính Biên nhận nộp Hồ sơ là hợp lệ (Bản chính sẽ được hoàn lại).

*Trường hợp Giấy Biên nhận nộp Hồ sơ bị thất lạc, chỉ cần làm Tờ Cam Kết (Mẫu HT6/2).

b- Đối với Ứng viên Hiền Tài Dự Phong thuộc thành phần-Trí Thức ở Hải ngoại: Hồ sơ xin gia nhập gồm có:

-Phiếu Gia nhập Ban Thế Đạo (Mẫu A)

-Tờ Tiến cử (Mẫu B).

-Bản sao (Photocopy) các Văn Bằng, Chứng Chỉ theo quy định.

-Giấy Nhập Môn vào Đạo (Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ-Tòa Thánh Tây Ninh).

***Các Trường hợp đặc biệt:**

b1- Đối với con em trong gia đình Đại Đạo (Tòa Thánh Tây Ninh):

-Nếu đã Nhập Môn nhưng Giấy Nhập Môn bị thất lạc, cần phải Tái Thệ.

-Nếu chưa Nhập Môn, thì cần đến các Cơ sở Hành Chánh Đạo như Hương Đạo, Tộc Đạo.. để làm lễ Nhập Môn vào Đạo.

b2- Đối với con em gia đình Đại Đạo (Không thuộc Tòa Thánh Tây Ninh) và những người chưa nhập môn vào Đạo:

-Nếu hội đủ các điều kiện về Văn hóa chuyên môn, về Tiến cử ... ,được nộp Hồ sơ xin gia nhập Ban Thế Đạo nhưng Giấy Nhập Môn phải nộp bổ sung trong vòng (06) sáu tháng.

c- Đối với những Vị có Tú Tài II trở lên và những vị Sĩ Quan cấp bậc từ Đại Úy trở lên (Trước năm 1975 chưa có

cơ hội gia nhập vào Ban Thế Đạo) : Nếu muốn gia nhập, hoạt động trong Ban Thế Đạo Hải Ngoại cũng cần lập đủ Hồ sơ như quy định cho thành phần Trí Thức ở Hải ngoại (Điểm b, Mục II).

d- Đối với những vị đã có đóng góp công nghiệp đặc biệt cho Đạo:

- Được miễn Điều kiện về Văn hóa chuyên môn.
- Cần hội đủ điều kiện về Tiến cử, về Nhập môn quy định.
- Giấy chứng minh đóng góp công nghiệp cho Đạo.

III - NƠI NỘP HỒ SƠ.

Hồ sơ gửi về Ban Thế Đạo Hải Ngoại, địa chỉ:
BAN THẾ ĐẠO HẢI NGOẠI
Số: 3076 Oakbridge Dr,
SAN JOSE, CA.95121-1716

IV - THỜI HẠN NỘP ĐƠN.

Không có thời hạn. Ban Thế Đạo Hải Ngoại luôn luôn lúc nào cũng hân hoan đón nhận các hồ sơ gia nhập.

V- NƠI LIÊN LẠC CẦN THIẾT:

- HT. Nguyễn ngọc Dũ:- Phone: 408-238-6547
Email: dutani@comcast.net
- HT.Nguyễn văn Cầu- Phone: (408) 292-2686.

Nội Luật Ban Thế Đạo

.....
Có nhiều bậc ưu thời mẫn thế sẵn có Đạo tâm, giàu lòng nhân ái, muốn phụng sự Đại Đạo, nhưng còn ràng buộc trách nhiệm đối với quốc gia, xã hội, chưa thể Đời hành Đạo được. Ban Thế Đạo là nơi dụng hiền, tạo cơ hội cho những bậc có Đạo tâm thực hành thiện nguyện ấy.

**Trích Chương Mở Đầu
Nội Luật Ban Thế-Đạo**

Tập San Thế Đạo

Chủ Trương

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

Thực hiện & Trách nhiệm

HT Nguyễn Ngọc Dũ

Tố Nguyên

Phụ Trách Kỹ Thuật

Ngọc Dao - Thanh Điền

Ngọc Diệp

Phụ Trách Phát Hành

Duy Hòa

Cộng Tác Thường Xuyên

B.S Nguyễn Văn Thọ - TS Nguyễn Anh Tuấn

Lê Văn Thêm- Mai Văn Tâm- Bạch Y

Duy Văn- Nguyễn Trung Đạo- Tố Nguyên

Trần Công Bé- Song Nguyên- Vân Dương

Quang Thông- Lê Tấn Tài (Úc châu)

Lê Tấn Tài (USA)

Yểm Trợ

Bài vở gửi đăng & Tài Chánh yểm trợ
Ban Thế Đạo Hải Ngoại/ Tập San Thế Đạo
xin gửi về:

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

3076 Oakbridge Dr

San Jose, CA 95121-1716

Phone: 408-238-6547 (H)

Email: dutani@comcast.net